

**THÍCH THÁI HÒA**

**MÂY TRẮNG HỎI ĐƯỜNG QUA**

**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

**2018**



## MỤC LỤC

HOA TỬ BI.....	3
VU LAN .....	29
BÓN PHÉP LẠ CỦA Ý.....	60
LÀM THẾ NÀO ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI HỌC TRÒ THÔNG MINH VÀ HỌC GIỎI .....	70
HẠNH LẮNG NGHE.....	74
NHỮNG ĐÓA HOA TUYỆT VỜI.....	80
NGƯỜI VỀ TỪ ĐỈNH NÚI.....	86
KHÉO SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN .....	98
NIỀM TIN VÀ TRÍ TUỆ.....	144
KHÁI QUÁT LỊCH SỬ PHẬT GIÁO VIỆT NAM VÀ HUẾ.....	169
BẦU TRỜI VẼN XANH TRONG .....	214
PHẬT GIÁO HUẾ VÀ AM TRANH GIỮA LŨNG ĐỒI.....	245
GÂY THIỀN DỰNG NƯỚC NON .....	265



## HOA TỬ BI

*Ngày chánh niệm tại Non Nước, ngày 08/04/Ất Hợi (7/05/1995)*

Cuộc hành trình, nếu không có bước khởi đầu, thì làm sao có bước thứ hai, thứ ba, những bước kế tiếp và đi dẫn đến đích.

Từ ngày thực tập chánh niệm tại Chánh Niệm Lâm và từ Chánh Niệm Lâm chúng ta có Thạch Niệm Lâm, từ Thạch Niệm Lâm chúng ta bước về Thuyền Tôn tự, Quan Âm Phật đài, Hoài Nguyên Lâm ở Thừa Lưu, Thúy Vân Linh Thái và giờ đây, Thầy trò chúng ta vượt đường xa qua đèo, qua núi để đi vào ngoại tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng nơi có danh lam thắng cảnh, non nước hữu tình ngàn năm lưu dấu, đó là Ngũ Hành Sơn và chùa Linh Ứng để thực tập ngày tu học Chánh niệm.

Xe đưa đoàn tu học Chánh Niệm gồm có ba chiếc, tập trung tại 3 địa điểm: Tây Lộc, Thành Nội và 56 Lê Lợi, đoàn xe chuyên chở khoảng 100 người khởi hành lúc 4 giờ 30 phút, cùng tại tụ điểm 56 Lê Lợi.

Cũng như thường lệ, tất cả học chúng về hình thức ăn mặc gọn gàng lịch sự, nét mặt trông tươi vui, phấn khởi mặc dù đêm đó không mấy ai ngủ sớm và dậy trễ đâu! Quý vị mang theo đầy đủ phẩm vật để cúng dường: hoa quả, trầm hương, dầu hỏa và không quên mang chút đặc sản của Huế là mè xừng đặc biệt và kẹo cau. Rồi mỗi người tay xách, vai mang, có những vị hai ba xách: thức ăn, nước uống, những đồ dùng cho ngày chánh niệm. Đi xa mà mang theo đồ đạc linh kinh cũng rườm rà thật, nhưng tất cả đều muốn làm đẹp, có ý nghĩa và trang trọng trong ngày chánh niệm cũng như trong cuộc sống vậy.

Đoàn xe đưa Thầy trò chúng tôi rời Huế lúc mặt trời hừng đông và chẳng bao lâu đoàn xe đã vượt Phú Bài, Truôi, Nong..., Nước Ngọt, Thừa Lưu, Lăng Cô, và lên đến đỉnh đèo:

Đỉnh đèo cao hút gió

Bờ vực thăm vô minh

Quanh co đồi núi hiểm

Xa phố chợ phù vân.

Gần đến đỉnh, Thầy trò chúng tôi xuống xe và thiền hành lên đỉnh, dừng lại 57 phút trên đèo và thong thả bách bộ xuống núi, vừa đi vừa ngắm cảnh, nhìn bầu trời xanh cao vợi, trông xuống vực sâu thăm thẳm, cùng đoàn xe xa trông nhỏ nhoi, rì rầm, leo dốc núi, chúng ta thấy rõ sự tự tin của con người trước thiên nhiên hùng vĩ. Đoàn chúng tôi thanh thản với những bước chân nhàn du giữa đèo cao, núi biếc.

Rồi đoàn xe nối đuôi nhau vượt đường trường, lẹ làng, len lỏi lách qua những chiếc xe lớn kèn càng chạy chậm rãi, xe lên xuống quanh co, khúc khuỷu nhưng vẫn bon bon vun vút trên đường dài thiên lý!

Mới Huế đó mà chừ Liên Chiêu, Kim Liên, Hòa Khánh và kìa tượng đức Bốn Sư lộ thiên khổng lồ màu trắng tủa, đường đi “Trưa Huế, xế Quảng” đã đến nơi rồi !

Đoàn xe qua Hòa Mỹ, Phước Tường đến ngã Ba Huế, xe rẽ phải, đi thêm mấy đoạn đường vùng chợ mới và xe từ từ qua cầu Delasse, cầu kiến trúc đơn giản, nhưng cứng rắn

vững chắc như nói lên sức sống kiên cường đấu tranh dũng mãnh của người dân xứ Quảng.

Chúng tôi đến nơi, khoảng 9 giờ, xuống xe là chúng tôi tươi cười nhìn đá, sư tử đá, đồ gia dụng bằng đá với nhiều màu sắc rất đẹp, nhìn qua cũng tương tự như hồng ngọc, bạch ngọc, tủy ngọc đắt giá trong các cửa hiệu kim hoàn, có cả những chiếc vòng cẩm thạch cũng lên nước vân xanh, vân xám nhạt! Tiểu thủ công nghệ thì rất tỉ mỉ, công phu do bàn tay và trí óc của những nghệ nhân điêu khắc sáng tạo.

Đường lên Non Nước đục núi mà đi, tầng cấp dốc khá cao, nhìn những bậc đá đã nói lên sự kiên trì và công phu xây dựng. Mấy vị cao niên dìu nhau đi nhưng vẫn tươi vui tiến bước, chúng tôi nhờ Phật lực gia bị, vừa đi, vừa xách trong chánh niệm, nên cũng không thấy mệt, các em thanh thiếu niên nữ thoăn thoắt, lẹ làng lên chùa trước với những xách, giỏ nặng tay!

Kìa! Ngôi chùa thật nguy nga tráng lệ, kiến trúc hùng tráng, tân kỳ, chạm trổ hoa văn với nhiều màu sắc rực rỡ. Chúng tôi đi thẳng vào sân chùa. Quý vị, người thì đến



ngôi gần giàn hoa lan cạnh hồ nước để nghỉ chân sau khi lên dốc, kẻ thì lo sửa soạn lễ vật cúng dường. Chúng tôi được dạy mang hành trang cùng đoàn qua ngôi “Nhà Không”, nói theo ngôn ngữ thiền là “Phương trượng”. Ở đây một gian nhà rộng rãi, trống không thoáng mát, xin được phép lộng ngữ ví von: “ngôi nhà của ngài Duy Ma Cật”. Quý vị điều hành của chùa thật chu đáo lưu tâm! Chúng tôi giải lao khoảng 15 phút và tất cả chỉnh đốn lại tư thế. Quý Thầy và quý vị tăng sinh mặc áo vàng, chúng tôi mặc áo tràng tươm tất (nếu có), nghiêm trang xếp hàng một theo sau thầy thiền hành lên điện Phật.

Thầy làm chủ lễ, các vị tăng sinh xếp hàng đứng trước, chúng tôi xếp hàng hai bên, phía sau cùng với quý vị Phật tử địa phương đến lễ bái ngày hôm nay.

Thầy kính cẩn niệm hương và hành lễ. Sau nghi lễ, thầy dạy:

“Thưa đại chúng, hôm nay ngày mùng 8 tháng 4 năm Ất Hợi, tức là ngày 7 tháng 5 năm 1995, tất cả chúng ta đã có cơ duyên về ngôi chùa Linh Ứng này, thuộc Thủy Sơn ở trong Ngũ Hành Sơn để thực tập chánh niệm. Trước khi đi

vào chương trình tu học chánh niệm, thầy công bố nội quy:

1. Ý thức tự giác cao: tự mình làm cho mình có an lạc.
2. Tất cả phải có tinh thần đồng đạo. Mặc dù “mỗi người, mỗi nước, mỗi non, bước vào cửa Phật là con một nhà”. Cho nên phải giúp đỡ, tạo điều kiện tu tập cho nhau.
3. Phải luôn luôn yêu chuộng môi trường sống, không làm điều gì thương tổn, ngay cả cỏ cây, hoa lá và làm thế nào để khi ra đi còn để lại hương thơm!

Sau đó, Thầy giới thiệu về địa thế: “Theo Đại Nam nhất thống chí, thì vị trí của Ngũ Hành Sơn: phía tây là sông cái nước luôn, phía đông của Ngũ Hành Sơn là biển cả mênh mông. Đỉnh cao nhọn và đẹp, trời tạnh nhìn xa sắc như mây gấm... tục gọi là Non Nước. Năm 1837 vua Minh Mạng sắc phong các núi ở Non Nước là Ngũ Hành Sơn. Ngũ Hành Sơn bao gồm: Thủy Sơn, Hỏa Sơn, Mộc Sơn, Thổ Sơn và Kim Sơn. Chùa Linh Ứng nằm trong địa phận Thủy Sơn.

Đồng thời Thầy lược giảng về nguồn gốc của chùa Linh

Ứng tại Thủy Sơn như sau: “Theo truyền thuyết, ngày xưa nơi đây có một bậc Tiên hiền ở làng Khải Đông, đã đến tu học ở động Tăng Chơn, là người đầu tiên khai phá xây dựng nơi này. Rồi theo thời gian chùa thay danh đổi hiệu, đến triều Thành Thái thì từ Ứng Chơn được đổi thành Linh Ứng. Hiện tại thượng tọa Thiện Nguyên đang trú trì ngôi chùa này.

Thầy nói tiếp: “Hôm nay, chúng ta về đây tu học trong cảnh quang trang nghiêm tráng lệ này, chúng ta không quên công lao của Tổ Đức, cũng như sự đóng góp của bao thế hệ tăng già, cư sĩ và những sự đóng góp ấy không những phản ánh văn hóa xứ Quảng mà còn là di sản văn hóa của toàn thể dân tộc Việt Nam. Đạo cũng như đời, khi nhìn từng viên ngói, từng viên đá, cỏ hoa, ta sẽ cảm nhận sâu xa, không những chúng ta phải trân trọng truyền thống của Phật giáo Việt Nam nói chung mà Phật giáo Quảng Nam Đà Nẵng nói riêng nữa”.

Sau phần giới thiệu, chúng tôi theo gót chân thầy thiền hành vào động Tăng Chơn để dự buổi Pháp thoại.

Thật không biết làm sao để chúng tôi có thể diễn tả hết được cảnh kỳ bí, thiêng liêng và với cái tâm sùng kính trong cảnh thực hư mâu nhiệm này, chúng tôi chỉ biết lắng tâm cảm nhận...

Sau nghi thức thiên lễ, Thầy nói với hội chúng rằng: “Hôm nay chúng ta có pháp thoại về **Bông hoa Từ Bi**

- Thế nào là **Bông hoa Từ Bi**?

- Hoa Từ Bi là hoa có khả năng chuyển hóa từ khổ đau đến an lạc, từ trói buộc sang tự tại, từ mù quáng đến trí tuệ, từ thù hận đến thương yêu và từ hệ lụy đến giải thoát.

Đó là bông hoa có khả năng chuyển hóa để hướng thượng!

Hoa Từ Bi là đóa hoa mang chất liệu giải thoát, chất liệu hạnh phúc, tươi mát.

Và khi đã có hoa Từ Bi thì cũng có hoa không Từ Bi.

Hoa không Từ Bi là loại hoa làm nên bởi những chất liệu ganh tỵ, tham lam, giận hờn, mù quáng, khinh mạn, do dự, nhận thức sai lầm bản thân, nhận thức một chiều, hiểu biết

một góc cạnh. Hoa không Từ Bi là hoa cố chấp quan điểm sẵn có của mình, hoa tạo nên bởi chất liệu giáo điều, nhận thức sai lầm, không thấy rõ nhân duyên, nhân quả, chấp có, chấp thường, chấp không, chấp đoạn.

Bông hoa không Từ Bi hiện hữu giữa đời không có hương thơm, làm cho những người có duyên tiếp xúc với nó sẽ trở nên úa tàn, khô chết!

Trái lại Hoa Từ Bi được tạo nên bởi những chất liệu sau:

**1. Tình yêu:** Tình yêu không vị ngã, không mang chất liệu ngã tính.

**2. Tự kiểm soát lấy chính mình:** Có khả năng kiểm soát tâm của mình để cho tâm không khởi lên vọng tưởng, điên đảo. Thân và ngữ cũng vậy, không nói những lời nói vô ích, không hành động những hành động điên đảo, vọng tưởng và từ sự kiểm soát đó mà trong đời sống bông hoa Từ Bi phát sinh chất liệu an lạc, tự do, tự tại.

**3. Kiên trì và chịu đựng:** Bông hoa Từ Bi có khả năng chịu đựng những trở ngại để rèn luyện chất liệu giải thoát.

Vì vậy mà ngay trong lò lửa hoa vẫn nở tươi và vẫn tỏa hương thơm.

**4. Không biến chất, không giải đãi, không biếng nhác mà tích cực, nhiệt tình:** Hoa Từ Bi là bông hoa có khả năng biểu hiện tự tính vô ngã một cách tự nhiên, không bao giờ bị biến chất bởi thời đại; không lúc nào và không ở đâu mà không biểu hiện cái đẹp một cách tự nhiên của mình.

**5. Bình tĩnh và thanh thản trước mọi vấn đề xảy ra với chính nó:** Có bình tĩnh, nên hoa Từ Bi không bị thác loạn, manh động, điên đảo, vọng tưởng đối với mọi hoàn cảnh. Nhờ có chất liệu thanh thản, nên hoa Từ Bi thanh thản ngay ở nơi bận rộn.

**6. Sự sáng suốt:** Nhờ có chất liệu sáng suốt, nên hoa Từ Bi có khả năng soi chiếu để thấy rõ sự thật của vạn vật.

**7. Biết thích ứng:** Hoa Từ Bi biết thích ứng với mọi hoàn cảnh, mọi căn cơ, thời đại để chuyển hóa từ thấp lên cao, từ phàm phu lên Thánh.

**8. Thệ nguyện:** Không có hoa Từ Bi nào mà không phát

khởi thế nguyện. Đó là thế nguyện thành Phật, thế nguyện độ chúng sanh.

**9. Năng lực tự tại:** Loại hoa bình thường hay bị trói buộc bởi điều kiện, còn hoa Từ Bi không bị trói buộc bởi những gì tạo ra nó.

**10. Trí tuệ:** Chất liệu thông minh tạo nên bông hoa Từ Bi.

Trong mười chất liệu tạo nên hoa Từ Bi, có hai chất liệu nổi bật đó là chất liệu tình yêu và trí tuệ.

- Bằng chất liệu tình yêu, hoa Từ Bi hiện hữu mênh mông, bao la, không hạn chế bởi không gian và thời gian. Hoa Từ Bi hiện hữu bằng trái tim toàn vẹn và tinh khôi của mình.

- Bằng chất liệu trí tuệ, hoa Từ Bi thấy rõ bản chất của mọi sự vật mà không bị hình tướng bất thực của mọi sự vật đánh lừa. Hoa Từ Bi hiện hữu ở đâu cũng là hiện hữu của tình và lý. Trong tình có lý và trong lý có tình. Nếu chỉ hiện hữu một chiều thì rơi vào cực đoan.

Hoa Từ Bi làm chỗ nương tựa cho hết thầy chúng sanh và ai có duyên tiếp xúc với những bông hoa đó, thì sẽ có hạnh

phúc không những ngày mai mà chính ngay đây và bây giờ.

Trong kinh Pháp Hoa có ghi rằng, lúc Phật Thích Ca Mâu Ni nói kinh Đại thừa tên Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm, Ngài nói Kinh đó xong, liền ở trong đại chúng ngồi xếp bằng, nhập vào chánh định Vô lượng nghĩa xứ, thân và tâm chẳng động. Khi ấy trời mưa hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha Mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha Mạn-thù-sa từ trên hư không rải xuống cúng dường đức Phật và hàng đại chúng.

Hoa Mạn-đà-la là hoa sen trắng tinh. Hoa Ma-ha Mạn-đà-la là hoa sen trắng tinh vĩ đại trùm khắp mười phương. Hoa Mạn-thù-sa loại hoa sen đỏ cánh rất mịn. Hoa Ma-ha Mạn-thù-sa là hoa sen đỏ vĩ đại, hương thơm mênh mông, rộng lớn cùng khắp. Và đó là biểu tượng cho bốn hàng Bồ tát: Thập trú, Thập hạnh, Thập hồi hương, Thập địa, đang hành đạo khắp mười phương thế giới đều trở về núi Linh Thứu, dự phần vào Pháp hội Nhất thừa.

Hoa Mạn-đà-la là biểu tượng cho hàng Bồ tát đã khơi mở được tri kiến giác ngộ.



Hoa Ma-ha Ma-ni-pa-là là biểu tượng cho hàng Bồ tát đã hiển thị được Phật tánh, tuệ giác ở ngay nơi chính mình.

Hoa Ma-ni-pa-là là biểu tượng cho hàng Bồ tát đã chứng ngộ Phật tánh, chứng ngộ tuệ giác ngay ở nơi chính mình và luôn luôn có tâm hạnh mong cầu cho hết thảy chúng sanh đều chứng ngộ tuệ giác, chứng ngộ Phật tánh.

Hoa Ma-ha Ma-ni-pa-là là biểu tượng cho hàng Bồ tát sắp sửa chứng nhập trọn vẹn tuệ giác và sắp sửa sống trọn vẹn với tuệ giác đó.

Hoa Từ bi là bông hoa tạo nên từ sự tu tập và đó là sự tu tập từ bi và trí tuệ. Sự tu tập ấy có hương thơm theo chiều gió và ngược chiều gió, có hương thơm bay khắp bốn phương, bay khắp mọi thời gian và mọi không gian. Cho nên, chúng ta tu tập nguyện không làm loài hoa thường tình sinh diệt mà chúng ta nguyện làm hoa Từ Bi.

Ta nguyện sống một ngày trong chánh niệm, kiểm soát lại tâm hồn, lời nói, cách sống để xem chúng ta có bao nhiêu chất liệu của hoa Từ Bi, nếu đã có thì chúng ta giữ gìn, nuôi dưỡng, làm tăng trưởng thêm lên và chúng ta soát xét

lại chúng ta có những gì không phải là bông hoa Từ Bi, thì chúng ta sẽ gạn lọc, lựa chọn, để chuyển hóa thành chất liệu của bông hoa Từ Bi và làm cho hương thơm tỏa bay khắp mười phương”.

Sau bài Pháp thoại Thầy dạy: Mỗi một thiền sinh tự chọn chỗ ngồi để thực tập chánh niệm. Chúng tôi thực tập thiền tọa một góc động chành chành dưới chân Phật, tại động Tăng Chơn. Chúng tôi nhìn lên và chiêm ngưỡng Ngài và cảm nhận sự từ bi vô hạn, sự tự tại vô cùng với nụ cười bao dung, thanh thản. Rồi chúng tôi soát xét lại tâm tư như những lời Thầy chỉ dạy trong bài pháp thoại. Và trong niềm Pháp lạc, chúng tôi bộc khởi mãnh liệt những chất liệu của bông hoa cao quý, và giây phút này tự gạn lọc, đào thải những chất liệu của loài hoa luân lưu sinh diệt.

Bài Pháp thoại với chúng tôi là sự chuyển hóa màu nhiệm, là sức sống trao truyền và là mục đích tu tập trong cuộc đời chúng tôi. Đó là bản chất của Đạo, của giác ngộ, giải thoát ngay đây, bây giờ và sẽ mãi mãi mai sau. Chúng tôi như được bảo bọc bởi suối nguồn tươi mát cho đến khi nghe tiếng lặc linh báo hiệu xả thiền.

Chúng tôi chánh niệm đứng dậy, đến ngay tượng Phật và đánh lễ Tam Bảo ba lạy, tưởng niệm đến các bậc phạm hạnh, Tổ đức đã dày công tạo dựng nơi đây và biết đâu với bản nguyện, các Ngài vẫn còn tiếp tục có mặt nơi đây! Đồng thời, chúng tôi chí thành tri ân những bậc đã trao truyền Giáo pháp, khai mở cách nhìn, cách suy tư, cách sống cho chúng tôi. Và rồi chúng tôi thiền hành lên hang gió, đường tuy dốc đứng, chúng tôi gặp những tượng Phật, vị thì thiền tọa ở hang động này, vị thì tự tại ở góc động kia, chính nhờ thế mà chúng tôi thư thái leo lên gần khoảng không, có vòm trời xanh, có thể nhìn thấy mây bay về nơi không trú ngụ. Sau đó đoàn chúng tôi tuần tự thiền hành trở lại phương trượng.

Bữa ăn trưa bắt đầu đúng 12 giờ, những khoanh cơm bới trắng tinh, xôi đậu xanh mềm dẻo, bánh mì... các món ăn cao cấp như: canh kim châm nấu nấm tươi và đậu ngự, mì căng xào chua ngọt với thơm và nấm, măng non kho khuôn đậu, mướp đắng kho rim, bắp giả ram giòn, muối sả đậu phụng đậm đà, tương chao xì dầu cay cay mặn miệng... đó những hương vị hấp dẫn của thiền môn, và

cũng không quên món ăn tươi mát là xà lách đắp cá, dưa gang trộn gỏi. Ở đây, cũng không thiếu các thứ bánh lọc bọc cà rốt nấm mèo, bánh chưng Nhật Lệ, bánh ngọt Trung Quốc, thật trăm hoa đua nở, mỗi người mỗi tay nữ công gia chánh đã tạo nên một thực đơn dồi dào hấp dẫn của bữa ăn “thiền duyệt thực” để tiếp sức cho phần tham quan leo nhiều dốc núi và thiền đàm tại đèo Hải Vân.

Trong khi ăn, mọi người đã ăn trong không khí tươi vui, thông thả tự nhiên và đạo vị. Tội nghiệp, có mấy em thuộc địa điểm Tây Lộc đi trễ xe, phải về trạm An Cựu mua vé và tiếp tục cuộc hành trình, nên chỉ các em ăn trễ, tuy thế thức ăn cho các em cũng đầy đủ.

Sau bữa ăn, mấy chị em chúng tôi cùng nhau xếp dọn đồ đạc, gom góp gọng gàng, quét sạch trong ngoài và cùng các em Phật tử tại chùa giải quyết những đồng lá bánh, bao, bì, vỏ cam, vỏ quýt... và hoàn trả những đồ dùng của chùa, các em rất nhiệt tình hoan hỷ, chúng tôi không quên ngỏ lời cảm ơn!... Sau đó chúng tôi tuần tự đi tham quan. Vì thời gian có hạn, nên chúng tôi không ngắm kỹ, chỉ lướt qua hồ, cá đở bơi lội tung tăng, cá ở đây cũng rất hạnh

phúc! Chúng tôi leo lên nhiều bậc thang đá, hoa Sứ nở rộ tỏa mùi thơm dễ chịu, tôi tưởng chừng như đâu đây hương hoa tỏa xuống từ mây trời! Đến đâu chúng tôi cũng chiêm ngưỡng tượng Phật. Với sự mâu nhiệm của tạo hóa, phối hợp với trí óc siêu phàm đạo vị của con người đã tạo nên những thắng tích kỳ bí. Tôi quanh quẩn ở tượng Phật Bổn Sư ngoài trời, đang được quý Phật tử chuẩn bị thiết lập lễ đài cho ngày Phật đản sắp tới, tâm tư tôi xin được phép dùng lời thơ của một thiền sư để ca ngợi:

Đường xưa còn một lối

Ngôn ngữ vượt qua rồi

Ôi, đất trời mâu nhiệm

Còn chẳng một nụ cười!

Dù thời gian hạn định, chúng tôi cũng đã đi các động xa hơn, huyền bí và thần thoại như động Huyền không, Linh Nham, và Hoa Nghiêm ...

Vào 1 giờ 45 phút, đoàn chúng tôi được Thầy chỉ thị chuẩn bị rời Non Nước. Sau khi Thầy từ giã quý vị điều

hành ở chùa, chúng tôi với hành trang gọn nhẹ trên vai, trang nghiêm vái lạy giữa đất trời và cùng nhau thông thả xuống núi trầm lắng và trật tự như khi lên Non vậy.

Hai bên đường dốc đá, khách thập phương và du khách nước ngoài với nhiều màu sắc, nét mặt tươi cười, có lẽ tất cả đều hân hoan ngưỡng mộ, mặc dù đường dốc và nắng. Chúng tôi có thỉnh một tượng Phật lưu niệm, du khách và bạn bè chúng tôi đã làm hạnh bố thí, san sẻ với những kẻ bất hạnh niềm vui nho nhỏ nói lên sự ưu ái của tình người!

Hai giờ, đoàn xe rời Non Nước, xe chạy đến đường Bà mẹ Anh hùng và chúng tôi vẫy tay chào tạm biệt vùng Quảng Nam Đà Nẵng.

Đến Hòa Khánh khoảng 2 giờ 30 phút, Thầy trò chúng tôi ghé lại chùa Quang Minh. Đoàn chúng tôi lên điện Phật, chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường phước sớ và xuống sân chùa ngắm hoa. Ở đây, có giàn hoa leo màu xanh ngắt dịu dàng, nhu nhuyễn và có một loại hoa rất lạ đối với tôi, thân và lá màu tủy lục, hoa trắng ngà tinh khiết e ấp nụ hoa, có lẽ thuộc dòng họ hoa lan. Hỏi ra, tên hoa là Quan

Âm. Bông hoa thì xa lạ, nhưng tên hoa thân thương không biết tự bao giờ!

Đến chùa nào cũng để lại trong tâm tư chúng tôi những niềm vui nhẹ nhàng, thanh thản. Và hôm nay, đặc biệt quý sư bà, sư cô ở đây đã ưu ái đến thầy trò chúng tôi và sau cùng, thầy trò chúng tôi đã mang tặng phẩm theo xe về Huế. Đoàn chúng tôi rất cảm động và nhủ thầm khi nào hội đủ nhân duyên sẽ trở lại.

Và đây là chuyến về đặc biệt, thầy trò chúng tôi mang quà đường xa về cho quý vị ở Huế thọ dụng, có thể là hôm nay có các em Phật tử làm lồng đèn Phật đản, có thể là các chú, các điệu... dùng. Chắc là khi ăn, ai cũng tươi cười cảm động trước sự ân cần “của chẳng bao nhiêu đồng mà công khó quý sư cô mấy lượng!”

Ba giờ, thầy trò chúng tôi kiêu từ. Xe chuyển bánh trực chỉ Hải Vân lâm.

Chẳng mấy chốc, đoàn xe đã lên đèo và dừng lại sát đồi thông, đoàn thực tập thiền đàm tại đây.

Sau nghi thức thiền đàm, thầy dạy: “Khi những thiền sinh trả lời công án, thì các thiền sinh khác lắng nghe và tập giữ tâm bình thản, vô phân biệt, không thiên kiến, mọi người tự do phát biểu theo ý của mình trong thiền vị, và buổi thiền đàm bắt đầu bằng công án: “Trong cuộc sống của bạn, cái gì làm chủ?”.

Trước tiên là một thiền sinh nữ đáp án: “Theo kinh Pháp Cú là do “Tâm làm chủ”, tâm tạo tác, nếu với tâm nhiễm ô, nói lên hay hành động, khổ não bước theo sau, như bánh xe lăn theo chân vật kéo!” và tuân tự các thiền sinh khác cũng phát biểu tương tự, hàm ý cũng không ra ngoài “Tâm làm chủ”.

Chúng tôi suy tư về bức tranh “Thập mục nguou đồ”, thường treo trong nhà thiền và rồi cũng chấp chững bất chước, tập trả lời theo ngôn ngữ ngắn gọn.

Cũng có nam thiền sinh trả lời rằng, bằng những động tác nói lên sự suy tư của tâm, chúng tôi không ghi lại sự suy luận vì mấy ai đoán được tâm ai, ví phỏng cuộc đời này có mấy ai là Bá Nha và Chung Tử Kỳ?! Nếu không khéo, mình đem cái tâm chúng sanh của mình mà suy diễn là vô



tình đặt vào cái tâm siêu phàm bạt tục của kẻ khác, thì sẽ rơi vào quan điểm vọng tưởng.

Và sau đó, có một vị tăng sinh trả lời tương tự như sự phát biểu của một thiền sinh lão thành đã thọ Bồ tát Giới. Theo đáp án của vị tăng sinh, thì: Chánh niệm tỉnh thức làm chủ trong đời sống của chúng ta”. Quả thật, như tấm gương phản chiếu, người chân chánh, hiền hòa, thì chỉ suy tư điều chánh và tỉnh thức chánh niệm làm chủ. Còn với cái tâm chúng sanh chạy của chúng tôi đây chưa thuần thực, khi thì thiện, lúc thì ác, khi thì phàm, lúc thì thánh sai khiến, điều hành, cho nên, còn đứng xa ngoài ngõ thiền môn! Âu đó cũng là Pháp nhĩ như thị! Vậy, chúng tôi cần phải có sự suy tư, phải cố gắng tu tập mỗi ngày, mỗi chuyên hóa để có đôi chút chất liệu của bông hoa Từ Bi.

Hội chúng đã thiền ca và thiền đàm trong niềm vui an tịnh giữa đồi thông xanh mát và gió biển rì rào...

Im lặng trong giây lát và Thầy hỏi nhỏ: Mấy giờ ...?

Bây giờ, Thầy bắt đầu đứng dậy, chấp tay ngang ngực.

Chúng tôi chính đốn tư thế ngồi cùng chấp tay ngang ngực, lắng nhìn từng bước chân đi... Thầy đi từng bước thiền hành qua mặt tất cả học chúng, gót chân là tụ điểm của bàn chân. Thầy đi tiếp đến chỗ đặt bình hoa, nhẹ nhàng bung bình hoa lên ngang ngực, nét mặt hiền hòa nhìn rõ bông hoa và xoay chiều hoa vào trước ngực, rồi đi về chỗ ngồi. Thầy khoan thai đặt bình hoa trước mặt, nhìn tất cả hội chúng và nói với âm thanh rõ ràng, trong sáng: “Tâm thiện là chủ của cõi Thánh. Tâm ác là chủ của cõi chúng sanh. Thiện và ác là hai mặt của Tâm. Nhưng tâm không có hình tướng, không có màu sắc, thì chúng ta diễn đạt về tâm chẳng qua chỉ là ngôn ngữ giả định mà thôi. Tâm phải là tâm kia mà, chứ đâu phải là ngôn ngữ!

Bạn cứ bước đi, những bước chân có ý thức chánh niệm, thành thoi, đi, đứng, nằm, ngồi trong chánh niệm tự giác, thì bạn là chủ của bạn, nếu bạn sống vội vã, bồn chồn, thì bạn đã bán đứng bạn cho chúng sanh, cho vọng tưởng.

Nếu đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng trong chánh niệm, thì bạn sẽ có hạnh phúc.

Tâm là một dòng sông chảy liên li. Tâm phải là ông chủ kia mà! Chứ không phải ông chủ mang ý nghĩa ông chủ ước lệ! Theo kinh Hoa Nghiêm, tất cả đều tác động bởi tâm, nên khổ đau hay an lạc đều do tâm tác động. Giờ đây, chúng ta ngồi giữa núi rừng và cảm nhận sự an lạc, trong khi bao nhiêu người cũng ở giữa núi rừng mà nào có thấy an lạc gì đâu? Cho nên, an lạc là phải sống thực để thấy rõ từ nơi tâm, chứ không phải do cảnh. Vậy tâm làm chủ, tâm tạo tác, tâm dẫn đến hành động”.

Thầy cũng đã ngỏ lời nhắc nhở: “Quý vị đã đáp án mỗi người mỗi vẻ, phản ảnh tự tâm của mình, tuy nhiên không nên tự cho mình đúng hoặc nghĩ rằng mình sai mà chỉ nên suy tư trong chánh niệm”.

Thầy dứt lời, tất cả hội chúng đều đứng dậy, chắp tay ngang ngực, Thầy nói tiếp: “Giờ đây chúng ta thành kính tưởng niệm và vô cùng biết ơn đối với Tam Bảo, các vị Sơn thân, Thổ thân, Long thân, Lâm thân... các vị hiện có mặt hoặc ẩn khuất, xin quý vị hãy ghi nhận tấm lòng tri ân sâu sắc của Thầy trò chúng tôi trong buổi tụ tập này, nếu có điều thiện nào, thì xin hồi hướng đến quý vị để ông chủ

ác trở về với ông chủ thiện và nếu có điều gì không vui, xin quý vị vui lòng chuyển hóa để trở thành bông hoa Từ Bi bất tử “.

Hội chúng cùng Thầy tụng bài hồi hương:

Nguyện đem công đức này

Hương về khắp tất cả

Đệ tử và chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo.

Âm thanh của lời kinh hồi hương tỏa rộng đến vô cùng!

Trời đã về chiều, chúng tôi tuần tự xuống đồi thông và đoàn xe chuyển bánh, ngoài khơi biển xanh mênh mông sóng lặng hiền hòa!

Xe đến ngang đèo, mây bay lơ lững quyện cùng với núi đá, chúng tôi bỗng cảm nhận:

Sương khói chiều nay trên đỉnh đèo, đường về theo nhịp bước chân ai, in trên núi biếc gầy thân hạc ... và những vần thơ trong tập “Sương đọng ven trời”:

“...Đi không lưu một dấu hài

Ngày về cũng vượt ra ngoài có không...”

Phải chăng, những bước chân “từ thiên hà xa xôi trở về trái đất” hay những bước chân chừ đi trong cõi phù trần đều đến như mây bay và đi như gió thoảng, mà đường mây thì mênh mông không lộ và gió kia đang trú ngụ nơi nào, tùy duyên mà tụ tán, tùy duyên mà đem sự tươi mát, an lạc đến, đi giữa dòng đời với tâm vô điểm trú.

Xe về đến Huế, thành phố đã lên đèn. Đường tuy xa mà tất cả hầu như không thấy mệt, thật an toàn, hạnh phúc. Chúng tôi nhìn hai vị quay phim và nhiếp ảnh như hứa hẹn ngày Phật đản, lúc 3 giờ tại chùa Phước Duyên (như lời Thầy dặn) để được xem những hình ảnh ghi lại đẹp và đầy đủ ý nghĩa về ngày thực tập chánh niệm.

Đoàn xe và tất cả học chúng đã về đầy đủ tại tụ điểm 56 Lê Lợi, trước khi trả học chúng về các địa điểm Tây Lộc - Thành Nội. Chúng tôi chia tay nhau bằng nụ cười tươi vui thân quý và trong tự tâm tôi khởi niệm danh hiệu đức Bồ tát Quán Thế Âm.

Chúng tôi thiết nghĩ, máy quay phim và máy ảnh cũng như tâm quý vị là những phóng viên bén nhạy linh động và kinh nghiệm, chắc chắn ghi nhận chính xác và đầy đủ nhiều.

Riêng chúng tôi, cũng xin được góp nhặt ghi lại một cách tương đối và còn nhiều khiếm khuyết để được cùng quý vị nói lên cuộc hành trình tu tập chánh niệm đường xa, mong sao quý vị ở nhà có thể hình dung cảm nhận đôi nét sinh hoạt trong ngày tu học mùng 8 tháng 4 năm Ất Hợi (1995), tại Non Nước, Đà Nẵng.

Quả thật “đường đi không khó vì ngăn sông cách núi mà khó lòng người ngại núi e sông”, và một khi với những tâm hồn hiền thiện làm chủ, trong sự quyết tâm tu học như ngày hôm nay, thì cho dù “Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua!” Huống chi, chừ đây đã rõ kiếp người trong từng hơi thở mong manh và nhìn lại thân tâm, nào ta đã có chút gì đâu gọi là hành trang mang theo trong cuộc hành trình dài đằng đẵng, để mong có cơ duyên thoát ly sinh tử luân hồi.

*Học trò Nhuận Thiệu Nguyễn kính ghi*

## VU LAN

*Pháp thoại Thầy Thích Thái Hòa giảng cho học chúng Chánh Niệm  
tại chùa Phước Duyên, Huế, ngày 05/09/1998 (15/07/Mậu Dần)  
do các đệ tử Nhuận Từ Nguyên, Tịnh Phương và Tâm Hải phiên tả.*

Nam mô Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Thưa đại chúng !

Hôm nay là ngày lễ Vu Lan. Vu Lan tiếng Phạn gọi là Ulumpana, nó có rất nhiều nghĩa, nhưng nghĩa căn bản của Vu Lan là “Giải đảo huyền”. “Huyền” nghĩa là sợi dây. Mở sợi dây cho người đang bị cái khổ treo ngược, gọi là “giải đảo huyền”.

### **Hãy mở sợi dây**

Thưa đại chúng !

Có cái khổ nào khổ hơn người đang bị treo ngược, người bị treo ngược đó có thể là cha mẹ ta, có thể là người ta

thương yêu, có thể là tổ tiên ông bà nội ngoại của ta, cũng có thể đồng loại của ta và rộng ra nữa có thể là pháp giới chúng sanh.

Sở dĩ bị treo ngược, là bởi vì do miệng của họ nói ác, thân của họ chuyên làm ác, tâm của họ chuyên nghĩ ác. Nói ác là nói những lời bất hiếu với cha, với mẹ, bất hiếu với tổ tiên ông bà. Nói ác tức là nói những lời không đưa đến sự hòa hợp đoàn kết hữu ích, nói không chân thật. Do nói những lời nói như vậy, đưa đến quả báo bị treo ngược.

Thân làm ác là làm như thế nào? Là làm những điều gây đau khổ cho mọi người, như giết hại, trộm cắp, tà dâm..., đó gọi là thân làm ác. Tâm nghĩ ác, là tâm luôn luôn nghĩ đến những điều ích kỷ hẹp hòi, tham lam, bần tiện, hận thù, trách móc, tâm nghĩ như thế gọi là tâm nghĩ ác.

Khi tâm đã nghĩ ác, miệng đã nói ác, thân đã làm ác, nhất định sẽ đưa đến quả báo làm ta bị treo ngược. Treo ngược ở trong đời sống của ngựa quỳ, của súc sinh, của địa ngục. Tuy nhiên, sợi dây treo ngược chúng ta, treo ngược cha mẹ chúng ta, treo ngược tổ tiên chúng ta, chúng ta rất dễ thấy,



nhưng mà sợi dây treo xuôi chúng ta, treo xuôi cha mẹ chúng ta, treo xuôi ông bà chúng ta và khi bị treo xuôi như vậy, thì rất khó thấy, bởi vì sợi dây treo xuôi có khi nó lại êm ái, dễ chịu, nhưng mà lại cột chúng ta rất chặt.

Sợi dây treo xuôi đó là gì ? Đó là phước báo của cõi trời, cõi người. Phước báo của cõi trời, cõi người, đôi khi chúng ta bị cái phước báo đó cột chúng ta rất chặt. Phước báo của cõi trời là chúng ta có thể làm đến Phạm Thiên, Đế Thích hoặc là phước báo cõi người, chúng ta có thể làm đến vị Chuyển Luân Thánh Vương ở trong thiên hạ, hoặc là chúng ta có thể rất giàu có. Tất cả những phước báo đó, còn nằm ở trong sinh tử luân hồi, đang còn nằm ở trong cái bị già, cái bị bệnh, cái bị chết và còn bị tái sinh. Nó còn nằm trong cái mơ ước mà không thành, đang còn nằm trong tình trạng chấp ngã, và chính những cái đó là sợi dây treo xuôi chúng ta và chúng ta khó thoát ra khỏi bởi sợi dây đó, vì nó rất là mịn và sợi dây đó nó treo xuôi mình, một đôi khi mình thấy dễ chịu, và thấy thích thú với nó nữa. Do đó, mà chúng ta bị sợi dây treo xuôi ở trong thế gian cột rất chặt.

Bây giờ đây, ngày Vu Lan trở về, hàng Phật tử chúng ta tha thiết mở sợi dây treo ngược cho bản thân chúng ta, cho cha mẹ chúng ta, cho tổ tiên, ông bà nội ngoại chúng ta, cho những người chúng ta yêu thương, nhưng đồng thời chúng ta cũng nhìn bằng con mắt thật sâu, để tìm cách mở sợi dây treo xuôi nơi tự thân của mỗi chúng ta, treo xuôi cho cha mẹ chúng ta, treo xuôi cho ông bà nội ngoại chúng ta nữa. Bởi vì, bị treo ngược hay treo xuôi, cột ngược hay cột xuôi cũng đều là bị cột cả. Và mục đích tu học của chúng ta là để vượt ra khỏi tình trạng của những kẻ bị treo ngược và bị treo xuôi ở trong tam giới. Chúng ta tu tập là để cầu nguyện cho cha mẹ chúng ta, cho ông bà tổ tiên nội ngoại chúng ta không bị treo ngược, hay treo xuôi ở trong tam giới, như vậy mới là người con đích thực có hiếu, là người con đích thực có nghĩa, là người con đích thực có tình đối với cha mẹ của chúng ta, đó là người cháu hết lòng đối với ông bà, tổ tiên nội ngoại của chúng ta.

### **Con mắt Thánh và sự cầu nguyện**

Đại chúng thường tụng kinh hay cầu nguyện cho bảy đời cha mẹ của chúng ta. Tại sao mình không cầu nguyện cho

tám đời, chín đời, mười đời, ba mươi đời mà cầu nguyện cho bảy đời. Trong Phật giáo, lấy con số 7 mà làm mục tiêu cho sự cầu nguyện đối với cha mẹ của chúng ta, nó có một ý nghĩa hết sức sâu sắc và quan trọng. Số dĩ gọi là 7 đời, vì con số 7 trong Phật giáo nó có liên hệ đến sự chuyển hóa sinh tử.

Quý vị biết rằng, khi một vị xuất gia tu học mà chúng được Thánh quả Dự Lưu, tức là hội nhập vào dòng dõi của bậc Thánh, thì vị đó tự biết rằng, mình còn bảy đời sinh tử, tức là mình phải còn liên hệ đến bảy đời cha mẹ của thế gian nữa. Hoặc khi một hàng cư sĩ tại gia mà có niềm tin sâu sắc đối với Tam Bảo và tu tập chúng được Thánh quả Dự Lưu, thì quý vị ấy cũng thấy được rằng, mình còn bảy đời sinh tử, nghĩa là mình còn phải liên hệ đến bảy đời cha mẹ nữa. Còn mình không chịu tu hành, không có niềm tin gì nơi Tam Bảo, chỉ tu chơi chơi vậy thôi, thì mình cứ mệnh mang hoài trong sinh tử. Còn vị cư sĩ mà có niềm tin thuần tịnh đối với Tam Bảo, vị đó có thể chúng được Thánh quả Dự Lưu và vị đó thấy rằng, biên cương sinh tử của đời mình chỉ còn bảy lần nữa thôi và những vị xuất gia

tu học, giới luật tinh chuyên giảm bớt tham, giảm bớt sân, loại trừ thân kiến thủ, loại trừ giới cấm thủ, loại trừ nghi ngờ ra khỏi tâm thức của mình, họ chứng được Thánh quả Dự Lưu, vị đó biết rằng, mình chỉ còn bảy đời sinh tử ở trong Dục giới nữa mà thôi. Cho nên, vị ấy trở lại Dục giới, chết đi sống lại bảy lần, bảy lần có cha và mẹ. Nên, nói bảy đời cha mẹ là nói theo cách nhìn nhận sự liên hệ đối với cha mẹ của một bậc Thánh Dự Lưu.

Nếu mình không tu tập gì hết, thì có đôi khi cha mẹ ở một bên mình, mà mình cũng không nhận biết, hoặc mình sống không có đạo lý của con người, một đôi khi cha mẹ của mình sống một bên mình nhưng mình coi rẽ, xem thường, và dễ gây khổ đau cho cha mẹ của mình nữa. Hoặc là khi không có quyền lợi gì, thì ta thương cha, thương mẹ ta, nhưng khi có một chút quyền lợi liên hệ giữa cha mẹ và con cái, thì ta lại đấu tranh kịch liệt đối với cha mẹ ta và ta xem cha mẹ ta như những kẻ thù, và cha mẹ có thể bị đầu tổ bởi con cái.

Trái lại, khi một hàng cư sĩ hay một hàng xuất gia chứng được Thánh quả Dự Lưu, vị đó biết rất rõ đời sống của họ

liên hệ đến bảy đời cha mẹ. Biết rất rõ sự tái sinh trong bảy đời, ai là cha mình, ai là mẹ mình. Cho nên, trong Phật giáo nói rằng, mình phải luôn luôn nghĩ đến công ơn của bảy đời cha mẹ.

Do đó, ngày Vu Lan về, hàng Phật tử chúng ta học theo hạnh Thánh, quy y Phật, quy y Pháp, qui y Tăng, giữ gìn năm giới là chúng ta bắt đầu đi trên con đường Thánh, chúng ta bắt đầu thực tập hạnh Thánh, bắt đầu tập nhìn cuộc đời bằng con mắt Thánh, nên chúng ta làm điều gì, nói lời gì, nghĩ việc gì đều nghĩ đến sự liên hệ của chúng ta với cha mẹ chúng ta trong bảy đời.

### **Cha mẹ trong đôi mắt Bồ tát**

Càng thực tập như vậy, chúng ta lại càng có cách nhìn sâu sắc hơn, không những chỉ là cách nhìn của một bậc Thánh mà còn là cách nhìn của một vị Bồ tát nữa. Cách nhìn của một vị Bồ tát, không những chỉ nhìn sự liên hệ giữa mình với cha mẹ bảy đời mà còn vô số đời. Bồ tát thấy rằng mình đã có bao nhiêu thân là có bấy nhiêu đời cha mẹ. Nên, Bồ tát không phải chỉ tu tập cho mình mà còn phải tu tập cho

tất cả mọi người, tu tập là để đền ân và báo ân cho tất cả mọi người và mọi loài, tu tập không phải chỉ để đền ân cho cha mẹ một đời hay bảy đời mà vô số đời. Và Bồ tát không phải chỉ cầu nguyện cho bảy đời cha mẹ mà còn cầu nguyện cho cả pháp giới đa sanh phụ mẫu. Nên, Bồ tát làm gì cũng nghĩ đến ân nghĩa của pháp giới đa sanh phụ mẫu.

Bởi vì, Bồ tát thấy rõ thân thể của mình là thân thể được sinh ra từ pháp giới đa sanh phụ mẫu. Nên, thân thể này là thân thể của toàn thể vũ trụ, nó có mặt khắp mọi không gian và mọi không gian đang có mặt trong thân thể này, nó có mặt khắp mọi thời gian và mọi thời gian đang có mặt khắp thân thể này. Cho nên, Bồ tát làm gì là liền nghĩ đến pháp giới đa sanh phụ mẫu, vì Bồ tát thấy rõ, thân của Bồ tát không phải sinh ra đây một lần mà cả hằng tỉ tỉ lần, vô số lần và cũng không phải bỏ thân này một lần, mà Bồ tát bỏ thân không phải là hết, bỏ thân này là để tiếp tục sống với thân khác, sống với hằng hà sa số kiếp thân, sống với vô cùng thân, với vô tận thân, với vô biên thân. Và khi mà một sự sống đã đi tới với cái vô cùng, vô tận, vô biên như vậy, thì chính cái vô cùng, vô tận, vô biên đó là cha, là mẹ

của mọi sự sống.

Cho nên, mặt trời cũng có thể là cha, là mẹ của ta, trái đất cũng là cha, là mẹ của ta, đại dương, dòng sông cũng có thể là cha, là mẹ của ta, không gian cũng có thể là cha, là mẹ của ta, tâm thức cũng có thể là cha, là mẹ của ta. Bởi vì, sự hiện hữu của chúng ta đặt trên nền tảng của tâm thức và cái sắc thân này cũng đặt trên nền tảng của tâm thức, nên tâm thức là cha, là mẹ của ta mà tâm thức là vô cùng, vô tận, vô biên, siêu thời gian, siêu không gian, do đó khi ta làm cái gì, ta luôn luôn nghĩ đến pháp giới đa sanh. Ta tu là tu cho pháp giới đa sanh phụ mẫu, ta học là học cho pháp giới đa sanh phụ mẫu, ta thờ là thờ cho pháp giới đa sanh phụ mẫu, ta cười là cười cho pháp giới đa sanh phụ mẫu, ta ăn là ăn cho pháp giới đa sanh phụ mẫu, ta đi là đi cho pháp giới đa sanh phụ mẫu, ta mặc áo là mặc cho pháp giới đa sanh phụ mẫu và có như thế, ta mới thấy rằng, ta là vô cùng, vô tận, vô biên và ta chỉ nghĩ như vậy thôi là ta đã có hạnh phúc rất lớn. Trong đời sống, ta không có hạnh phúc, là vì tâm ta cạn cợt, trí ta thiển cận, tầm nhìn của ta không ra ngoài gang tấc, nên

sống giữa trời đất mênh mông mà ta vẫn nghèo cùng, đi giữa ánh sáng mà ta chẳng thấy được con đường, ngồi ở trong mâm cơm cam lồ mà lại bị chết đói, thật là xót xa.

### **Phật tính là cha mẹ**

Khi cha ta chết, cái đẹp nhất, cái cao quý và tinh anh nhất nơi cha ta được gọi là thần hồn; khi mẹ ta chết, cái đẹp nhất, cái cao quý và tinh anh nhất nơi mẹ ta được gọi là linh hồn. Thần hồn, nghĩa là cha ta khi xả bỏ cái thân này, là người trở về hòa nhập với cái hồn của trời và hồn ấy, vận chuyển khắp cùng trong vũ trụ, và nó chuyển vận rất nhanh, cho nên gọi là thần hồn. Và vì nó cũng có tính cách nhanh chóng, linh hoạt, phi phạm, nên gọi là thần hồn. Linh hồn, nghĩa là khi mẹ ta bỏ ta đi xa, không sống với ta nữa, thì mẹ ta trở về hội nhập với cái linh khí của đất, trở về với lòng đất và hòa nhập với cái linh khí của đất, nên gọi là linh hồn. Bởi vậy, người xưa nói rằng “cha là trời, mẹ là đất”. Tinh anh của trời là thần khí, tinh anh của đất là linh khí. Thần khí và linh khí gặp nhau tạo ra sinh khí và khiến cho muôn vật khởi sinh, và khiến cho chúng ta biết đi, đứng, nói, cười,... Nên, khi mẹ ta bỏ ta ra đi là mẹ ta trở



về với linh khí của đất, khi cha ta bỏ ta ra đi, là cha ta trở về lại với cái thần khí của trời. Thần khí hay linh khí của trời đất đều là duyên khởi không có tự tính, và từ nơi pháp tính không có tự tính ấy mà thần khí và linh khí sinh khởi, nên pháp tính là cha mẹ của muôn loài, của vạn hữu. Và thần khí, linh khí ấy ở nơi con người, ở nơi chúng sanh, thì gọi là linh giác hay Phật tính, nên linh giác hay Phật tính là cha mẹ của hết thảy chúng sanh. Vì thế mà trong các kinh điển Phật Giáo Đại Thừa, đức Phật dạy, hết thảy chúng sanh đều có Phật tính là vậy. Nên, trong tất cả chúng ta đều có chất liệu cao cả, quý báu và linh thiêng đó. Phật tính là chất liệu quý báu có sẵn ở trong mỗi chúng ta, nếu chúng ta sống với tâm ý ích kỷ, hẹp hòi, tầm thường, thì thần khí và linh khí hay Phật tính ở nơi chúng ta sẽ bị khô kiệt và không thể lưu lộ. Vì vậy, đức Phật dạy: khi một người phát tâm nguyện rộng lớn, thì người đó sẽ có được phước đức vô biên.

### **Hãy quên mình trong sự cầu nguyện**

Nếu có một người cúng dường Phật một bông cam và thấp hương lên bàn thờ của Ngài, cầu nguyện như thế này: “Đạ

xin Ngài gia hộ cho con học giỏi, lớn lên gặp được ông chồng dễ thương, gặp được bà vợ dễ thương, cho con lớn lên làm ông giám đốc này, ông giám đốc khác”, cầu nguyện như thế cũng được, nhưng mà phước ít. Lại cũng có một người cúng dường một bồng cam lên Phật và thắp hương lên bàn thờ của Ngài, bằng cách chấp tay lại, theo dõi hơi thở thật sâu, tâm từ từ yên lặng, vị ấy khẩn nguyện như sau: “Kính lạy chư Phật mười phương, kính lạy đức Phật Thích Ca Mâu Ni, con dâng tặng phẩm thanh tịnh này lên Ngài, để con cầu nguyện cho cha mẹ con, anh chị em con hiện tại và nhiều đời cũng như hết thầy pháp giới chúng sanh có nhiều may mắn, có nhiều hạnh phúc và an lạc”. Chỉ như thế thôi, là ta thành tựu phước đức rất nhiều. Vì sao? Vì ta ý thức rất rõ là trong cuộc sống, ta không thể tách rời ta ra khỏi cha mẹ ta và muôn loài, nên ta làm gì thì hãy vì sự hạnh phúc của tất cả mà làm, thì việc làm của ta có một ý nghĩa rất lớn và tự nó sẽ thành tựu những phước đức rất lớn. Nhưng, nếu ta làm bất cứ cái gì cũng chỉ vì mình thôi, thì phước đức của ta càng ngày càng teo lại và ta sẽ gặp phải nhiều chuyện bất như ý xảy ra đối với ta, ta sẽ sống trong cô đơn và sẽ chết ở trong sự sâu muộn. Nên,

ta có thể quên mình đi và cầu nguyện cho cha mẹ, cho tổ tiên, thì phước đức của ta tự lớn ra, bởi vì ta cầu cho cha ta, mẹ ta, tổ tiên ta là trong đó có ta rồi, nên ta không cần phải cầu nguyện cho ta nữa. Vì vậy, khi ta thắp hương lên bàn Phật, ta khẩn nguyện: “Con dâng hương, hoa, đèn, cam để cúng dường Ngài, là con cầu nguyện cho cha mẹ con, tổ tiên ông bà nội ngoại của con hiện tại, biết tu tập, biết bỏ ác làm lành, biết thương người, cứu vật, sớm phát bồ đề tâm đêm ngày thường sống ở trong đạo giác ngộ”. Ta dâng hương, đèn, hoa, trái cây, bát nước trong lên bàn thờ Phật với tâm thành khẩn và thanh tịnh mà khẩn nguyện như vậy thì phước đức của tự thân rất là lớn. Và phước đức của tự thân ta lớn hơn nữa, nếu ta đem tâm thanh tịnh, tâm rộng lớn, tâm có nội dung của tuệ giác để cúng dường chư Phật và cầu nguyện cho cha mẹ của ta nhiều đời, cho thân bằng nhiều kiếp và cho cả pháp giới đa sanh phụ mẫu của ta, thì phước đức của ta lớn gấp trăm ngàn lần so với phước đức mà ta chỉ cầu nguyện cho cha mẹ của ta trong đời hiện tại.

Và nếu ta thông minh hơn nữa, thì khi ta dâng những tặng

phẩm lên cúng dường chư Phật, ta khẩn nguyện như sau:

“Kính lạy chư Phật, Bồ tát và các bậc Thánh hiền khắp mười phương. Con xin dâng tặng phẩm này để cầu nguyện cho toàn thể loài người biết thương yêu nhau và cùng nhau sống trong hạnh phúc, an lạc”. Ta biết dâng tặng phẩm cúng dường và biết dâng lời cầu nguyện như thế, thì phước báo của ta sẽ lớn hơn nữa. Phước báo của ta là phước báo loài người, cho nên ta đi đâu cũng được loài người trân quý. Ta đâu có phải sống cho riêng ta? Ta sống cho tất cả loài người, cho nên ta đi đâu, ta cũng được loài người trân quý. Người sống với tâm hồn như vậy là người thông minh.

Nhưng, người đại thông minh, thì khi dâng các tặng phẩm cúng dường lên chư Phật, Bồ tát, các bậc Thánh hiền, vị ấy sẽ thờ sâu, giữ tâm thanh tịnh, thích ứng với tâm có tuệ giác lớn và khẩn nguyện như sau:

“Kính lạy chư Phật, Bồ tát, cùng Thánh hiền khắp cả mười phương, con dâng hương hoa, nước, đèn này lên cúng dường các Ngài và xin cầu nguyện cho pháp giới chúng sanh, tất cả đều được an lạc, đều được hạnh phúc,

đều sớm thành tựu Tuệ giác Vô thượng”. Ta cúng dường và cầu nguyện với tâm như vậy, phước đức của ta, nó dần trải ra cả toàn thể vũ trụ, cho nên ta sống ở đâu và đi đến đâu ta cũng có an lạc và hạnh phúc, bởi vì trong ta không còn có cái riêng tư nữa. Toàn thể vũ trụ đều có mặt trong ta và ta đã hòa nhập trong toàn thể vũ trụ, trong pháp giới chúng sanh.

### **Đóa hoa tuyệt vời và thơm mãi**

Ta biết tu học là ta rất dễ thương, ta là đóa hoa tuyệt vời. Bởi vì, đóa hoa ấy, là đóa hoa kết tinh thân khí của cha và linh khí của mẹ và là hồn sống của trời, hồn sống của đất đang có mặt trong ta, nên sự có mặt của ta trong trời đất là một sự có mặt hết sức màu nhiệm. Nếu ta không biết tu học, thì cuộc sống của ta hết sức oan uổng và vô nghĩa.

Thưa Đại chúng,

Sáng nay, quý vị cài hoa hồng tôi thấy cũng vui và quý vị cài hoa trắng tôi thấy cũng vui. Và sáng hôm nay có mấy em Phật tử đem hoa đến cài cho tôi và hỏi tôi rằng, thầy cài hoa hồng hay hoa trắng. Tôi nói: “Hoa hồng cũng

được, hoa trắng cũng được, mẹ cũng còn, mà mẹ cũng mất, cha cũng mất mà cha cũng còn, quý vị muốn cài loại hoa nào lên áo tôi cũng được”.

Nhìn vào một đóa hoa hồng hay vào một đóa hoa trắng, ta thấy rằng, trong đóa hoa hồng hay trong đóa hoa trắng đó, có cha của mình, có mẹ của mình, không phải một đời mà bảy đời, không phải bảy đời mà vô số đời.

Về phương diện thời gian, ta nhìn sâu vào đóa hoa hồng đó là ta có thể thấy cha và mẹ của ta nhiều đời ở trong đóa hoa ấy. Và trên phương diện không gian, ta nhìn sâu vào một đóa hoa hồng, ta sẽ thấy cha mẹ ta đang có mặt ở nơi đóa hoa hồng ấy, vì là mọi tinh hoa của đất trời nó đang quyện vào nơi đóa hoa hồng hay nơi đóa hoa trắng mà ta đang được cài ấy. Và ta nhìn vào bản thân của ta, ta nhìn thấy cái thần khí trong con người của ta là cha, cái linh khí trong con người của ta là mẹ. Cho nên, ta tu tập chánh niệm, tỉnh giác là ta rất dễ nhận ra cha mẹ của ta và ta có thể tiếp xúc với cha mẹ ta không phải một đời mà rất nhiều đời.

Ta hãy nhìn và tiếp nhận cho được thần khí trong con

người của ta, là ta nhận ra cha mẹ của ta. Ta hãy nhìn sâu để tiếp nhận được thần khí trong ta qua từng tế bào, qua từng mạch máu, qua từng buồng tim, qua từng thớ thịt, qua từng lỗ chân lông, là ta sẽ tiếp xúc được với cha mẹ của ta trong từng giây phút của sự sống. Cho nên, khi ta cài một đóa hoa hồng hay một đóa hoa trắng, là ta phải thở sâu và nhìn sâu để tiếp xúc cho được cái thần khí và cái linh khí ở nơi một đóa hoa, và ngay nơi đóa hoa đó, ta cũng có thể tiếp xúc được với thần khí và linh khí của cha mẹ ta ở trong ta và ở trong đất trời, không phải một đời mà nhiều đời, không phải một kiếp mà rất nhiều kiếp. Nên, dù xác thân mẹ tôi đã mất, nhưng trong bài thơ “Tình hoa trắng”, tôi thấy mẹ tôi vẫn còn, còn một cách tươi vui, nguyên vẹn, cùng khắp, tuyệt vời và thiêng liêng.

Áo tôi vàng, em cài lên hoa trắng

Màu trinh nguyên màu mẹ đã qua đời

Tôi không khóc khi áo cài hoa trắng

Vì trong hoa tôi thấy mẹ tôi cười.

Áo tôi vàng em cài tình hoa trắng  
Tình trinh nguyên, tình của mẹ ngày xưa.  
Tôi không khóc khi áo cài hoa trắng  
Vì là hoa ngày trước mẹ tôi yêu.

Áo tôi vàng em cài lên hoa trắng  
Giữa mùa trăng hiếu hạnh nhớ về nguồn  
Tôi không khóc khi áo cài hoa trắng  
Vì mùa trăng, mùa mẹ bước lên ngôi.

Áo tôi vàng em cài lên hoa trắng  
Màu trắng thơm màu mẹ đẹp tuyệt vời.  
Tôi không khóc khi áo cài hoa trắng



Vì trong hoa tôi thấy mẹ ngàn nơi.

Áo tôi vàng em cài lên hoa trắng

Đóa hoa xưa ngày mẹ xới đất trồng;

Giữa những ngày mưa chang và nắng quái

Giữa biển cồn đời mẹ hóa thành bông.

Đời của mẹ đã hóa thành hoa trắng

Hoa thơm tươi hoa thanh bạch mẹ ơi!

Tình của mẹ là tình bông hoa trắng

Tình thiêng liêng lồng lộng giữa đất trời.

### **Mỉm cười với mẹ và cha**

Nếu mình có chánh niệm, tỉnh giác, và tuệ giác, thì mình đang mỉm cười với mẹ mình và mình thấy mẹ đang mỉm cười với mình. Mình mỉm cười với mẹ mình là vì mình

đang thấy ở mẹ có cái gì thiêng liêng nhất, đẹp nhất mà mình đang tiếp xúc được. Và mẹ mình đang mỉm cười với mình, vì mẹ mình biết mình đang tiếp tục cái thiêng liêng của mẹ, mình đang tiếp tục cái linh khí của mẹ và mẹ đã sinh ra mình là để mình tiếp tục cái linh khí, cái thiêng liêng ấy của mẹ. Cho nên, mẹ vui sướng và cười với mình và mình cũng biết rằng, mình đang tiếp tục cái linh khí thiêng liêng của mẹ và mình cười với mẹ. Lại nữa, mình thấy mẹ luôn luôn có mặt trong mình, và mình luôn luôn có mặt trong mẹ, mình luôn luôn thấy được như vậy là mình hạnh phúc biết bao !

Mẹ chưa một phút giây nào rời khỏi mình và mình chưa một phút giây nào rời khỏi mẹ. Tại sao mình nói là mình mất mẹ? Thực ra, mình không bao giờ là người thật sự mất mẹ, nếu có chăng chỉ là mẹ thay đổi thân xác... còn cái tinh hoa của mẹ vẫn còn mãi trong ta và còn mãi giữa đất trời.

Áo tôi vàng em cài lên hoa trắng

Màu trắng thơm màu mẹ đẹp tuyệt vời

Tôi không khóc khi áo cài hoa trắng

Vì trong hoa tôi thấy mẹ ngàn nơi.

...

Tình của mẹ là tình bông hoa trắng,

Tình thiêng liêng lồng lộng giữa đất trời.

Mẹ có mặt khắp mọi nơi, mẹ là linh khí của mọi loài, mọi vật. Cha là thần khí của mọi loài, mọi vật. Cho nên, ta nhìn vào mọi loài, mọi vật, ta đều nhìn thấy mẹ ta trong đó, cha ta trong đó và ta cũng hiện hữu ở trong đó.

Vì mình thấy mẹ có mặt khắp cả ngàn nơi, do đó mình làm cái gì, mình nói cái gì, mình nghĩ cái gì cũng nghĩ đến mẹ, vì mẹ của mình đang có mặt khắp cả ngàn nơi. Và Phật tử là mình phải thông minh, thông minh một cách đặc biệt, nên khi mình tụng kinh, mình lạy Phật, mình ngồi thiền, mình ăn chay, mình bố thí, mình cúng dường, mình cắm bông hoa lên cúng Phật, cúng ông bà, tổ tiên của mình là tất cả mình đều hồi hướng về Phật đạo, để mình có cách nhìn và cách sống của Phật đạo và mình cũng mong cho bất cứ ai cũng đều có cách nhìn và cách sống ấy. Cho nên,

mình làm cái gì mình đều nói :

“Nguyện đem công đức này,  
hướng về khắp tất cả,  
đệ tử và chúng sanh,  
đều trọn thành Phật đạo” .

Phải thông minh lắm mình mới nguyện như vậy và mới làm như vậy, nếu không thông minh, thì mình làm cái gì cũng nghĩ về cho mình. Một việc làm có nội dung của sự thông minh là ta đều hồi hướng về cho tất cả mọi người, cho pháp giới chúng sanh, bởi vì tất cả chúng sanh trong pháp giới đều có mẹ mình ở trong đó, đều có cha mình ở trong đó, đều có mình ở trong đó và đều có ông bà tổ tiên của mình ở trong đó, nên ta có làm được điều gì tốt đẹp là ta đều xin hồi hướng về cho tất cả mọi người và cho tất cả chúng sanh, làm với tâm hồn như vậy là ta đang mỉm cười với mẹ và cha của chúng ta.

**Tôi vẫn còn**

Tôi còn tu được cho đến ngày nay là nhờ mẹ tôi, nếu mẹ tôi mà vì một chút tình cảm tầm thường như một người nữ nhi khác, thì bây giờ tôi không còn làm thầy tu nữa rồi. Tôi đi tu lúc mười hai tuổi ở chùa Phước Duyên, thầy của tôi đã tìm đủ mọi cách để huấn luyện tôi trở thành một người xuất gia giỏi, nên đã nhiều lần Thầy tôi đã dùng những biện pháp mạnh đối với tôi để buộc tôi phải chăm học. Ở chùa không bao lâu tôi đã thuộc lòng hai thời công phu và bốn cuốn luật bằng chữ Hán. Vào trời mùa đông ở Huế lạnh lắm, mới hai giờ sáng, Thầy tôi đã thức tôi dậy học kinh luật. Là một chú tiểu rất nhỏ ở chùa, tôi cũng vừa thích tu mà cũng vừa thích ngủ. Lại nữa, tu cũng ư mà chơi cũng ư, đàn hoàng cũng ư mà nghịch ngợm cũng ư, cho nên cái kỳ cục của tuổi trẻ là ở chỗ đó. Ưa thì ư cho mình đàn hoàng, mà cái hoang nghịch thì mình cũng thích chơi, ư cho mình thông minh mà cũng nhắc học, cho nên Thầy tôi rất khổ công huấn luyện tôi. Có khi Thầy phải dùng những biện pháp mạnh.

Tôi tu được một năm, sau đó là tôi xin Thầy tôi cho tôi đi học phổ thông, vì lúc đó tôi mới học xong tiểu học thôi, tôi nghĩ rằng, nếu mình không tiếp tục học thêm phổ thông, thì đối với văn hóa mình yếu, sau này không có cơ hội để phát triển về mặt trí thức. Tôi đã nhiều lần xin Thầy, nhưng Thầy tôi không cho phép, lại còn dạy tôi rằng: “Đi tu thì học việc tu thôi”. Không được Thầy cho phép, tôi buồn Thầy, nên đã tìm cách bỏ chùa, bỏ Thầy để về nhà. Khi tôi về nhà, mẹ tôi thấy tôi, mẹ tôi rất mừng, hỏi han ân cần đủ thứ, dọn cơm cho tôi ăn, pha nước cho tôi uống, hỏi chuyện này, chuyện nọ cả đêm, rồi bỏ mừng cho tôi ngủ, sáng ngày mẹ tôi thức tôi dậy, dọn cơm nước cho tôi ăn xong và bảo tôi lên chùa cả Thầy trông, tôi thưa với mẹ tôi rằng, “con không lên chùa nữa!”. Mẹ tôi hỏi “tại sao chú không lên?”, tôi thưa, “vì con xin Thầy đi học ngoại điển mà Thầy không cho, nên con không có lên nữa. Con nghĩ, tu mà ít văn hóa ngoài, tu không có giỏi, nên con về nhà, con học cho xong tú tài toàn phần đã, rồi con đi tu cũng được”. Cha tôi bảo: “thôi, rứa cũng được”. Cha tôi không có ý kiến gì thêm nữa! Khi ấy tôi thấy cha tôi đứng về phía mình, nên tôi rất thương cha. Còn mẹ tôi khi nghe tôi thưa như vậy, liền bậm mặt lại và nói:

“Không được, chú phải lên!”. Tôi không chịu lên, bấy giờ mẹ tôi phải cho tôi ăn roi. Mẹ tôi bắt tôi nằm xuống đánh từng roi và nói rằng: “Cái cắc có là tại chú, vì rằng chú xin ôn mục tôi đi tu, lên trên chùa là Thầy dạy cho chú tu, chú không chịu tu, lại ưa đi học chuyện bên ngoài, cắc có là tại chú chứ đâu phải tại Thầy”, nói với tôi như vậy xong, là mẹ tôi đánh vào tôi một roi, và tiếp tục dạy tôi, cứ bảy phút là nhíp một roi, cứ như vậy gần hai tiếng đồng hồ, và lời sau cùng mẹ tôi nói: “Bây giờ mẹ muốn con đi tu và con là con của Thầy, của Phật, chứ không còn là con của ôn mục tui nữa”. Mẹ tôi nói như vậy với tôi xong, lại liền nói với cha tôi rằng: “Ôn phải đem điệu lên lạy Thầy trên chùa, để xin sám hối cho điệu được tiếp tục tu lại, và thưa với Thầy rằng từ nay về sau điệu là con của Thầy, của Phật chứ không phải là con của mình nữa”. Nghe mẹ tôi nói dứt khoát, tôi nghĩ như thế là đã bị tuyệt lộ rồi, rào đường rồi, cho nên tôi phải theo cha tôi để trở lại chùa. Tôi lạy mẹ tôi hai lạy và theo cha tôi lên chùa. Trên đường cùng với cha trở về lại chùa, trong lòng tôi nghĩ mẹ mình quá nghiêm khắc không có hiền và dễ thương như cha mình. Lên lại chùa cha tôi và tôi đều lạy Thầy và xin sám hối những suy nghĩ vụng dại của tôi, Thầy

hoan hỷ, xem như không có chuyện gì xảy ra. Tôi tiếp tục tu học ngày càng khá lên, không hề nghĩ gì đến việc phải đi học ngoại điển nữa. Sau một thời gian, Thầy tôi cho tôi thọ Sa-di và cũng cho tôi đi học thêm ngoại điển nữa.

Khi tôi thọ Sa-di rồi, Thầy cho về thăm nhà, nghe tôi về, mẹ tôi mặc áo dài ra đón tôi từ cổng và khi tôi làm Thầy mỗi khi về nhà, mẹ tôi lại mặc áo tràng ra cổng đón tôi vào và lạy tôi, mỗi khi mẹ tôi nói gì với tôi cũng : “Bạch thầy - con” chứ không xưng là mẹ.

Có lần mẹ tôi đau, nằm trên giường bệnh, tôi về thăm, tường trong nhà lâu ngày nước nó loang lỗ ra, rêu mọc lên. Mẹ tôi nói: “Thầy ơi! con đau, con niệm Phật, nhưng con niệm Phật cho thầy, con cầu nguyện cho thầy tu tập thành đạt được cái cao quý của Phật, của Tổ mà thầy đã tự nguyện đi theo, cho nên thầy có thấy không, trong những bức vách mà nó mọc rêu, trong bức tường rêu ấy thấy toàn cả tượng Quan Âm thôi à”. Tức là mẹ tôi cứ ngòì như thế mà niệm Phật và mẹ tôi cứ nghĩ là cầu nguyện cho tôi tu tập thành tựu, nên rêu mọc lên, mà mẹ tôi nghĩ là tượng Quan Âm, cho nên tôi biết mẹ tôi rất thương tôi, quý tôi



lắm, lúc nào cũng muốn cho tôi tu tập thành đạt, bởi vậy mà việc mẹ tôi cho tôi ăn roi ngày xưa là một sự hy sinh tình cảm nhỏ nhất để đạt tới một tình cảm rộng lớn, bây giờ mẹ tôi đã can đảm đánh tôi từng roi, mỗi roi chạm vào thân thể tôi là như mỗi roi chạm vào thân thể mẹ và mẹ tôi đứt từng khúc ruột vậy.

Cho nên, một lần tụng kinh, ngồi thiền hay làm bất cứ cái gì, tôi cũng nghĩ đến mẹ và tôi biết chắc chắn rằng, mẹ tôi bây giờ ở thế giới nào, thì cũng nhìn tôi mỉm cười và tôi thấy mẹ tôi đang có mặt một cách đích thực trong tôi. Tôi nhớ rất rõ, ngày tôi học ở Sài Gòn, mẹ tôi đã rang từng hủ ngũ cốc bảo chị cả của tôi đi Sài Gòn đem vào cho tôi, tôi rất là hạnh phúc khi nhận được quà từ mẹ. Tôi muốn mẹ tôi có nhiều phước đức, nên tôi không sử dụng một mình, tôi đem chia sẻ cho những anh em tăng sinh chung quanh của tôi để hồi hướng phước đức cho mẹ tôi. Nên, nghĩ về mẹ là nghĩ về một bông hoa đẹp nhất trên đời, nghĩ về mẹ là nghĩ về một dòng nước mát trong và ngọt ngào nhất. Không có tình thương của mẹ ta không bao giờ lớn khôn, không có sự hy sinh của mẹ là ta không bao giờ trưởng

thành. Ngày nay, tôi vẫn còn làm thầy tu, nhân duyên hỗ trợ lớn nhất là mẹ.

### **Nhẹ như cánh hạc**

Rồi tới hai mươi một, tháng tám, năm Giáp Tý (năm 1984), tôi được chú tôi báo tin là mẹ tôi đã qua đời tới nay, tôi rất ngạc nhiên, bởi vì chiều ngày hai mươi, tháng tám, năm Giáp Tý (1984), cô Như Huy em gái của tôi vào Sài Gòn thăm tôi, tôi hỏi “Mẹ khỏe không mà em đi đó?”. Cô trả lời: “Em có về thăm mẹ, mẹ khỏe lắm”. Được tin mẹ mất, tôi vội nhảy xe buýt đi Huế để về nhà lo tang mẹ. Khi về đến nhà, cả nhà thấy tôi ai cũng oà lên khóc, tôi đứng lặng yên bám sát hơi thở chốc lát, sự xúc động qua đi, cha tôi nói: “Thầy về rồi, tôi khỏe, mọi chuyện giao cho thầy hết”. Tôi hỏi vì sao mẹ mất nhanh như vậy? Cha tôi kể: Chiều 21 mẹ tôi đi ky ngoài bà Cô của tôi, 4 giờ chiều đang còn sắp dọn, xong 6 giờ về nhà. Về đến nhà, hai ông bà lấy ghế tựa ra nằm trước sân, chị cả gói cam về hai ông bà ăn xong, khoảng 8 giờ thì sương xuống, bà mới kêu “Ôn ơi! dậy đi vào nhà cả sương, kéo sáng mai đau chừ”. Ông lên nhà trên, bà xuống nhà dưới, khoảng 9 giờ bà

bụng đèn lên nhà, kêu ôn, “Ôn ra vườn hái cho tôi chín ngọn lá trường sanh”, cha tôi ra hái xong, rửa sạch, đem vào đưa cho bà và bà đang ngồi với tư thế kiết già, để nhai, bà đang nhai, cha tôi ra đóng cửa ngõ, khi đang đóng cửa ngõ, cha tôi nghe trong nhà bà niệm Phật ba tiếng thật to, như tiếng niệm Phật trong lúc hô canh ở chùa vậy, cha tôi đóng cửa xong đi vào, thấy bà nằm xuống và đã đi xa, thấy vậy cha tôi khóc, rồi kêu con cháu ở nhà xung quanh đến, các con cháu nói mới nghe bác, thím niệm Phật đó mà! Mẹ tôi mất đi một cách giản dị như thế, không có chi đau đớn, rất nhẹ nhàng.

Tôi biết, mẹ tôi rất nhẹ nghiệp, mẹ tôi khi hướng tâm về Phật Pháp rồi, thì một con gà mẹ tôi cũng không nuôi, một cái lợi nhuận nhỏ, mẹ tôi cũng không nghĩ và trong nhà khi nào cũng trữ lương thực khô hết, là vì để khi chư Tăng đi hoằng Pháp, bất kỳ vị thầy nào về vùng này cũng ghé thăm gia đình tôi, dù là 1, 2 giờ khuya, là mẹ tôi cũng có thức ăn để hầu hạ chúng Tăng và mẹ tôi hết sức kính trọng chúng Tăng. Cho nên, niềm tin của bà đối với Tam Bảo là hết sức sâu sắc. Mẹ tôi mồ côi mẹ rất sớm, được ông ngoại

tôi chăm sóc hết sức kỹ lưỡng. Ông ngoại tôi không những là một Phật tử thuần thành mà còn là một nhà Nho, một thầy thuốc nổi tiếng. Ông ngoại tôi sống thử chung với bà ngoại tôi, dù bà ngoại tôi mất sớm, Ông ngoại tôi sinh ra hai cậu và mẹ tôi là con gái út. Cho nên, nghĩ đến mẹ, nghĩ đến cha, nghĩ đến tổ tiên, nội ngoại thì chúng tôi biết ơn rất sâu, vì chúng tôi hôm nay là của cha, của mẹ, của ông bà nội, ông bà ngoại, của trời đất, của tất cả, vì vậy khi tôi thắp hương, tôi không thắp hương cho cá nhân tôi mà tôi thắp hương với một tấm lòng cho tất cả và hôm nay tôi tu không phải là tôi tu cho mình tôi mà tu với một tấm lòng là cho tất cả.

Thưa đại chúng! Hôm nay mùa Vu Lan về, chúng ta làm cái gì, chúng ta cũng nghĩ đến ân nghĩa của tất cả, và chúng ta nỗ lực tu tập, thân không làm các điều ác, miệng không nói những lời ác, ý không nghĩ đến những điều ác, để báo đáp ân cha mẹ hiện tiền, cha mẹ quá khứ, và cha mẹ của chúng ta đang có mặt cùng khắp cả pháp giới, ta thực tập được như vậy, thì ta sẽ thành tựu phước đức một cách toàn vẹn.

Bây giờ, trong mùa Vu Lan, chúng ta có bao nhiêu phước đức do công phu tu tập và hiếu hạnh, thì chúng ta cùng nhau chấp tay xin hồi hướng cho tất cả:

Nguyện đem công đức này,

Hướng về khắp tất cả.

Đệ tử và chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo.

## BỐN PHÉP LẠ CỦA Ý

*Pháp thoại Thầy Thích Thái Hòa giảng cho học chúng chánh niệm tại Thiền đường Trăng Rằm, Tổ Đình Từ Hiếu, ngày 24 tháng 08 năm Kỷ Mão (13/10/1999), do đệ tử Nhuận Từ Nguyên và Nhuận Thuần Nguyên biên tả.*

Thưa Đại chúng,

Hôm nay là ngày 24 tháng 8 năm Kỷ Mão, tức là ngày 13/10/1999, tại Thiền đường Trăng Rằm, Tổ đình Từ Hiếu, Huế, tôi xin chia sẻ với Đại chúng bài Pháp thoại Bốn Phép Lạ của Ý.

Trong kinh, đức Phật dạy, người nào tu tập thành tựu Bốn phép lạ của ý, thì người đó có thể làm chủ được sinh mệnh của mình. Ba tháng trước khi Như Lai diệt độ, ngài A-Nan khóc xin Như Lai ở lại, nhưng Ngài đã buông bỏ thọ hành và Ngài đã tuyên bố là Ngài sẽ nhập diệt. Ngài nói rằng, nếu Ngài ở lại thêm nữa thì làm sao Như Lai có tính thuyết phục thiên ma, thuyết phục những hạng thiện nơn trong

đời. Sau đó, Như lai liền dạy Bốn phép lạ của ý:

**1. Dục Như Ý Túc:** Ý muốn tu tập pháp cao thượng, thành tựu pháp cao thượng.

Tại sao chúng ta bị sinh, bị già, bị bệnh và bị chết? Khi chúng ta đã bị rồi là chúng ta đã hoàn toàn mất tự do, khi chúng ta thấy được điều đó tức là chúng ta muốn tu tập để vượt ra khỏi cái bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết. Cái tâm nguyện muốn tu tập để vượt ra ngoài những cái đó gọi là Dục như ý túc. Chúng ta muốn được sống trong tự do, chết trong ý nguyện của chúng ta, chúng ta phải tu hành, phải thực tập chánh niệm. Chúng ta phải tha thiết đoạn trừ những hạt giống ràng buộc ở trong tâm thức, vì chúng làm ta mất tự do. Tâm hệ lụy, lụy về tiền tài, lụy về sắc, lụy vào cái ăn, cái ngủ... khiến cho chúng ta không thể đi đến với chân trời rộng lớn được. Khi bị hệ lụy vào cái gì, thì chúng ta đánh mất chủ quyền về cái đó. Chúng ta cả triệu lần vượt ra, nhưng lại cả triệu lần bị trói lại, vì chúng ta thực tập không thành tựu phép lạ thứ nhất.

**2. Niệm Như Ý Túc:** hay Tâm như ý túc, tức là chúng ta luôn luôn nhớ ý niệm vượt thoát bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết. Nếu tư tưởng đó khởi lên nhưng chúng ta không duy trì, thì nó sẽ tan. Duy trì ý niệm tu tập, duy trì phương pháp tu tập giúp cho chúng ta vượt thoát sinh tử. Khi chúng ta đi, đứng, ngồi... chúng ta dùng năng lượng chánh niệm làm cho chúng ta hệ lụy, giận hờn lắng xuống. Nhiều khi không có đối tượng trước mắt chúng ta mà chúng ta cũng giận, cái đã đi qua lâu lắm rồi thế mà nhiều khi nghĩ lại chúng ta cũng giận, cái giận đó ở trong tâm thức của chúng ta, nó làm cho chúng ta bị hệ lụy, làm cho chúng ta bị cản trở trong sự tu tập. Vì vậy, khi chúng ta đi, đứng, nằm, ngồi chúng ta phải làm cho chúng ta tâm hành như giận hờn, ganh tị, thù oán, trách móc lắng xuống. Nó lắng xuống nơi tâm thức của chúng ta, nó sẽ được biểu hiện qua bước đi của chúng ta. Khi bước đi của chúng ta vững chãi, thành thoi tức là biểu hiện cho sự vắng lặng những hạt giống bồn chồn, lo âu, sợ hãi, ganh tị trong tâm thức của chúng ta. Chúng ta cứ nghĩ rằng năng nổ như thế là không bệnh, nhưng thật ra là bệnh, bệnh của lật đật, của sự đánh



mất mình. Nhưng nhiều khi đi chậm mà tâm vẫn chạy ra ngoài, vì vậy, chúng ta phải thường xuyên tu tập chánh niệm trong mọi động tác sinh hoạt hàng ngày. Và chúng ta bước được những bước vững chãi, thành thoi đó là một phép lạ. Khi thực tập Niệm như ý túc hay Tâm như ý túc, chúng ta luôn luôn nhớ đến lý tưởng tu tập của mình. Tại sao mình tu? Tại sao chúng ta phải lên Từ Hiếu để thực tập và chúng ta đang được thực tập Pháp nào? Chúng ta phải nhớ và hành trì cho đến khi thuần thục. Trong tiếng Phạn, Tâm như ý túc có nghĩa là tâm của chúng ta luôn an trú trong Định, an trú trong Niệm và an trú trong Tuệ, khi đó chúng ta mới có khả năng làm vắng bật tất cả những chủng tử phiền não trong tâm thức của chúng ta. Chúng ta tu tập là chúng ta đoạn trừ năng lượng dẫn chúng ta đi đến cái bị sanh, bị già, bị bệnh, bị chết. Chúng ta tu tập tức là làm vắng lặng và duy trì sự vắng lặng đó liên tục. Khi chúng ta làm được điều đó có nghĩa là chúng ta thành tựu được Niệm như ý túc.

Tuy nhiên, khi chúng ta đang tu tập, chúng ta có thể làm vắng lặng được một lúc, nhưng rồi nó lại trôi lên, chúng ta

được ví như những người chiến sĩ, chiến thắng đó rồi thất trận đó, phút trước là anh hùng, thì phút sau là kẻ bại trận thê thảm, phút trước chúng ta rất là dễ thương, nhưng phút sau chúng ta có thể là không còn dễ thương, bởi vì phút trước chúng ta được Niệm như ý tức, phút sau tâm của chúng ta đã chạy tán loạn. Cho nên, người tu là một chiến sĩ ứng chiến với cái tâm hành nơi tâm thức của mình ở mọi không gian và mọi thời gian. Những hạt giống xấu nơi tâm thức của chúng ta rất là tào lao, hễ chúng ta có ý thức thì nó trốn, nhưng khi chúng ta lơ đi một tí là nó lại xuất hiện, nó đẩy chúng ta đi ra khỏi Pháp môn đang hành trì. Vì vậy, chúng ta phải giữ chánh niệm liên tục, giữ cho được Tâm như ý tức, hễ chúng ta đánh rơi là chúng ta mất tất cả.

Chúng ta giữ chánh niệm trước sắc trần, thanh trần, vị trần, xúc trần, hương trần rất là khó và khi thoát được cái thô đó thì cũng rất dễ bị mắc kẹt vào ý trần. Ý trần tức là những hình ảnh đẹp, xấu đã đi qua rồi nhưng còn đọng lại nơi tâm thức. Có vậy, nên nhiều khi chúng ta chỉ ngồi một mình thôi mà cũng nổi giận hay nổi thương quay cuồng. Người ta đi xa rồi, nhưng cái giận, cái thương vẫn nổi lên

nơi tâm thức của mình. Cái đó ai cũng có, bởi vì, hạt giống đó đã nằm trong tâm thức của chúng ta từ vô thủy kiếp và khi đủ điều kiện, thì nó sinh khởi mà thôi. Cho nên chúng ta phải thường xuyên duy trì yếu tố thứ ba.

**3. Tinh Tấn Như Ý Túc:** Khi tất cả những chủng tử tâm hành của chúng ta vắng lặng rồi, chúng ta phải liên tục duy trì nó, cho đến khi các chủng tử thấp kém đó bị tiêu diệt hoàn toàn không sinh khởi trở lại nữa. Giây nào, phút nào, giờ nào, ngày nào, tháng nào, năm nào, đời nào chúng ta cũng thực tập tinh chuyên như vậy, thì những chủng tử đã đẩy chúng ta tới bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết sẽ hoàn toàn vắng lặng, khi đó chúng ta bắt đầu có tự do, có chủ quyền.

Tấn như ý túc là chúng ta luôn luôn đi tới mà không đi lui. Trước đây, chúng ta chỉ tu một ngày trong cả tháng, thì giờ đây chúng ta tu hai ngày, ba ngày,... cho đến khi chúng ta tu cả tháng, cả năm, cả đời, cả kiếp, chẳng thà đi tới chậm, chứ không phải mới đầu thì tu hăng lắm, nhưng sau thì chậm dần rồi tắt. Chỉ có tu mới chống được tai họa, chống được cái khổ, nếu không tu, thì tai họa ập tới, cái khổ cứ

chồng chất đeo mãi mà thôi. Nên tinh tấn cũng là một phép lạ - sao các chị đó bữa nay mà hay, mình cũng thích tụng kinh, thích thực tập chánh niệm, thích làm việc thiện, nhưng rồi cái ưa thì vẫn để đó còn ngủ thì cứ ngủ, linh tinh vẫn cứ linh tinh. Người ta hay nghĩ, phép lạ là phải bay lên trời, thế thì ruồi, muỗi cũng bay được. Nên, phép lạ là ngày nào cũng ăn cơm trong chánh niệm, ngày nào cũng đi thiền hành, ngày nào cũng lạy Phật, ngày nào cũng chia sẻ niềm vui đến mọi người, ngày nào cũng có thể ngồi nghe mọi người than thở, đó thực sự mới là phép lạ, phép lạ của Tâm như ý túc. Chúng ta ngồi nghe mà tâm không phán xét, không phản ứng, nghe để hiểu gốc rễ của vấn đề, chúng ta nghe được như thế là một phép lạ. Nếu không có thực tập hạnh lắng nghe, chúng ta nghe người ta than vẫn là chúng ta không có chịu nổi, càng nghe chúng ta càng phiền muộn. Chúng ta thắp hương cúng Phật mỗi ngày, sáng thắp như thế, chiều thắp như thế, tối ta cũng thắp như thế, sáng, chiều và tối, lúc nào ta cũng lạy Phật ba lạy tha thiết, chúng ta làm riết như thế, ngày nào cũng nỗ lực đều đặn, chúng ta sẽ thành tựu được Tấn như ý túc. Nhiều khi chúng ta không lạy được mà chỉ vái ba vái thôi, như vậy là

ta không thành tựu Tấn như ý túc. Vì vậy, chúng ta phải luôn nhớ Pháp hành của chúng ta, khi chúng ta hành trì thường xuyên, thì các chủng tử tâm hành của chúng ta sẽ vắng lặng. Chứ chúng ta mới đề một tí mà đã buông ra, thì nó trôi dạt càng mạnh hơn. Nhiều người than, trước đây chưa tu thì mọi chuyện êm thấm, nay tu rồi mà sao nhiều chuyện quá, cũng giống như lò xo, để yên thì thôi, chứ đề vào rồi thả ra, thì nó sẽ bung ra dữ lắm. Chủng tử xấu nơi tâm thức chúng ta cũng vậy, để yên thì nó ít hung hãn, nhưng khi chúng ta chột mà chơi, thì nó hung hãn gắt, nhiều người càng tu càng sinh bệnh, cái tâm trở nên dữ dội, nóng bức. Vì vậy, chúng ta phải thật sự nỗ lực thường xuyên, gọi là Tấn như ý túc.

**4. Tư Như Ý Túc:** Tư như ý túc còn gọi là Tư duy thần túc, Quán thần túc, Tuệ như ý túc.

Tư như ý túc hay Tư duy thần túc, nghĩa là do năng lực tư duy đối với chân lý do đức Phật giảng dạy mà sinh khởi thần túc đúng như ý; hay do an trú ở trong thiền định mà quán chiếu, thấy rõ mọi nhân duyên vận hành và hiện khởi của những chủng tử tâm thức, mà thành tựu thần túc như ý,

nên gọi là Tuệ như ý túc. Hoặc bằng vào thiên định mà nhiếp phục các chủng tử tâm hành, khiến cho các chủng tử tâm hành hoàn toàn an tịnh mà thành tựu thân túc, nên gọi là Định như ý túc.

Định như ý túc là thành tựu phép lạ của ý do sự tư duy từ thiên định đem lại. Sự tư duy từ thiên định là gì? Đó là đặt tâm vào một đối tượng duy nhất, vào một đề mục duy nhất để tâm ý có sự định tĩnh từng phần và toàn phần. Ta thiền tập mỗi ngày để tâm ta lúc nào và ở đâu cũng thuận thực ở trong định và khiến ta có khả năng nhập định và xuất định một cách như ý. Ta thực tập Tư như ý túc thuận thực, khiến ta khi trực diện với mọi hoàn cảnh thuận nghịch, thăng trầm, khen chê, tụ tán, sống chết mà tâm ta an nhiên, hoàn toàn không bị dao động thì đó chính là một phép lạ của tâm ý. Phép lạ ấy ta có thể thành tựu qua sự thực tập thiền quán mỗi ngày. Mỗi ngày ta đi, hành động đi của ta phải được thiết lập hoàn toàn trên nền tảng tư duy của tuệ giác; mỗi ngày ta đứng, hành động đứng của ta cũng phải được thiết lập hoàn toàn trên nền tảng tư duy của tuệ giác; và sự nằm, ngồi, nói, cười, ăn, uống,

tiếp xúc, làm việc của chúng ta cũng vậy, cũng phải hoàn toàn thiết lập trên nền tảng tư duy của tuệ giác.

Tư duy của tuệ giác là sự tư duy không mang chất liệu của ngã tính. Tư duy của tuệ giác là sự tư duy hoàn toàn không liên hệ đến các phiền não bảm sinh và phân biệt do học tập hay do hoàn cảnh tôn giáo hoặc xã hội tác thành. Tư duy của tuệ giác là sự tư duy đúng như tự thân của mọi hiện hữu. Mọi sự vật hiện hữu như thế nào, thì ta phải chiêm nghiệm để thấy và biết nó đang hiện hữu đúng như thế ấy, đó gọi là tư duy của tuệ giác.

Tư duy như thế là một phép lạ, giúp ta vượt thoát mọi vô minh, phiền não, vượt thoát mọi khổ đau sinh tử, chứng Niết bàn và an lạc ngay trong cuộc sống này.

# LÀM THẾ NÀO ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI HỌC TRÒ THÔNG MINH VÀ HỌC GIỎI

*Bài Pháp thoại, Thầy Thích Thái Hòa  
nói cho Đoàn Thiện Tài Đồng Tử ngày 29/06/2000,  
tại thiền đường Trắng Rằm, Tổ đình Từ Hiếu, Huế.*

Hôm này là ngày 29/06/2000 tức là ngày 28/05/Canh Thìn, ngày thực tập chánh niệm lần thứ hai cho Đoàn Thiện Tài Đồng Tử. Thầy sẽ nói cho các con bài pháp thoại "Làm thế nào để trở thành một người thông minh và học giỏi".

Chúng ta ai ai cũng muốn mình trở thành một người thông minh và học giỏi cả.

Nhưng làm thế nào để đạt đến kết quả đó?

Chúng ta phải hội đủ năm điều kiện như sau:



## **1. Chăm nghe**

Nếu nghe ở đâu có một vị thông minh, tài giỏi thì Thiện Tài Đồng Tử tìm đến tham cầu học hỏi và chăm nghe. Chăm nghe tức là chăm chú lắng nghe. Nếu mình không học hỏi và chăm chú lắng nghe thì không thể nào thông minh và học giỏi được.

## **2. Ghi nhớ**

Nếu chăm nghe mà không ghi nhớ thì không thể nào trở thành một người thông minh và học giỏi. Cho nên, chúng ta phải bước tới yếu tố thứ hai là ghi nhớ. Những điều gì chúng ta học được, nghe được, chúng ta đều ghi nhớ trong lòng, khắc sâu tâm trí.

## **3. Suy nghĩ**

Sau khi chúng ta ghi nhớ rồi, thì chúng ta phải suy nghĩ, những điều gì mình được nghe, được học và ghi nhớ. Hàng ngày chúng ta làm gì cũng phải ghi nhớ, trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi, ăn cơm, rửa bát, bông em, giặt áo quần... Chúng ta đều suy nghĩ những gì mình đã được học và đã nghe được.

#### **4. Gạn lọc**

Sau khi ghi nhớ và suy nghĩ rồi, chúng ta thấy: điều này là hay, điều này là chưa hay, điều này là phù hợp với mình, điều này là chưa phù hợp với mình. Khi hiểu rõ rồi thì chúng ta phải gạn lọc để giữ lại những điều hay, những điều phù hợp với mình.

Yếu tố suy nghĩ và gạn lọc tạo cho mình trở thành một con người thông minh, một người học giỏi. Nếu chúng ta chăm nghe mà không suy nghĩ và không gạn lọc thì mình chỉ là con vẹt.

#### **5. Ứng dụng**

Những gì mà mình đã học tập được, đã lắng nghe được, đã ghi nhớ được, đã suy nghĩ được và đã gạn lọc là để ứng dụng vào trong đời sống hàng ngày như: đi, đứng, nằm, ngồi và khi tiếp xúc với mọi người, mình đều ứng dụng các tinh hoa đó. Chúng ta thực hiện những điều hay, điều đẹp, điều đem đến lợi ích cho mình cũng như cho mọi người. Và mình sẽ trở thành những đóa hoa đẹp như: "Nắng Hồng", "Trúc Biếc", "Gió Xuân", "Suối Tù", "Biển Xanh".

Như vậy các con thực tập theo năm điều đó thì Thầy tin chắc rằng, các con sẽ trở thành một con người thông minh và học giỏi. Các con không những làm vừa lòng ông bà, cha mẹ, bạn bè,... mà các con sẽ là một đóa hoa đẹp đối với gia đình và bạn bè. Và các con sẽ có một tương lai hết sức trong sáng. Thầy rất tin tưởng như vậy.

*Từ Hải lược ghi*

## HẠNH LẮNG NGHE

*Pháp thoại Thầy Thích Thái Hòa*

*nói cho ngày trại Hạnh 19/6/Canh Thìn, năm 2000*

*của Ngành Nữ GDPT Thừa Thiên, tổ chức tại Tổ đình Từ Hiếu Huế,*

*do đệ tử Nhuận Hạnh Châu kính phiên tả*

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Cùng tất cả trại sinh ngày Hạnh quý mến,

Trong Lục Độ Tập Kinh, có dạy: “Thà mất nước không thà mất hạnh”.

Thà mất nước, là thà mất biên cương, lãnh thổ, chứ không thà mất hạnh. Mất hạnh là mất văn hoá, mất nếp sống đạo đức, mất thuần phong mỹ tục, mất nhân tính, mất đi lý tưởng sống. Mất nước là mất biên cương, mất lãnh thổ, mất chủ quyền quốc gia, mà còn Hạnh, nghĩa là còn nền đạo đức của một dân tộc, còn nền văn hóa của một dân tộc, còn thuần phong mỹ tục của một dân tộc, và còn lý tưởng sống của một dân tộc, thì việc mất chủ quyền về chính trị, mất

biên cương, mất lãnh thổ của dân tộc, sớm muộn gì cũng có thể phục hồi lại được. Nhưng một dân tộc không mất biên cương, lãnh thổ mà mất Hạnh thì vĩnh viễn mất nước.

Cũng vậy, người Phật tử chúng ta, dù mất sinh mạng, nhưng không mất lý tưởng, thì chúng ta vẫn còn là một con người nguyên vẹn trong lý tưởng giác ngộ.

Muốn duy trì hạnh nguyện của người Phật tử ngành Nữ, chúng ta cần phải thực hành hạnh lắng nghe của Bồ tát Quán Thế Âm. Chúng ta thực hành muôn hạnh cũng không ra ngoài hạnh ấy.

Muốn duy trì hạnh Đại Trí và Đại Bi của Bồ tát Quán Thế Âm, chúng ta phải duy trì hạnh ấy bằng chính thực hành hạnh lắng nghe. Đạt được hạnh lắng nghe là chúng ta có thể thành tựu được các hạnh tinh tấn, bố thí, nhẫn nhục, thiền định, và trí tuệ ngay trong cuộc sống này.

Tâm chúng ta luôn luôn xao động, thân chúng ta luôn luôn mạnh động, thì làm thế nào để chúng ta có thể ngồi yên để lắng nghe người khác nói.

Hạnh lắng nghe là luôn lắng nghe người khác khen mình và lắng nghe người khác chỉ trích mình, bôi nhọ mình mà mình vẫn giữ được thái độ trầm lặng, mỉm cười và thương xót, đó mới là người thực hiện hạnh lắng nghe, hạnh ấy chỉ người lớn mới có khả năng thực hiện được.

Thực hiện hạnh lắng nghe cũng là thực hiện hạnh bố thí, để làm vơi bớt niềm đau của người, chúng ta lắng nghe người khác nói với tâm tư điềm tĩnh, không sợ hãi đó là chúng ta đã bố thí tâm không sợ hãi cho người.

Người đời có hai cái sợ, một là cái sợ bên trong và hai là cái sợ bên ngoài. Chúng ta lắng nghe người khác khen và chê ta, mà không hề có sự sợ hãi cả bên trong lẫn bên ngoài, như vậy là từ trong hạnh lắng nghe, chúng ta đã thành tựu hạnh vô úy.

Chỉ thực hành hạnh lắng nghe thôi, là chúng ta cũng thực hành được khẩu nghiệp, thân nghiệp và ý nghiệp thanh tịnh vậy. Như vậy, chúng ta đã thành tựu trì giới ba-la-mật.

Lắng nghe người khác nói hoặc nghe người khác tâm sự nỗi buồn của họ, một cách hoan hỷ, đó là ta đã thành tựu

được hạnh nhẫn nhục ba-la-mật. Nơi nào cũng lắng nghe, lúc nào cũng lắng nghe, lắng nghe tất cả những tiếng kêu đau thương của hết thầy mọi người, mọi loài là chúng ta thành tựu được tinh tấn ba-la-mật.

Lắng nghe tiếng khen chê mà tâm không bị xao động, bất động trước khen chê, thị phi của cuộc đời là ta thành tựu thiền định ba-la-mật.

Từ sự lắng nghe dẫn ta đến trí tuệ. Ta lắng nghe để thấy rõ chơn vọng của cuộc đời, thấy rõ tác nhân, tác duyên của mọi vấn đề, thấy rõ nhân quả nghiệp báo của mọi vấn đề, như vậy là ta thành tựu trí tuệ ba-la-mật.

Bồ Tát Quán Thế Âm nhờ thực hành hạnh lắng nghe mà thành tựu viên mãn Lục độ.

Quý vị là Ngành nữ, tay yếu chân mềm có nhiều lo âu và sợ hãi. Sợ hãi đông bão giữa cuộc đời, cũng như đông bão trong lòng mình nổi lên và cần có nơi nương tựa, nên hạnh lắng nghe của Bồ Tát Quán Thế Âm là hạnh mà quý vị có thể nương tựa để thực tập tạo ra chất liệu an ổn trong đời sống hàng ngày.

Nhờ thực tập hạnh lắng nghe, quý vị không những có khả năng cứu đời, mà còn làm nơi nương tựa cho các con và em của mình, và cuộc sống của quý vị trở thành linh hoạt trong mọi tình huống, như Bồ tát Quán Thế Âm linh hoạt chuyển vận bánh xe Chánh pháp để độ đời.

Nơi nào có bất công, kỳ thị, thì nơi đó có Bồ tát Quán Thế Âm xuất hiện. Bồ Tát Quán Thế Âm đã hóa thân thành Quan Âm Diệu Thiện để chữa lành bệnh cho cha. Bồ tát Quán Thế Âm đã hóa thân thành Quan Âm Thị Kính bị bà mẹ chồng hiểu lầm, đã nhẫn nhục kiên trì, không nổi tâm thù oán, sân hận. Bồ tát Quán Thế Âm đã hiện Tiêu Diện Đại Sĩ để nhiếp phục loài đầu trâu mặt ngựa, khiến chúng trở về với đạo đức lương thiện.

Do đó, chúng ta thực tập hạnh lắng nghe của Bồ tát Quán Thế Âm, hy sinh vì hiếu như Quan Âm Diệu Thiện, chấp nhận mọi ngộ nhận để đem lại lợi ích cho xứ sở như Quan Âm Thị Kính, và phải biểu hiện đại hùng lực như Tiêu Diện Đại Sĩ để cứu nước, cứu dân, và nghe bất cứ nơi nào có tiếng gọi bị áp bức, thì Bồ tát liền xuất hiện ở đó, dưới nhiều hình thức để lắng nghe và cứu hộ.



Trong thời đại ngày nay của chúng ta, là thời đại quá ư là ngoại giao, ngôn ngữ được sử dụng hết sức điêu luyện và xảo trá, lại thêm nền văn minh tin học, lượng thông tin bùng vỡ, có những người đã lợi dụng văn minh tin học để loan truyền những tin tức không chuẩn xác, chỉ nhắm tới mưu lợi cho cá nhân, phe nhóm hay chủ nghĩa mà không phải vì hạnh phúc và an lạc cho thế giới con người, nên vào thời đại của chúng ta hiện nay, việc thực tập hạnh lắng nghe để khám phá và phát hiện sự thật lại là một Pháp môn hết sức cần thiết để cứu mình và cứu đời. Lắng nghe là một phép lạ để khám phá sự thực của mọi tâm hồn, và mọi thông tin từ mọi phía đến với chúng ta.

Trong thời đại hiện nay, chúng ta nói nhiều thì sẽ bị lỗi nhiều, nói ít thì ít lỗi, không nói thì không có gì để lỗi. Chỉ im lặng và thực hiện hạnh lắng nghe thôi, là mỗi chúng ta cũng đều trở thành hóa thân của Bồ tát Quán Thế Âm làm cho trần gian cạn vơi đi những hư dối và tử luy.

Cầu nguyện đức Bồ tát Quán Thế Âm gia hộ cho tất cả chúng ta thực tập hạnh lắng nghe một cách thành công.

## NHỮNG ĐÓA HOA TUYỆT VỜI

*Thầy Thích Thái Hòa giảng cho Đoàn Thiện Tài Đồng Tử  
trong buổi khai mạc và hình thành gồm hơn 150 em thanh thiếu niên  
tham dự thực tập chánh niệm ở thiền đường Trăng Rằm  
tại Tổ đình Từ Hiếu - Huế.*

Các con yêu quý!

Hôm nay là ngày 21/06/Canh Thìn, tại thiền đường Trăng Rằm, các con hội tụ về đây vui ca hát dưới mái chùa Tổ. Nguồn mạch tiếp nối trao truyền nhiều đời có từ nơi ông bà, cha mẹ các con, qua nhân duyên phước đức mà các con đã gặp được, các con là những đóa hoa tuyệt vời giữa tình yêu hạnh phúc và ước mơ của cha mẹ. Cho nên hôm nay các con có mặt nơi cuộc đời theo nghiệp lực và nhân duyên tạo tác đã sinh thành một con người có đầy đủ phước báu và bình an. Sự hiện hữu của các con là đóa hoa tuyệt vời nhất giữa thế gian. Bởi vậy muốn nuôi dưỡng và chăm sóc đóa hoa tuyệt vời của chính mình thì các con

phải thực tập chánh niệm nhằm duy trì và phát triển cái đẹp cao quý trong các con mà ông bà nội ngoại, cha mẹ, chú bác, cô dì hằng mơ ước. Muốn mình trở thành một đóa hoa tuyệt vời hơn bất cứ đóa hoa nào nơi cuộc đời này thì phải thực tập sáu chất liệu mà Thầy sắp chia sẻ đến với các con hôm nay.

## **1. Hiếu nghĩa**

Các con là đóa hoa sinh ra từ ba mẹ, là niềm mong mỏi và ước mơ của nội ngoại. Nếu mình không biết hiếu nghĩa với ông bà nội ngoại, cha mẹ thì tự mình đánh mất niềm tin yêu, mình không xứng đáng là đóa hoa tuyệt diệu làm đẹp cho gia đình, cho cuộc sống mà mình đang nương nhờ để khôn lớn.

## **2. Kính trọng**

Giữa đời này, các con phải kính trọng và vâng lời đối với cha mẹ, ông bà nội ngoại và cao hơn nữa là mình phải biết kính trọng Phật. Bởi vì đức Phật là nơi quy ngưỡng của ông bà nội ngoại, cha mẹ, chú bác, cô dì, là nơi nương tựa đời sống tinh thần để bình ổn thân tâm mà tạo ra vật chất

nuôi dưỡng chúng ta. Ba mẹ nương nhờ Đức và Trí của ông bà nội ngoại mà sinh ra, do đó các con phải vâng lời dạy bảo và kính trọng cha mẹ. Hai chất liệu Đức và Trí các con phải nuôi dưỡng, thực hành từ tự thân các con sẽ tạo ra một đóa hoa tuyệt vời cho hiện tại và đóa hoa nhân phẩm cho tương lai.

### **3. Hiểu biết**

Các con phải cố gắng trau dồi, nỗ lực học tập để hiểu biết rõ ràng, rành mạch và tri ân những ân nghĩa chung quanh của mọi loài, trân quý những gì đang nuôi sống chúng ta. Mình ăn bát cơm mình phải biết bát cơm đó có từ đâu? Chiếc áo này ai cho mình mặc đây? Sách vở bút viết ai mua cho mình đến trường học tập? Ai hướng dẫn cho mình hiểu biết, nắn nót lắp ghép từng vần chữ, giải thích từng câu ngữ vận, châm ngôn, ai đang hướng dẫn cho mình hiểu về truyền thống, đạo lý nuôi dưỡng tinh thần để mình kính trọng và tưởng nhớ tổ tiên.

### **4. Thương yêu**

Mình biết mình sinh ra từ cha mẹ và cha mẹ cho các con

đến trường ăn học, áo cơm có từ công lao tảo tần sớm hôm của cha mẹ. Ngoại thể và nội tạng của các con là một quá trình đùm bọc curu mang của cha mẹ, cho nên phải thương yêu cha mẹ. Các con tự thực tập; mỗi lần đi học về hãy đến ôm hôn cha mẹ và nói là: "Ba ơi, mẹ ơi! Con có được ngày hôm nay đi đến trường học tập là nhờ có cha mẹ". Hãy nắm tay anh chị và bạn bè và nói rằng: "Sự có mặt của chúng ta hôm nay là nhờ có cha mẹ tạo ra". Các con sẽ thấy niềm vui trời dậy nơi cha mẹ, anh chị và lúc đó cha mẹ và anh chị sung sướng biết chừng nào. Như vậy mình là đóa hoa tuyệt vời vì mình đã có sự hiểu biết và thương yêu.

## **5. Biết tiếp nhận**

Các con là những đóa hoa tuyệt vời khi các con biết lắng nghe, nhận lỗi lầm của mình đã sai phạm mà không che giấu, chối cãi. Biết ngồi yên để tiếp nhận lời phê bình của thầy cô giáo, của những người thân trong gia đình và những người lớn tuổi đang sống chung quanh để khắc phục, sửa chữa mà trong lòng không bực bội, giận hờn, để sớm trở thành những đóa hoa dễ thương, dễ mến. Khi đã là

một đóa hoa dễ thương, nếu có ai đó đem cho tiền bạc, bánh kẹo và những thứ quý báu khác, thì mình phải biết cách tiếp nhận trân trọng bằng hai tay, cúi đầu kính cẩn cảm ơn ân nhân, đó là các con đã thực hành được cách tiếp nhận làm cho cha mẹ vui lòng.

## **6. Biết chia sẻ**

Các con là những đóa hoa tuyệt vời khi biết chia sẻ tình thương yêu có từ ông bà nội ngoại, chú bác, cô dì đến với bạn bè chung quanh. Bởi vì bạn bè có những người mất hết tình yêu thương. Khi sinh thành không biết mặt mũi cha mẹ, ông bà nội ngoại mình là ai; lớn lên không có được sự giáo dục, chăm sóc và che chở. Khi tình yêu thương huyết thống không còn thì bạn bè bị hụt hẫng, bơ vơ, do đó phải biết mỉm cười khi nghe nói những lời nặng nề, thô lỗ, những hành động thô bạo có nơi bạn mình. Các con phải chia sẻ nỗi bất hạnh trong niềm thông cảm tha thứ và giúp đỡ lẫn nhau. Đó là chất liệu của đóa hoa tuyệt vời mọc lên từ mảnh đất chánh niệm của Phật- Pháp- Tăng. Và ước mơ của cha mẹ, ông bà

nội ngoại đã được thỏa thích và hạnh phúc, khi thấy con mình có được chất liệu hiếu nghĩa, kính trọng và hiểu biết, biết tiếp nhận và biết chia sẻ.

Đó là bài pháp thoại ngắn gọn, đơn giản và nhẹ nhàng trong buổi đầu các con đến chùa. Thầy mong các con hãy thực tập thường xuyên cho đóa hoa tuyệt vời nơi bản thân mình tự nở ra để dâng tặng cúng dường Phật, ông bà, cha mẹ và những người thân yêu của các con.

*Quảng Ân ghi*

## NGƯỜI VỀ TỪ ĐỈNH NÚI

*Bài pháp thoại của Thầy Thích Thái Hòa giảng cho các Tăng Ni và Phật tử tham dự khóa tu truyền thống sau khóa tu theo tinh thần Làng Mai tại Tổ đình Từ Hiếu - Huế ngày 23/3/ 2002, vì thấy có lợi ích cho tất cả chúng ta cho nên chúng tôi phiên tả ra đây để cùng chia sẻ với quý độc giả.*

Phong thái và tâm hồn của một người leo núi khác xa với phong thái và tâm hồn của người dân bình thường. Phong thái và tâm hồn của người ở trên đỉnh núi khác xa với phong thái, tâm hồn của người đang leo núi. Phong thái và tâm hồn của người từ trên đỉnh núi đi về khác rất xa với người đang kẹt vào núi. Phong thái và tâm hồn của người không leo núi đó là phong thái và tâm hồn của những người không đặt định hướng cho mình để đi; lý tưởng để sống. Họ bị "cuốn theo chiều gió". Họ chưa bao giờ đặt ra cho mình câu hỏi tại sao ta có mặt nơi thế giới này và có mặt để làm gì? Do họ không đặt ra những câu hỏi, vì vậy họ bị "cuốn theo chiều gió", không đặt



cho mình một hướng đi, một nẻo tới. Cho nên, họ sống một cách thụ động theo bản năng. Vì họ sống như vậy, nên khi niềm vui đến với họ, họ cười một cách thỏa thích và khi niềm đau đến họ khóc một cách tội nghiệp. Họ là con người, nhưng chẳng khác nào rau khoai, rau muống. Họ chỉ bò thôi, chứ không đứng vững được. Rõ ràng nhất, sau khi nghe Pháp thoại do Thượng tọa Tuệ Sĩ nói xong, tôi đi ra trước chánh điện, thấy có nhiều thanh niên, thanh nữ họ quỳ trước Phật với phong thái run rẩy van xin. Tôi thấy như vậy, tôi biết họ chưa một lần leo núi. Và họ có thể van xin bất cứ nơi nào. Họ không có lối sống, mất hướng. Hạng người đó so với người leo núi thì người leo núi vượt rất xa.

Leo núi có nghĩa là vứt bỏ đời sống tầm thường của thế tục để đi lên. Người leo núi là người xuất gia và tại gia. Khi quy y Tam Bảo thì ta đã trở thành người leo núi rồi.

Chúng ta không muốn trôi theo dòng chảy mà chúng ta muốn đưa dòng chảy thế tục vào dòng chảy bậc Thánh.

Phong thái và tâm hồn của người leo núi như thế nào?

Người đó phải bám sát mục tiêu của mình. Nếu không sẽ rơi vào rừng tà kiến. Và phải có dụng cụ leo núi, nếu không thì ta sẽ rơi xuống núi và mất mạng liền.

Dụng cụ leo núi của người xuất gia và người tại gia là Giới, là Định, là Tuệ. Nếu không có Giới ta sẽ rơi vào rừng tà kiến, nếu không có Định ta sẽ rơi vào rừng tà tư duy và rừng tà của các thứ thiên định thế gian đem lại. Không có Tuệ thì ta sẽ rơi vào rừng tà kiến luận điếm một chiều. Chúng ta leo núi thì không đại gì mà leo một mình mà nên cùng nhau leo núi. Và khi cùng nhau leo núi như thế thì người mạnh giúp người yếu, người lành giúp người thương tích. Cho nên phải leo núi bằng đại chúng. Và điều này Sư ông Làng Mai dạy chúng ta Leo Đồi Thế Kỷ. Có những thầy, cô, chú không chịu cùng nhau leo núi mà thích leo một mình và cuối cùng bị chập trán. Tình trạng ấy ở Việt Nam rất nhiều; ở thất riêng là hình thức leo núi một mình và sẽ thất bại trên con đường leo núi. Nhiều cư sĩ cũng vậy không chịu cùng nhau tu tập.

Nhưng khi leo núi hành giả chỉ thấy trước mắt mình là con đường có nhiều dây leo chằng chịt. Đôi lúc không có

đường thì mình phải mở đường mà đi. Khi leo núi mà mình lơ đãng thì dễ bị rơi xuống hố. Do đó phải nhất tâm trong sự nghiệp leo núi của mình. Người leo núi không cần nhìn qua hai bên mà chỉ nhìn con đường trước mắt. Không cần thắc mắc sau núi có những gì. Khi leo núi mà phóng tâm thì sẽ bị giảm sức leo núi của ta.

Khi leo núi ta phải biết duy trì chánh niệm. Có thể tiếng chim là người bạn của ta, chiếc lá vàng rơi là người bạn của ta. Những cái đó đánh thức ta trở về và ta leo núi. Với phong thái và tâm hồn như vậy, nên việc đứng trên đỉnh là chuyện có thể thực hiện được.

Cũng vậy, một vị tu tập vững chãi về Giới và Định thì đạt Niết Bàn ngay trong hiện tại. Niết Bàn không phải là mơ ước mà là hiện thực trong từng bước chân đi của ta.

Phong thái và tâm hồn của người đứng trên đỉnh núi khác xa với phong thái và tâm hồn của người đang leo núi. Phong thái của người đứng trên đỉnh là vững chãi và thanh thoi, tâm hồn bát ngát bao la. Bởi vì đứng trên đỉnh thì vị ấy đưa mắt nhìn bốn phía và nhìn lên bầu trời bao la, vị ấy

khám phá ra sự thật. Ngoài thế giới bình thường ra còn có các thế giới vô biên khác. Vị ấy khám phá thấy hạnh phúc của mình lớn hơn những người đang leo núi. Khi một người đang đứng trên đỉnh thì không bị trở ngại bởi những sợi dây chằng chịt của núi. Ở đây A-La-Hán đứng trên đỉnh núi của sinh tử. Vị đó sống đời sống thanh thoi không bị hệ lụy của trần thế. An lạc và hạnh phúc không do ai hiến tặng cho vị ấy mà do chính vị ấy thành tựu được từ việc leo núi. Vị ấy nghĩ rằng, người ấy cần giúp cho mọi người giải thoát, cho mọi người cái nhìn phóng khoáng như chính mình. Vị ấy nghĩ rằng, tại sao mọi người cứ sống trong thế giới mờ mịt như vậy?

Cho nên Không Lộ thiền sư đã phải thét lên:

“Hữu thời trực thương cô phong đánh

Nhất khiêu trường thanh hàn thái hư”.

Nghĩa là:

“Đúng thời vượt hẳn lên đỉnh núi

Hết dài một tiếng lạnh hư vô”.

Và rồi để leo núi vì thành thơi một mình thì chẳng ích gì. Sau khi thấy được sự sống vô biên, trời xanh bao la thì vị ấy hạ sơn. Vị ấy phải hạ sơn để giúp những người đang leo núi và những người chưa leo núi, khởi tâm leo núi, giới thiệu với mọi người biết trên đỉnh núi có nhiều châu báu lắm. Do đó những vị giáo thọ đích thực thì tâm của họ khác xa với những người đang và chưa tu học. Cho nên phong thái và tâm hồn của vị giáo thọ phải là những người từ trên đỉnh núi đi về. Người từ đỉnh núi đi về mang chất liệu Đại bi và Đại trí. Vị ấy hướng dẫn tu tập tùy theo căn cơ mà không phải là một Pháp môn nhất định. Vì có những người leo núi từ phía Tây, khi mặt trời về chiều họ bị nóng sau lưng, là vị giáo thọ thì phải biết mà giúp họ. Cho nên vị giáo thọ phải lấy dù để che sau lưng cho họ. Có người leo núi từ phía Đông vào buổi sáng thì bị ánh sáng rọi vào người leo núi, là người giáo thọ thì phải biết mà giúp họ. Có người leo núi từ phía Bắc, là người giáo thọ thì ta phải biết gió Đông Bắc lạnh như thế nào để giúp và che chở. Có người leo núi từ phía Nam, họ bị ngọn gió Lào, gió Thái xoáy vào rất nóng, là vị giáo thọ thì phải biết để giúp họ đi trọn con đường để đạt đến đỉnh cao. Vị đó sẽ

không kỳ thị Đông – Tây – Nam - Bắc. Như khi sáng Thượng tọa Tuệ Sĩ nói: "chúng tôi không thấy rõ quý vị nhưng nhìn quý vị dưới khía cạnh khác, như khi nhìn qua bức tường, quý vị thấy hai cái sừng thì quý vị quyết chắc đó là con trâu mà không cần biết là trâu đen hay trâu bạc". Nếu thấy trâu đen hay trâu bạc thì ngã sở khởi rồi và như vậy thì mình thất bại. Vị ấy từ đỉnh núi trở về thấy mọi người đều như nhau, đều cần sự giúp đỡ không phân biệt.

Người leo núi từ Tây thì họ tư duy, hấp thụ văn minh khí tiết của phương Tây, là vị giáo thọ thì phải biết điều ấy. Khi nói đến điều này ta khám phá ra điều thú vị ở trong kinh A Di Đà mà mình thường tụng hàng ngày "chư Phật đồng đưa tướng lưỡi rộng dài mà ca ngợi". Điều đó thấy rằng chư Phật giáo hóa chúng sanh với tâm bình đẳng. Tâm này phải từ đỉnh núi mà đi về. Vị đó rất khỏe, cần cười thì cười, cần khóc thì khóc chứ không ngần ngại. Vì cười mà có thể giúp cho mọi người tới được trên đỉnh núi vững chãi thì cười...

Đôi lúc khổ mà giả vờ cười, đó là mắc kẹt cười, nếu cần khóc để gọi dậy tình người nơi người có trái tim lạnh giá

thì khóc. Khóc là một bài thuyết pháp. Nói cười, im lặng tùy phương mà cởi mở. Vị từ đỉnh núi về đồng bằng phố thị giúp cho mọi người leo núi vị đó có vô số phương pháp trị liệu. Có nhiều Phật tử nói với tôi rằng, quý Thầy tu mà hát nhạc, Phật cấm mà quý Thầy hát!!!

Tôi trả lời nếu hát mà thay đổi cuộc đời từ u mê thành an lạc thì Phật không cấm.

Do đó, phong thái của người từ đỉnh núi đi về rất là bình thản, sâu lắng, trầm tĩnh. Vì họ đã chứng nghiệm mục tiêu của con đường. Họ đã thấy vô số phương pháp để đạt được mục tiêu. Do đó những gì xảy ra, họ đều nhìn một cách trầm tĩnh. Chư Tổ của chúng ta là những vị từ đỉnh cao mà đi về. Người ta có thể bảo rằng ngài Ca Diếp là sơ Tổ Thiền tông. Đó là cái nhìn của người có căn cơ thiền leo núi. Có người cho rằng, Tổ Ca Diếp là sơ Tổ của Giáo tông. Đó là cái nhìn của người có căn cơ giáo học. Và có người bảo rằng ngài Ca Diếp là sơ Tổ hạnh Đầu đà... Những áp đặt ấy của người leo núi từ phía này hoặc phía kia thì ngài Ca Diếp chỉ mỉm cười thôi.

Nụ cười của Ngài cũng có thể là cái đó mà cũng có thể là không phải cái đó. Do đó các Tổ sư từ trên đỉnh núi khi về đều mang hai chất liệu Đại bi và Đại trí.

Người mắc kẹt phía Tây cho núi phía Tây là nhất. Người mắc kẹt phía Nam cho núi phía Nam là nhất. Người mắc kẹt phía Đông cho núi phía Đông là nhất. Người mắc kẹt phía Bắc cho núi phía Bắc là nhất. Do đó tạo ra những cuộc hý luận vô bổ. Con dao bén, nếu ở nơi tay của Tổ sư thì diệu dụng, tạo ra rất nhiều thức ăn để trị liệu chúng sanh. Nếu ở vào tay người đồ tể thì tạo ra những nhát dao cắt đứt sinh mệnh của chúng sanh.

Khi sáng Thượng tọa Tuệ Sĩ cũng nói: "Thiền không chỉ có ngồi. Có đôi khi người ngồi thiền mà khoe mình ngồi đến tám tiếng hoặc mười tiếng đồng hồ. Ngồi lâu có thể thành cóc chưa chắc đã thành Tổ, thành Phật đâu. Cho nên thiền chưa hẳn là ngồi, lật rau, ăn quýt cũng có thể thực tập thiền".

Có vị nói: "nhất cử nhất động, vô phi thị thiền" lời tuyên bố như thế nó rất đúng với kinh.



Kinh Tứ Niệm Xứ có nói: "khi tôi duỗi tay tôi biết tôi đang duỗi tay..."

Thiền mà Phật dạy rất là sinh động mà Tổ vận dụng giúp chúng ta. Có người nói, tu thiền đâu cần phải tụng kinh. Thiền là ở nơi sự im lặng chẳng? Thế là người cầm là Thiền sư cả sao? Không nghe thị phi bên ngoài là Thiền chẳng? Nhắm mắt lại là Thiền chẳng. Như vậy, người điếc và người người mù là Thiền sư cả sao? Ta có thể sử dụng bất cứ phương pháp nào mà phương pháp đó, giúp cho tâm hành lắng xuống thì ta có thể sử dụng được cả. Và thực tập như vậy là Thiền của Như Lai, Thiền của Tổ sư.

Thiền như vậy là Thiền của người từ đỉnh núi về. Có những người đang leo núi đã kích việc tụng kinh khuya. Tôi nghĩ, Tổ từ đỉnh núi trở về, do đó đã thi thiết vận dụng ra giúp chúng ta. Pháp là Pháp thôi. Điều chủ yếu là đạt đến đích. Công phu khuya nếu nhìn cho sâu, thì ta thấy đạo lý mâu nhiệm ở trong đó. Chúng ta phải biết để thực tập, còn nếu thực tập như nghĩa vụ thì việc tụng kinh như vậy là vô ích.

Bài tựa chú Lăng Nghiêm chúng ta phải tụng với Từ bi âm thì trái tim ta sẽ mở ra từ hữu hạn đến vô cùng. Khi ấy sự giận hờn, ích kỷ trong ta được chuyển hóa. Khi đã chuyển hóa rồi thì tâm ta rất an ổn, rộng lớn.

Âm điệu thứ hai là Hải triều âm, khi ta tụng chú, thì âm hưởng của nó rì rào như sóng vỗ. Khi tụng như vậy ta có cảm giác không cô đơn. Những cảm giác mắc kẹt được mở ra. Quý vị phải tụng kinh đi mới thấy, nếu không, đừng có nói, vì nói là sai.

Âm điệu thứ ba là Sư tử âm, nó giống như tiếng rống của sư tử. Khi tụng điệu Sư tử âm thì có khả năng làm cho những hạt giống hèn yếu, sợ hãi... ở nơi tâm ta lắng xuống. Khi phiền não lắng xuống thì chúng ta đi vững chãi như Sư tử chúa, voi chúa mà không phải là như chim sẻ, như thỏ, như nai...

Âm thanh cuối là Giải thoát âm tức là âm thanh niệm Phật. Niệm với tâm hờn không hệ lụy vướng mắc, âm thanh giải thoát tụng lên thì con người có chủ quyền, có tự do. Tôi chưa nói đến triết lý ở trong truyền thống, mà chỉ nói đến

cách thức tụng mà thôi, thì đã thấy nó sâu sắc lắm rồi. Nếu quý vị là ca sĩ thì quý vị sẽ nhận ra công phu khuya là một bản nhạc có nhiều âm hưởng, tông điệu khác nhau.

Tu thì phải tu cho đến nơi đến chốn để giúp cho mọi người. Cho nên, Thiền sư có thể là một chính trị gia, một nghệ sĩ đa tình. Đa tình thì không có tình nào mà mắc kẹt cả.

Thiền mà sợ ôm thì sao gọi là Thiền?

Ôm là một hành động có thật trong sự sinh hoạt của con người. Thiền phải có mặt trong hành động ôm của con người, để giúp cho con người ấy vượt ra khỏi những hệ lụy, để giúp cho hành động ấy trở nên gần gũi mà thánh thiện.

Và ôm là một hành động xảy ra rất phổ biến của người Tây phương, ta phải giúp họ không nên ôm với tâm ý thấp kém, mà hãy ôm với tâm ý thánh thiện.

Bởi vậy, phong thái và tâm hồn của một người về từ đỉnh núi rất khác xa với những người bị mắc kẹt lại trên đỉnh núi và lại càng khác rất xa đối với người đang leo núi.

## KHÉO SỬ DỤNG PHƯƠNG TIỆN

*Pháp Thoại Thầy Thích Thái Hòa giảng  
vào ngày 29, tháng giêng, năm Quý Mùi, tức ngày 01/03/2003  
cho Đạo Trùng tu học Chánh Niệm tại chùa Thuyền Lâm Huế,  
do đệ tử Nhuận Hạnh Châu và Mãn Toàn kính phiên tả.*

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Thưa đại chúng,

Chúng ta có rất nhiều điều kiện, rất nhiều yếu tố, rất nhiều phương tiện để tạo ra phước đức cũng như tạo sự hạnh phúc và an lạc cho ta.

Ở giữa đời này người nghèo nhất vẫn là người có thể sử dụng phương tiện vốn có của mình để tu tập và tạo ra hạnh phúc. Người nghèo nhất ở trong đời cũng có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Có người nào ở trong đời mà không có mắt không? Giả sử như họ bị mù thì họ còn có tai. Giả sử như

họ điếc thì họ cũng còn có mũi. Nếu họ bị điếc mũi nữa, thì họ còn có miệng, mà nếu bị câm nữa, thì cũng còn có thân thể. Khi đã có thân thể thì họ có tâm ý. Do đó, người nghèo nhất cũng có thể tu tập để tạo ra hạnh phúc trong đời sống hằng ngày của chính mình, vì sao? Vì giàu hay nghèo gì thì đối với mọi người ai cũng đều có tâm ý cả. Có tâm ý là ta đã có điều kiện căn bản để thiết lập sự tu tập và tạo ra hạnh phúc cho ta và cho mọi người.

### **Đôi mắt là cửa ngõ vào và ra Niết bàn hay sinh tử**

Đôi mắt của mỗi chúng ta là phương tiện để chúng ta có thể tạo ra hạnh phúc và an lạc cho ta. Nếu ta biết sử dụng đôi mắt của ta với tâm ý chánh niệm, ý thức tỉnh giác thì đôi mắt của ta là một phương tiện tích cực để tạo ra hạnh phúc cho ta.

Với đôi mắt có ý thức chánh niệm tỉnh giác, ta nhìn mọi hiện tượng của thế gian với tâm không chiếm hữu, với tâm phụng sự lợi ích cho mọi người và mọi loài, thì đôi mắt của ta là một phương tiện để giúp ta thành tựu hạnh phúc lớn rộng trong đời sống con người và giúp ta đi tới được

với đời sống cao thượng. Vậy, đôi mắt là phương tiện giúp ta thực hiện hạnh phúc, thực hiện an lạc, thực hiện giải thoát một cách có hiệu quả.

Thưa đại chúng,

Khi chúng ta nhìn một người hay một sự kiện mà ta thiếu chánh niệm, thiếu tỉnh giác thì ta nhìn sự kiện đó, đối tượng đó bằng con mắt thèm khát.

Khi ta nhìn sự kiện, nhìn đối tượng bằng đôi mắt thèm khát là ta nhìn bằng nhục nhãn.

Nhìn ai đó mà nhìn bằng đôi mắt thèm khát và muốn chiếm hữu, như vậy là ta đã nhìn cuộc đời, nhìn đối tượng bằng nhục nhãn. Cái nhìn nhục nhãn hay còn gọi là cái nhìn bằng mắt thịt sẽ tạo ra khổ đau cho ta, sự thất vọng cho ta. Bởi vì sao? Bởi vì mọi sự hiện hữu ở trong thế gian này không có cái nào hiện hữu để cho ta chiếm hữu, mà ta tưởng rằng, mọi cái hiện hữu đó là hiện hữu để cho ta chiếm hữu, cho nên ta bị thất vọng và khổ đau.

Đại chúng thấy, ngay cả bản thân mình mà mình có chiếm

hữu được không? Cái ở trong tầm tay ta mà ta chưa chiếm hữu được huống là những cái mà ta chỉ tiếp xúc nó bằng mắt, thế mà ta muốn những cái đó thuộc về ta và ta muốn chiếm hữu nó. Chiếm hữu không được đương nhiên sẽ bị thất vọng và khổ đau. Bởi vậy, đôi mắt để chúng ta nhìn cuộc đời là mắt thịt thì chúng ta sẽ khổ đau, từ khổ đau này đến khổ đau khác, từ thất vọng này đến thất vọng khác. Bởi vậy mà đôi mắt có thể là phương tiện tạo ra khổ đau cho ta và cũng là phương tiện tạo ra an lạc và hạnh phúc cho ta.

Đôi mắt có thể tạo ra an lạc và hạnh phúc cho ta là đôi mắt đó có gốc rễ từ tâm hồn chánh niệm tỉnh giác của ta.

Đôi mắt có thể tạo ra hạnh phúc và an lạc cho ta là đôi mắt đó có gốc rễ từ Bồ đề tâm rộng lớn của ta.

Nếu ta nhìn cuộc đời, nhìn mọi hiện tượng của thế gian: tài, sắc, danh, thức ăn, tiện nghi vật chất bằng một tâm thiếu chánh niệm tỉnh giác, và bị thúc đẩy bởi lòng tham của ta, thì tức khắc đôi mắt của ta sẽ trở thành vẩn đục, đôi mắt của ta sẽ trở thành ra tà kiến.

Tà kiến là gì? Tà kiến là nhìn sai vấn đề, tà kiến là cái nhìn

không khám phá ra sự thật toàn phần mà chỉ khám phá ra một phần trong toàn phần và bị mắc kẹt trong cái một phần đó, hoặc có khi khám phá sai hoàn toàn, cái đó gọi là cái nhìn phiến diện, cái nhìn mê lầm, cái nhìn đó gọi là cái nhìn nhục nhãn.

Trái lại, khi ta nhìn một sự kiện, khi mắt ta đối diện với sắc: sắc của con người, sắc của các loài chúng sinh, sắc của các sự vật. Ta nhìn và ta quán sâu vào chúng, và nếu sự nhìn sâu của ta được thiết lập trên nền tảng của chánh niệm, trên nền tảng của tuệ giác, thì đôi mắt của ta sẽ khám phá ra được sự vật xung quanh ta một cách chính xác. Sự khám phá ấy gọi là chánh kiến.

Như vậy, đôi mắt của chúng ta là một phương tiện để cho chúng ta thực tập đời sống hạnh phúc nếu đôi mắt đó được gắn liền với những chất liệu chánh niệm, với những chất liệu chánh kiến ở trong tâm hồn ta, ở trong sự hiểu biết của ta.

Có những lúc mình nhìn sự kiện cần phải mở to đôi mắt ra, nhưng cũng có lúc mình nhìn sự kiện cần phải nhắm kỹ đôi mắt lại. Có những trường hợp mình mở to mắt ra



để nhìn, mình mới khám phá ra được sự thật của vấn đề. Có trường hợp mình phải nhắm đôi mắt lại để nhìn mới nhận ra sự thật của vấn đề. Ta mở to đôi mắt với chánh niệm tinh giác thì ta mới có khả năng khám phá ra được sự thật của vấn đề, và ta cũng có thể nhắm đôi mắt lại ở trong chánh niệm tinh giác, ta mới khám phá ra sự thật của vấn đề. Trái lại, ta mở to đôi mắt ra mà nhìn với tâm vọng niệm, với tâm điên đảo, với tâm tà kiến, với tâm sân hận, với tâm cố chấp thì đúng là ta có mở to đôi mắt đến mấy, thì ta cũng không thấy được sự thật của vấn đề. Ta có nhắm mắt lại mà nhắm trong vô minh, trong tà kiến, trong kiêu mạn, trong tham vọng, trong u mê thì dù ta có nỗ lực nhắm mắt đến mấy cũng không thấy được vấn đề. Cho nên, nhắm mắt hay mở mắt, nó phải được thiết lập trên nền tảng của chánh niệm, của tinh giác, của Bồ đề tâm thì chúng ta mới khám phá ra sự thật của vấn đề mà ta cần khám phá.

Thưa đại chúng,

Đôi mắt của mỗi chúng ta là mỗi phương tiện. Nếu chúng ta biết sử dụng phương tiện đó cho mục tiêu tu học, cho

mục tiêu hướng thượng, cho mục tiêu giải thoát, thì đôi mắt của chúng ta giúp cho chúng ta đạt đến năm mức độ của sự hiểu biết.

### **Mức độ thứ nhất là hiểu biết được cái nhìn của con người**

Ngày xưa khi Phật còn tại thế, có một cư sĩ đến thưa với đức Phật: Bạch Thế Tôn con thấy bác A này như vậy, cô B này như vậy, chị C này như vậy con không có vui, con không có bằng lòng. Đức Thế Tôn dạy: "Con nên nhìn mọi người bằng đôi mắt thịt, nhìn mọi người bằng đôi mắt thịt mình sẽ dễ có bạn, nhìn mọi người bằng đôi mắt sâu sắc mình sẽ khó có bạn".

Các thầy Tỷ khưu chỉ lỗi cho nhau, đức Phật cũng nói vậy: "Các thầy nên nhìn nhau bằng đôi mắt bình thường, còn nếu các thầy nhìn vấn đề bằng cặp mắt thiên quán thì các thầy khó mà thấy có sự thanh tịnh từ người khác".

Tức là có những chuyện mà mình nhìn với cặp mắt bình thường thì cuộc đời nó còn có một chút dễ thương, dễ yêu và dễ quý; nhưng nếu mình nhìn bằng cặp mắt sâu sắc thì

cuộc đời không còn chi để mà yêu để mà quý cả. Nhìn một vấn đề nào đó, một người nào đó, với một thân thể nào đó dưới cặp mắt bình thường, thì mình còn có chút để thương, để gân gũ. Nhưng mình nhìn bằng cặp mắt sâu sắc thì trong đời chẳng có mấy ai để mình gân gũ, để mình thương và để mình quý cả.

Vậy nên đức Phật dạy có những vấn đề cần sử dụng mắt thịt, thì mình dùng mắt thịt để nhìn, có những vấn đề cần giải quyết bằng mắt thịt thôi, thì mình nên sử dụng mắt thịt để giải quyết vấn đề, biết sử dụng như vậy, thì mình sẽ có hạnh phúc.

Bởi vậy, khi mà mình nhìn vấn đề và giải quyết vấn đề bằng đôi mắt thịt, thì mình có thể quan tâm ngang những vấn đề mà mắt thịt của mình nhìn thấy, mình sẽ tạo ra được niềm tin cho mình và mình sẽ có hạnh phúc. Cái nhìn và giải quyết như vậy gọi là cái nhìn nhục nhãn, là nhìn với đôi mắt bình thường. Mình dùng cái nhìn bình thường để tạo ra chất liệu hạnh phúc cho mình và cho những người xung quanh.

## **Mức độ thứ hai là nhìn cuộc đời với đôi mắt của chư Thiên**

Khi mình dùng đôi mắt chư Thiên để nhìn cuộc đời, thì phước đức của mình nó lớn lên, mình hiểu sâu hơn. Khi mình nhìn hành động của một người khác bằng Thiên nhãn thì mình sẽ thấy người làm việc thiện như vậy, họ hạnh phúc như vậy là do động cơ nào, do tác nhân nào, do tác duyên nào mà họ có được hạnh phúc đó, mà họ có được sự an ổn đó? Tại sao người đó khổ đau? Do tác nhân nào? Do tác duyên nào mà đưa đến cái quả khổ đau như vậy?

Ta sử dụng đôi mắt của chư Thiên để thấy rõ nhân quả thiện ác ở trong thế gian, thấy cái ác của thế gian mà tránh, thấy cái thiện của thế gian, thì mình thân cận, gần gũi học tập và thăng tiến. Cái nhìn như vậy, tiếp xúc với cuộc đời như vậy gọi là Thiên nhãn. Bởi vì, con mắt của chư Thiên được hình thành bởi thiện nghiệp hữu lậu, mà do thiện nghiệp hữu lậu, nên còn rơi vào trong sinh tử, nhưng mà mình có phước báu và mình đem đôi mắt có phước báu ở trong cõi sinh tử luân hồi mà nhìn, mà khám phá cuộc đời, mà hiểu cuộc đời. Sử dụng cái nhìn như vậy gọi là sử dụng

đôi mắt của chư Thiên để nhìn cuộc đời.

Khi dùng Thiên nhãn để nhìn loài cá, tuy rằng bị thọ quả báo cá, nhưng có những loài cá bị làm thịt mà ăn, nhưng cũng có những loài cá được ở trong chậu kiếng để mọi người không ăn mà còn mua thức ăn ngon cho nó. Đồng là cá cả, đáng lẽ phải bị ăn thịt hết, nhưng có những con cá có phước báu hơn, nên không bị nằm phơi thây trên đĩa của bữa ăn, mà được ở trong chậu kiếng và con người phục vụ nó, chứ không phải nó phục vụ cho con người. Khám phá ra được sự thật nhân quả như vậy, khám phá ra được điều đó, dưới cái nhìn của chư Thiên để thấy nhân quả nghiệp báo của từng loài. Tuy ở trong cõi sinh tử, nhưng có loài nhận quả báo hết sức khốc liệt và có loài lại nhận quả báo hết sức nhẹ nhàng.

Ngay cả chiếc xe thôi, nếu ta nhìn chúng bằng đôi mắt của chư thiên: Như xe Dream, xe ô tô, có xe nó cũng có phước báu, có xe nó không có phước báu. Có những chiếc xe được sử dụng để đi giết người, nhưng có những chiếc xe nó được sử dụng để chở các bậc đức hạnh tu hành. Chúng đều là những chiếc xe cả, nhưng có chiếc chỉ là phương

tiện để giúp người ta giết người, mà cũng có những chiếc xe là phương tiện giúp cho người ta tạo ra phước đức.

Có những chiếc xe người ta đi về lau chùi sạch sẽ, đập mền cho nó, nhưng cũng có chiếc đi về người ta vứt ngoài hè. Chỉ là xe thôi, nhưng cũng có chiếc có phước báo, có chiếc không có phước báo. Rồi có những xe, tuy cùng sản xuất ra trong một hãng, nhưng rồi những chiếc xe đó xuất cảng ra các quốc gia, có những xe ở lại nội địa của Nhật, nội địa của Mỹ, có những chiếc xe thân phận của chúng xuất cảng đến Philippin, đến Việt Nam. Rồi ở Việt Nam có chiếc được đi ở thành phố lớn và sạch sẽ, có chiếc vô phước nó đi về những thành phố nhỏ, về thị trấn, lên núi chạy sỏi đá. Chỉ là xe thôi, nhưng có chiếc có phước đức, có chiếc vô phước đức, nhưng chúng đều có gốc rễ từ một hãng sản xuất.

Khi mình nhìn phước báo của từng loài, của từng đối tượng mà mình biết rõ thì cái nhìn đó được gọi là Thiên nhãn, đó là con mắt nhìn mà biết rõ bản chất thiện ác, biết rất rõ bản chất xấu tốt của từng đối tượng.

## **Cách nhìn thứ ba là nhìn nhận vấn đề bằng đôi mắt tuệ**

Người mà có chất liệu của đôi mắt tuệ khi nhìn vào ngũ dục của thế gian, thì vị đó biết rõ ngũ dục của thế gian chúng có vị ngọt. Nhìn vào sắc của thế gian, thì biết rất rõ là sắc có vị ngọt và có sức hấp dẫn của nó. Ai nói sắc đẹp là không hấp dẫn? Ai nói danh vọng là không hấp dẫn? Ai nói tiền tài là không có vị ngọt và không hấp dẫn? Ai nói thực phẩm ăn uống là không có vị ngọt và không hấp dẫn? Trong tất cả những cái đó đều có vị ngọt và đều hấp dẫn.

Vị có mắt tuệ nhìn thấy rằng, tất cả ngũ dục của thế gian đều có vị ngọt, đều có hấp dẫn nhưng mà sau vị ngọt đó là cái nguy hiểm. Như vậy, người có mắt tuệ nhìn cuộc đời, không những chỉ dừng lại ở nơi thế giới hiện tượng mà đã đi sâu vào thế giới bản chất và thấy được cái hiểm họa do cái bản chất tạo ra thế giới hiện tượng đó như thế nào, cái nhìn như thế là cái nhìn của mắt tuệ, nhìn như vậy rồi, thấy được nguy hiểm của vị ngọt các dục thế gian, vị đó mong muốn thoát ly, vượt ra khỏi chúng. Cái nhìn như vậy là cái nhìn của mắt tuệ.

Mình nhìn ngũ dục của thế gian mà không thấy nó là nguy hiểm mà chỉ thấy vị ngọt thôi, đó là cái nhìn nhục nhãn. Nhìn ngũ dục của thế gian thấy có vị ngọt và dùng đủ các phương pháp để mà hưởng thụ vị ngọt đó, chứ không thấy cái nguy hiểm của chúng. Đó là cái nhìn của nhục nhãn và thiên nhãn.

Nhìn ngũ dục của thế gian thấy có vị ngọt và nguy hiểm, muốn thoát ly vị ngọt đó, thoát ly cái nguy hiểm của ngũ dục thế gian đó là cái nhìn của mắt tuệ.

Lại nữa, khi mình đưa mắt tuệ để nhìn mọi sự hiện hữu giữa cuộc đời, thì mình phải biết không có một sự hiện hữu nào độc lập, tất cả mọi sự hiện hữu đều liên hệ chặt chẽ với nhau dưới dạng này hoặc dưới dạng khác.

Khi nhìn vào trong cái mặt của mình, mình nghĩ rằng, cái mũi nó hoạt động độc lập với miệng, miệng hoạt động độc lập với tai, tai hoạt động độc lập với tim, tim hoạt động độc lập với bao tử... đó là cái nhìn của nhục nhãn, của thiên nhãn. Nhưng, dưới cái nhìn của tuệ nhãn thì mũi không thể hoạt động độc lập với miệng, miệng không thể



hoạt động độc lập với tai, da không thể hoạt động độc lập với máu... cái nhìn mà thấy ở giữa này không có sự hoạt động nào độc lập cả, mọi hoạt động đều có tính cách tương tác liên đới, cái nhìn như vậy là cái nhìn của mắt tuệ. Khi ta có cái nhìn thường trực như vậy, thì tính kiêu mạn nơi ta mới tiêu, cái chấp thủ tự ngã ở nơi ta mới tiêu.

Nếu ta nhìn không thường trực bằng mắt tuệ, thì cái chấp ngã của ta nó trôi lên. Do đó, mình không ngạc nhiên, khi vào chùa, ai cũng dễ thương, ai cũng hiền, nhưng khi ra khỏi chùa, thì không còn hiền, không còn dễ thương nữa. Bởi vì khi vào chùa, mình có điều kiện để thực tập đôi mắt tuệ và trong giây phút đó, mình có một chút tuệ, nên mình dễ thương, nhưng ra khỏi chùa là mình không còn điều kiện để thực tập đôi mắt tuệ nữa, và đôi mắt tuệ trong mình vắng bóng, và cuối cùng nó trở về lại với mắt thịt, trở về lại với thế giới của nhục nhãn. Cho nên, các phiền não lại biểu hiện lên trong lời nói và việc làm của ta, khiến cho ta không những ưu phiền mà còn làm cho nhiều người ưu phiền nữa.

Cho nên, một vị sử dụng đôi mắt của trí tuệ để tạo ra hạnh

phúc cho mình, thì vị đó hạnh phúc rất là lớn, lớn so với cái nhìn của mắt thịt, so với cái nhìn của mắt chư Thiên. Vị đó hạnh phúc lớn lắm và vị đó khám phá ra rất nhiều cái đẹp, cái chân thật của mọi vấn đề.

### **Mắt thứ tư là pháp nhãn tức là con mắt của Chánh pháp**

Mình đưa đôi mắt của Chánh pháp mà tiếp xúc với các hiện tượng, tiếp xúc với các đối tượng và mình đưa đôi mắt của Chánh pháp mà tiếp nhận Chánh pháp, để hành trì thì phước đức của mình rất lớn.

Nhìn bằng đôi mắt của Chánh pháp là nhìn như thế nào? Đôi mắt của Chánh pháp là đôi mắt chúng ta nhìn mọi hiện tượng, mọi sự hiện hữu không có sự hiện hữu nào đơn điệu mà hình thành, không những vậy mà chính các yếu tố tạo nên các sự kiện, không có yếu tố nào tự nó hiện hữu và tồn tại, tất cả chúng đều là sự rỗng lặng và di chuyển liên tục, chúng biến thiên liên tục. Tất cả Pháp môn mà đức Phật dạy cho chúng ta đều là phương tiện, chúng chỉ là phương tiện giúp ta đi tới giải thoát, chứ Pháp

môn không phải là giải thoát. Do nhân duyên tụng kinh, giúp chúng ta đi đến đời sống giải thoát, chứ tụng kinh không phải là giải thoát.

Có nhiều người tưởng rằng, tụng kinh là giải thoát, cho nên khi cha mẹ chết, ông bà chết, họ mời quý thầy về tụng kinh hoặc là mình tụng kinh cho cha mẹ hoặc ông bà của mình, rồi mình cho rằng, như vậy là ông bà hay cha mẹ mình đã giải thoát. Sự suy nghĩ như vậy chẳng có gì chính xác cả. Tụng kinh chỉ là phương tiện đi tới với giải thoát, cho nên ta tụng kinh với chánh niệm, với tỉnh giác, tụng kinh với tâm vô ngã, thì kinh đó có tác dụng giúp ta đi tới đời sống giải thoát và có tác dụng giúp ta cầu nguyện cho ai đó, thì người đó nhân nơi cái duyên đó, mà có thể sinh khởi tâm chí hướng tới đời sống giải thoát, chứ tụng kinh không phải là giải thoát. Đây là điều mà chúng ta bị hiểu lầm rất nhiều.

Ngồi thiền không phải là giải thoát. Ngồi thiền chỉ là phương tiện giúp ta đi tới với đời sống giải thoát, giúp ta thực tập đời sống giải thoát. Cho nên, khi mà ta ngồi thiền, ta tụng kinh, ta trì chú, ta bố thí,... thì đó chỉ là phương

tiện huân tập và khơi mở chủng tử giải thoát giác ngộ trong tâm thức ta. Khi ta thực tập các phương pháp đó, phương pháp đó chế tác ra chất liệu của giải thoát trong tâm thức ta và chất liệu đó lớn mạnh ở trong đời sống của ta, thì việc tụng kinh của ta thành công, việc ăn chay của ta thành công. Cho nên, ăn chay làm cho ta có thành công hay không, là trong khi và sau khi ăn chay, ta hình thành được chủng tử từ bi vô lượng hay không, nếu không thì việc ăn chay của ta chưa thành công và nếu có, thì chính cái chủng tử từ bi vô lượng đó, mới bảo chứng thành công cho việc ăn chay của ta. Khi ăn chay như vậy, nó nuôi lớn tâm từ bi trong ta và nó giải tỏa được mọi oán kết giữa ta và chúng sinh. Cái nhìn như vậy là cái nhìn của Pháp nhãn, cái nhìn của Chánh pháp. Cho nên, trong kinh Kim Cang, đức Phật nói với ngài Tu Bồ Đề rằng:

"Tu Bồ Đề, Như Lai thuyết Pháp như phiệt dụ giả, Pháp thượng ưng xả, hà huống phi Pháp" (Này Tu Bồ Đề, Như Lai thuyết Pháp ví như chiếc thuyền đưa người sang sông, Pháp còn phải bỏ đi huống là không phải Pháp).

Như vậy, Giáo pháp của đức Phật nói ra ví như chiếc thuyền

đưa người sang sông, người sang sông khi đã qua bờ bên kia rồi, mà cứ ngồi trên thuyền, thì có qua được và lên bờ không? Hoặc lên bờ rồi, mà còn tiếc chiếc thuyền, vác thuyền trên vai mà đi, thì có thông dong tự tại được không?

Cũng vậy, Pháp mà mình thực tập có mục đích là đạt được đời sống giải thoát. Cho nên, khi đã đạt được đời sống giải thoát rồi, thì ta không nên vướng mắc vào phương tiện, ta mới có khả năng để thể nhập hoàn toàn vào Pháp giải thoát đó, nếu ta còn kẹt ở nơi Pháp ta chứng, thì ta và Pháp còn là hai. Vì còn là hai, cho nên ta còn nặng nề, còn vướng mắc và không tự tại được. Bởi vậy, nên ta nhìn mọi hiện tượng, mọi đối tượng và phải nhìn chính ta bằng đôi mắt của Chánh pháp, thì ta mới có thể khám phá ra được cái sự thực toàn diện của ta, của người và của mọi hiện tượng ở chung quanh ta. Nhìn tất cả cuộc đời với đôi mắt như vậy, gọi là nhìn đời bằng đôi mắt của Chánh pháp. Cho nên, người Phật tử học đạo nhìn đời bằng đôi mắt của Chánh pháp, thì đời sống của họ là rất cởi mở, rất phóng khoáng, rất thoải mái, không có thành kiến, không có sự cố chấp. Bởi vì sao? Bởi vì họ biết hết thấy Pháp môn chỉ là

phương tiện mà thôi.

Người giàu họ có tiền, họ đi máy bay, mình nghèo mình đi xe lửa. Đi máy bay sau một giờ thì từ Huế đến Sài Gòn, mình đi xe lửa thì sau 24 giờ mình cũng đến Sài Gòn, trước sau gì rồi mình cũng đến, vấn đề là mình có đi hay không? Hễ có đi là có định hướng và có lên đường thì dứt khoát sớm hay muộn gì cũng tới. Có đôi người không có tiền đi tàu lửa, thì đạp xe đạp, khoảng sáu tháng là tới nơi. Thường thường mình đả kích nhau cái phương tiện, đã là phương tiện thì có phương tiện nhanh, phương tiện chậm, nhưng mà ta đã lầm phương tiện là rất ráo, là cứu cánh. Cái lầm như vậy rất là nguy hại.

Cho nên, người có đôi mắt của Chánh pháp, người ấy nhìn tất cả Pháp tu, Pháp hành hay nhìn các pháp vô vi, các pháp sinh diệt rất là thanh thản, rất là sâu lắng, ai thực hành Pháp nào mình cũng thương hết, mình cũng vui vẻ, mình biết rất rõ, có Pháp môn, thì đi chậm, đi loanh quanh, có Pháp môn thì đi thẳng, Pháp môn này đi mất thời gian ít, Pháp môn kia đi mất thời gian dài. Đôi khi người ta đi nhanh lại không tới mà còn bị tai nạn nữa! Bởi vì, mình

không biết lái xe hơi mà mình ưa lái xe hơi để đi, nên có sự cố thôi. Cho nên, có đôi người ham Pháp, nói mình là tu theo Pháp tối thượng thừa, còn vị kia là tu theo Pháp nhỏ, bởi vậy mà tâm kiêu mạn nổi dậy. Pháp tối thượng thừa là Pháp môn của bậc đại căn, đại trí, nhưng căn trí của ta thì nhỏ, mà lại sử dụng căn thân, khí giới của bậc đại căn, đại trí, cho nên căn thân và khí giới của ta bị nổ toang thành từng mảnh vụn. Bởi vì, cái phát điện của mình chỉ xài đến 50W thôi, thế mà mình xài đến 70W, nên bị hỏng ngay là phải, hướng chi là xài quá. Nếu khả năng của mình là 50W, mình chỉ nên xài 40W thôi, chứ xài 50W, nó cũng mau hư, xài khoảng 50W, thì nó sáng lắm, nhưng rồi sẽ tắt sau đó, và khoảng 60W thì bật lên là nó cháy liền.

Cho nên, có người bỏ đường tu nửa chừng, bởi vì cái khả năng để tu thì ít, mà cái ước muốn của đường tu thì nhiều; cái điều kiện thì ít, mà cái tham vọng thì nhiều, cho nên có nhiều vị xuất gia cũng như tại gia bị thất bại trên bước đường tu học, vì sao? Vì những vị đó không có đôi mắt của Chánh pháp để nhìn.

Có khi chưa xuất gia, ta đọc được kinh sách, ta rất thích

đời sống xuất gia. Có nhiều vị mới vào chùa không dùng cơm chiều, họ chỉ ăn một ngày một bữa thôi, vì người xuất gia là chỉ ăn một ngày một bữa. Một người có kinh nghiệm tu học lâu năm và có đôi mắt của Chánh pháp, họ sẽ nhìn vị kia mỉm cười và nói rằng: "con cố gắng ăn đi cho có sức khỏe, con còn phải tiếp tục để thực tập, nếu không có sức khỏe thì rất khó cho sự tu tập con à!". Nhưng, vị đó cũng không nghe, cũng tiếp tục ăn một ngày một bữa thôi. Rồi thời gian đi qua vài ba tháng, hay vài ba năm, vị đó không những ăn một bữa mà ăn nhiều bữa, không những ăn ban ngày mà còn ăn cả ban đêm, không những ăn chay mà ăn luôn cá thịt. Tại sao như vậy? Tại vì, ý chí và thân thể không giữ được tâm của sự tu học ban đầu. Tâm tu học lúc đầu bao giờ cũng mạnh, mạnh có khi đến mức hăng hái, cực đoan nữa! Và cũng có những vị chỉ cần khởi tâm là đã thành tựu, cất bước là đã đến nơi. Sự thành đạt như vậy, là vì căn cơ của họ lớn, họ chỉ cần đủ duyên là họ đạt được Thánh quả vô lậu, còn ta nhiều đời chìm nổi, bây giờ chỉ mới kết duyên với sự tu học thôi, mà duyên như vậy còn quá yếu, nếu ta thực tập quá mạnh, thì sự tu tập của ta sẽ bị hỏng. Có những vị khi học Pháp, họ thực tập một cách



trợn vẹn, họ rất thích thú và họ đạt tới sự thành công ngay, vì họ không phải chỉ là một hành giả và một vị thánh giả ở trong một đời này, mà họ đã tu tập nhiều đời rồi, cho nên khi họ xuất hiện trong cuộc đời này, nghe Pháp là họ thực tập thành công ngay.

Quý vị thấy ngày xưa, năm anh em Kiều Trần Như, khi gặp đức Phật tại Vườn Nai, ngay trong buổi chuyển Pháp luân đức Phật nói rằng: “Hãy đến đây, nơi an toàn và hạnh phúc hỡi các Tỷ khuru!”. Nghe tiếng gọi của đức Thế Tôn như thế, năm vị đó đều trở thành Tỷ khuru và các oai nghi của họ đều đầy đủ như là những vị Tỷ khuru đã đắc đạo, vì sao như vậy? Bởi vì căn cơ, trình độ tu học của họ đã trải qua nhiều đời rồi.

Trái lại, mình thì còn cả mắm nêm, cả cá và ruốc, còn hôi mùi tanh thịt cá và còn cả đủ thứ trong đời, thì làm sao mình có thể sánh với sự tu tập thành đạt nhanh chóng như các Ngài. Mình không thể so sánh, vì mình giống như con cá bị ướp mắm, vớt lên rửa sạch, nhìn bên ngoài có vẻ sạch sẽ, nhưng vẫn hôi mắm như thường, vì chất mắm đã ăn sâu vào trong tế bào, vào trong máu, cho nên ta nhìn bên ngoài

không thấy nhóp chi cả, nhưng vẫn cứ hôi mùi mắm.

Nên, với con mắt Chánh pháp, ta nhìn sâu vào trong ta, thì ta thấy căn khí của ta, ta biết rằng, dù tập khí nghiệp chủng của chúng ta đối với thế gian còn rất nặng, nhưng ta phải biết rằng, nghiệp chủng ấy vốn không có tự tánh, chúng có thể chuyển hóa được bởi những nhân duyên tốt, miễn rằng cần phải có thời gian. Cái nhìn như vậy là cái nhìn của con mắt Chánh pháp. Và vị Bồ tát nhìn cuộc đời như vậy, nên ai đến với Bồ tát, thì Bồ tát cũng hoan hỷ tùy phương tiện mà cởi mở cho họ, Bồ tát không từ chối ai cả, dù là người đó rất xấu, họ đã từng chém cha giết mẹ, bất hiếu, bất mục, nhưng mà đến với Bồ tát, thì Bồ tát vẫn sử dụng phương tiện đúng với căn cơ của họ, đúng với trình độ của họ, đúng với nghiệp cảm của họ, để cho họ có nhiều cơ hội thay đổi đời sống của họ. Vị Bồ tát mà sử dụng phương tiện như vậy là nhờ có đôi mắt của Chánh pháp. Nên, Bồ tát nhìn ai không có thất vọng, còn nếu ta nhìn họ bằng nhục nhãn, thì đôi khi ta dễ thất vọng. Ta nhìn đời bằng nhục nhãn, nhìn mọi đối tượng bằng nhục nhãn, là ta chỉ thấy được một đoạn trong con đường dài thôi. Cuộc đời không phải là một

đoạn, không phải là một khúc mà là dài vô tận, ta chỉ nhìn đời một khúc, một đoạn nên làm sao mà nhìn nhận cho đúng được. Cuộc đời không phải chỉ là một vấn đề mà mình chỉ nhìn cuộc đời bằng một vấn đề thôi, thì làm sao cho đúng được. Mình thương một người nào đó, là vì bất chợt, mình gặp một điểm nào đó tương đồng với mình là mình thương, trong lúc đó mình không biết người đó còn có những điểm khác không dễ thương nữa. Nên khi mình nhìn cái dễ thương của người đó hợp với mình thì mình thương, nhưng khi cái dễ thương của người đó đi qua, và những cái không dễ thương của người đó lại xuất hiện, thì khi đó mình ghét người đó lắm à! Tại sao trước đó mình thương mà bây giờ mình ghét?. Sở dĩ như vậy, vì nhục nhãn của mình chỉ thấy được một khúc, hay một đoạn thôi. Nếu khi khúc thương hay giai đoạn thương ấy đi qua, là cái ghét lại thay thế. Nhưng, thật ra cái thương và cái ghét không phải từng khúc mà là cả một dòng, nó thay nhau diễn biến liên tục trong cuộc sống của chính mình. Cho nên, khi nhìn một đối tượng, mình phải nhìn bằng sự trôi chảy liên tục của dòng nhân duyên, nhân quả, nghiệp báo của đối tượng, thì cái thương, cái ghét ở nơi con người mình, nó mới lắng xuống

được, và nó chỉ còn lại những cái thông cảm, bao dung, tha thứ, dịu dặt và nâng đỡ.

Cái nhìn từng khúc, từng đoạn là cái nhìn nhục nhãn, cho nên thế gian này cái thương nó trở thành cái ghét không mấy hồi, cái ghét trở thành cái thương không mấy chốc; và chính cái thương, cái ghét đó đã làm cho thế gian khổ đau rất nhiều.

### **Khổ đau vì không có pháp nhãn**

Thưa đại chúng,

Chiều hôm qua tôi có đi thăm một gia đình bệnh nhân, chúng tôi thấy ngôi nhà đó sang trọng, có khu vườn xinh đẹp, trong gia đình rất đầy đủ tiện nghi, tiện nghi lắm, tiện nghi hơn nhà anh Tú chị Nga nhiều, tiện nghi hơn nhà anh Viên chị Phụng nhiều, tiện nghi hơn nhà anh Lai chị Mỹ nhiều,.. có thể nói là tiện nghi hơn tất cả ngôi nhà nào của quý vị đang ngồi ở đây. Gia đình có trí thức, giàu có, con cái có công ăn việc làm, ai cũng có sự nghiệp cả, nhưng ngôi một lát, thấy không khí gia đình không có hạnh phúc. Chị đó nói với tôi: "Thầy lâu ngày quá, bốn năm rồi con

không gặp". Và rồi tôi nói đùa với anh: "anh có biết nhà thơ TB không?". Khi nói như vậy, anh đó bảo: "Thầy ơi, nhà con không có cho con lấy hiệu là nhà thơ TB nữa-cầm". Anh vừa nói như thế, thì chị ngồi đó và liền tỏ ra gay gắt với thái độ khó chịu. Anh cười và nói: "Té ra cái gì mình kín đáo, nhưng rồi mình cũng bị khám phá. TB là tên người yêu của con khi còn trẻ, chỉ yêu thôi, chứ không có đời sống lứa đôi, nên khi làm thơ để kỷ niệm cho tình yêu đầu đời, mà lấy bút hiệu ấy, nhưng nhà con không có biết, lâu ngày mới khám phá ra được, nên cấm tuyệt, không được lấy tên tác giả là TB nữa". Lúc đó tôi thấy chị ấy rất là tội nghiệp.

Quý vị thấy, ở trên đời này, khổ đau không phải là không có nhà cửa, không có cơm ăn, không có trí thức, không có sự nghiệp mà khổ đau chỉ vì cái tên TB! Cái khổ đau do cái tên TB đem lại, nó còn bi đát hơn cả con cái thất nghiệp, hơn cả cha mẹ chết, hơn cả mất tiền của. Nhưng thật ra, cái tên TB chỉ là cái ngôn từ, chỉ là ngôn ngữ đùa cợt cho vui thôi, chẳng có ý nghĩa chi cả, nhưng nếu nó bị gắn chặt vào con người, dưới cái nhìn của nhục nhãn nó sẽ

trở thành chất liệu khổ đau triền miên trong cuộc sống con người. TB dưới cái nhìn của Thiên nhãn nó cũng khổ đau qua một dạng khác tinh tế hơn. Nhưng, TB được nhìn dưới cái nhìn của Pháp nhãn, thì TB được chuyển thành ra không gian thênh thang, vì quả thật TB vốn không có tự tánh. T và B là hai thực thể không thể tách rời nhau. T có mặt trong B và B có mặt trong T. Nên có khi B chính là T và T chính là B. Vậy, tự tính nào tính thiệt của T và B mà khiến cho ta bị mắc kẹt vào. Hễ ta bị mắc kẹt vào T hay B, thì ta đều bị khổ đau cả. Cái khổ đau bởi cái tên gọi không đâu ấy, đã làm cho từng gia đình nổi lên sóng gió, đã làm cho hành tinh này đắm chìm trong biển khổ đau.

Nên, nếu mình nhìn mà thiếu tuệ giác, thì cái gì cũng làm cho mình khổ đau cả, chứ không phải chỉ là cái tên ghép giữa người này người kia. Cho nên, dưới cái nhìn của đôi mắt Chánh pháp là mình nhìn toàn thể cái thân này không có tự tính, mà từng yếu tố tạo nên thân thể này như: sắc uẩn cũng không có tự tính, thọ uẩn cũng không có tự tính, tưởng uẩn cũng không có tự tính, hành uẩn cũng không có tự tính, thức uẩn cũng không có tự tính,... hướng chi là

danh hư của thức uẩn, danh hư của thọ uẩn, sắc uẩn,... Chính những cái đó cũng không có tự tính hướng chi danh hư của nó. Thế mà đôi khi ta bị kẹt vào cái danh từ đó mà làm cho ta khổ đau. Cho nên, quý vị thấy, có tài sản, có nhà cửa, ruộng vườn, có trí thức, có sự nghiệp trong đời, có danh vọng trong đời,... mà vẫn không có hạnh phúc là bởi vì sao? Bởi vì ta không có cái nhìn của tuệ nhãn, không có cái nhìn của Pháp nhãn, chỉ là cái nhìn của nhục nhãn, nên ta không thể nào tạo ra được hạnh phúc cho chúng ta. Chính vì vậy mà quý vị phải tu để có tuệ nhãn và pháp nhãn.

Cũng nhà đó, cũng vợ đó, cũng con đó, cũng sự nghiệp đó, cũng trí thức đó mà ta nhìn với tuệ nhãn, với pháp nhãn thì tức khắc tất cả những yếu tố đó là những phương tiện tích cực tạo ra hạnh phúc cho ta. Như vậy có hạnh phúc dễ không hay khó? Quý vị tu học một ngày khi về nhà thực tập cho sâu sắc, đem con mắt của tuệ nhãn mà nhìn mọi hiện tượng, mọi sự giao tiếp, mọi sự tiếp xúc, đem đôi mắt của Chánh pháp mà nhìn mọi hiện tượng, mọi sự giao tiếp, mọi sự tiếp xúc, tôi tin chắc rằng quý vị sống ở đâu cũng

hạnh phúc, đi đến đâu cũng an toàn, ở với ai cũng tốt đẹp, chứ đừng nói, tôi chỉ chơi với người này, còn người kia không chơi được, đó là cách nhìn và cách nói có gốc rễ từ nhục nhãn. Với cách nhìn và cách nói như vậy, thì ráng mà chịu lấy khổ đau thôi!

Dù cho một người xấu đến mấy đi nữa, thì cái xấu trong người họ cũng không có định tính. Họ xấu, bởi vì họ gặp thầy tà, bạn ác, và họ sống trong hoàn cảnh bi đát như vậy, nên họ bị như vậy. Nếu họ gặp thầy hiền, bạn tốt, hoàn cảnh tốt, thì chắc chắn cái xấu đó sẽ giảm thiểu và cái tốt sẽ bắt đầu phát sinh và lớn dần.

Quý vị mà biết như vậy, nhìn được sự kiện như vậy, nhìn đời bằng đôi mắt như vậy, tôi tin chắc rằng, quý vị là những người rất yêu đời, sống rất là đẹp, không có chi để mà than dài, không có chi để mà thở ngắn, không có chi để mà thốt ra những lời lẽ nảo nuột. Cuộc đời chẳng có chi để ta buồn hay để ta mơ mộng, cũng chẳng có chi để ta hy vọng hay thất vọng. Cuộc đời là vậy, mà ta có thấy được cái như vậy của cuộc đời để sống vui, sống đẹp, sống hùng tráng và hữu ích hay không? Núi muôn đời vẫn là cao,



nước từ chỗ cao chảy về chỗ thấp, biển ngàn đời nước mặn, mặt trời, mặt trăng thì sáng, quả đất thì làm chỗ lưu trú và nuôi dưỡng muôn loài,... chuyện đời, xưa cũng như vậy, nay cũng như vậy và ngàn sau cũng như vậy, ta có thấy được điều đó không? Nếu không thấy được như vậy, thì ta làm sao tránh được những thất vọng và khổ đau? Ta khổ đau là do ta không nhìn vạn hữu bằng đôi mắt của tuệ nhãn và Pháp nhãn, và ta không chuyển đổi tâm ta và mọi hành động cũng như cuộc sống của ta theo cách nhìn ấy. Ta hãy nhìn và sống theo cách nhìn của Pháp nhãn và tuệ nhãn là ta sẽ có được đời sống giải thoát, đời sống tự tại. Nếu không có cách nhìn và cách sống đó, thì ta làm cái gì là ta bị mắc kẹt bởi cái đó. Bị mắc kẹt là đời sống của ta chẳng khác nào loại cá cắn câu. Cá cắn câu, chúng chỉ đau khổ theo bản năng, còn con người mà bị cắn câu bởi ngũ uẩn và ngũ dục, thì không những chỉ đau khổ theo những sinh hoạt bản năng mà còn bị đau khổ bởi những sự sinh hoạt mắc mớ theo ý thức cấp cao nữa!

### **Cách nhìn thứ năm là Phật nhãn**

Cho nên, sau khi đại chúng tu học rồi, mình nhìn tất cả

mọi vấn đề phải nhìn từ nhục nhãn trước đã. Mình nhìn bằng nhục nhãn là để chấp nhận nơi gặp gỡ giữa con người với con người. Nếu mình đang sống với thế giới con người mà mình gạt qua cách nhìn ấy, mình sẽ không bao giờ gặp được con người giữa này để nói chuyện. Ta phải nhìn đối tượng bằng cặp mắt bình thường, sau đó ta hãy nhìn sâu vào đối tượng bằng cặp mắt của Thiên nhãn, rồi nhìn nhau bằng cặp mắt của Tuệ nhãn, và tiến tới nhìn nhau bằng cặp mắt của Pháp nhãn và Phật nhãn.

Với những cách nhìn như vậy, không những chỉ giúp ta khám phá ra mọi chân nghĩa và giá trị của cuộc sống, mà còn giúp ta chế tác ra những chất liệu hạnh phúc và an lạc đích thực cho chính sự thăng hoa của chúng ta.

Khi ta biết sử dụng đôi mắt nhục nhãn để nhìn, thì chính đôi mắt ấy cũng có thể tạo ra hạnh phúc cho chính ta, bởi vì ta biết chính đôi mắt ấy là phương tiện mà. Người biết sử dụng như vậy, gọi là người không bị mắc kẹt, mà trong kinh Kim Cang gọi là "Ứng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm", tức là hãy phát tâm không nên bị mắc kẹt, khi tiếp xúc với sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Do tâm ta không bị mắc kẹt,

nên ta luôn luôn khám phá ra được cái mới, từ nơi cái thấy của ta, từ nơi các đối tượng và từ nơi cái nhận định mọi vấn đề của ta.

Rồi, đến cái nhìn cuộc đời bằng Phật nhãn, nghĩa là sử dụng đôi mắt của Phật để mà nhìn cuộc đời.

Khi mà mình sử dụng đôi mắt của Phật mà nhìn cuộc đời, mình thấy rằng, tất cả chúng sanh đều có Phật tính và tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật.

Nhìn thấy tất cả chúng sanh đều có Phật tính và tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật; đó là cách nhìn bằng đôi mắt Phật. Khi có cách nhìn như vậy, nó sẽ tỏ ra cách hành xử bình đẳng đối với mọi người và mọi loài một cách tự nhiên. Bình đẳng ở đây, không phải là bình đẳng ngang bằng, sỗ thẳng như nhau, mà bình đẳng ở đây là phải thấy tất cả chúng sanh đều có Phật tính, nghĩa là trong mỗi tự thân của chúng sanh đều có Phật tính, nhưng mà Phật tính của chúng sanh đang bị nghiệp báo và phiền não của họ che lấp. Nếu Phật tính của người này bị nghiệp báo và phiền não của họ vùi sâu hơn Phật tính của người kia,

thì với cách nhìn và cách giải quyết của Phật nhãn là phải biết vận dụng phương tiện để giúp cho từng loại chúng sanh tháo gỡ những thứ phiền não, nghiệp báo đang che lấp Phật tính đó. Nếu Phật tính của một người bị che lấp cạn, thì nên sử dụng phương tiện nào để giúp họ. Và nếu một người mà Phật tính của họ bị các phiền não, nghiệp chướng che lấp rất sâu, thì phải giúp họ phương tiện như thế nào để khai quật, để giúp cho Phật tính ở nơi họ tiết lộ ra, hiển lộ ra, cách nhìn và cách sử dụng các phương tiện thiện xảo của Phật như vậy, đều là từ cách nhìn và cách sử dụng mọi phương tiện một cách bình đẳng.

Trong gia đình mình, con cái có năm đứa, nhưng mà mình đưa mắt Phật mà nhìn chúng, thì thấy đứa nào cũng có Phật tính cả, nên thấy đứa nào cũng có cái dễ thương của nó hết, mỗi đứa dễ thương mỗi kiểu, nhưng muốn nuôi dưỡng cái dễ thương của nó, thì mỗi đứa ta phải nuôi một kiểu khác nhau, chăm sóc một kiểu khác nhau. Nếu cả năm đứa đều được chăm sóc theo một kiểu, thì sự chăm sóc đó không còn là cái chăm sóc từ mắt Phật nữa. Biết được căn tính của chúng không đồng nhau, biết được

chúng tử tạo nên chúng không đồng nhau, biết được những sở thích của chúng không đồng nhau, cái phương tiện sống của mỗi đũa mỗi khác, nên ta phải biết được cái tướng dụng của từng đũa để chăm sóc; thì cái chăm sóc đó, cái thấy đó, cái sử dụng đó là những cái thấy và những cái làm của chư Phật. Có đũa mình phải sử dụng phương tiện bỏ nhà ra đi mới chăm sóc được hạnh phúc của nó. Có đũa mình phải ở nhà bên nó, thì mới chăm sóc được hạnh phúc và sự lớn khôn của nó. Chuyện cha mẹ bỏ nhà ra đi hay không bỏ nhà ra đi chỉ là phương tiện tạo nên hạnh phúc và sự trưởng thành cho con cái. Sử dụng phương tiện bỏ nhà ra đi để cho con cái có khả năng tự lập là một trong những phương tiện giáo dục độc đáo của kinh Pháp Hoa.

Cha ở một bên, nên con cái thấy cha là thường, dạy gì cũng không nghe, nhưng khi người cha biết như vậy, ông bỏ đi qua nước khác và ông cho người về bảo cha quý vị đã chết rồi, cho nên mấy đũa con có đũa say vừa vừa, khi nghe cha chết, nó buồn tủi, có đũa say sưa quá mức, nghe cha nó chết, nó chẳng biết gì cả, đũa say vừa vừa, sau khi tỉnh rồi, nó đi ra giữa xã hội thấy mọi người có cha, khi đó

nó mới có cảm giác trống trơn cô đơn, đôi khi người ta nhieéc máng đồ con không có cha, tự nhiên nó mặc cảm và khao khát được có cha. Khi mà mình khao khát rằng, mình có ông cha mà ông cha xuất hiện thì mình thế nào? Vui mừng quá sức và cha nói gì mình cũng nghe hết.

Như vậy có phải người cha luôn luôn ở bên cạnh với con mình mà thương đâu, có khi thương là phải đi xa. Cho nên vấn đề ở hay đi, xuất hiện hay ẩn tàng, từ ái hay la rầy, chúng chẳng có gì dứt khoát cả. Đem cặp mắt của Phật mà nhìn, có người la mới nên, có người khen mới nên, có người nói xẵng mới nên, có người nói ngọt mới nên, có người phải bỏ đi mới nên, có người phải ở bên cạnh mới nên. Cho nên, xẵng hay ngọt,... cũng không nhất định, đừng ngạc nhiên, vì sao mà phải nói xẵng xẵng - xẵng mà nên - thuốc đắng nhả tật. Sử dụng phương tiện một cách diệu dụng như vậy, chỉ có mắt Phật mới biết, chỉ có hạnh của Phật mới làm nổi, với mắt thường của chúng ta không thấy nổi, với hạnh của chúng ta không làm nổi, nên ta đem cái tâm tầm thường, cái tâm của phàm phu mà định lượng cái tâm của Phật, định lượng

việc làm của Phật, định lượng cái thấy, cái biết của Phật, thì làm sao mà định lượng nổi.

### **Mỉm cười với vạn hữu**

Cho nên, Phật là tượng trưng cho pháp giới tính bình đẳng. Ngài đã thấy pháp giới tính bình đẳng và từ nơi pháp giới tính bình đẳng ấy, Ngài sử dụng vô số phương tiện để mà giáo hóa vô số chúng sanh.

Khi nhìn đời bằng đôi mắt của Phật, là biết rằng, tuy chúng sanh ở nơi địa ngục, chịu trăm đấng ngàn cay, chịu trăm thứ bất như ý như vậy, nhưng mà Phật tính nơi họ cũng không bao giờ bị giảm sút. Bởi vì, Phật tính vốn là như vậy, nên khi ở trong địa ngục Phật tính cũng không giảm, khi vào Niết bàn Phật tính cũng không tăng. Chứ không phải khi đọa xuống địa ngục, thì Phật tính của mình bị teo lại, khi lên Niết bàn Phật tính của mình nở ra. Phật tính ở đâu và lúc nào cũng vậy, không có teo hay nở gì cả. Phật tính không có tăng, không có giảm, ở địa ngục không giảm, lên Niết bàn không tăng. Thấy Phật tính nơi hết thấy chúng sanh không tăng, không giảm chi cả, đó là cái thấy

của chư Phật. Phật tính nơi hết thấy chúng sanh là không tăng, không giảm, nhưng phiền não, nghiệp chướng nơi chúng sanh thì có tăng, có giảm, có cạn, có sâu, nên thời gian tu tập chuyên hóa phiền não có chậm, có nhanh.

Cho nên, đức Phật nhìn cái gì, nhìn ai Ngài cũng mỉm cười. Còn như chúng ta có mỉm cười được đâu. Ta nhìn cái gì hay nhìn ai mà ta vui, ta khoái chí là ta cười toe toét. Còn ta nhìn cái chi mà không cười được, không vui được, thì cái mặt của ta, như cái mặt của cậu cậu ếch. Đối với Phật, không có cái vui nào làm cho Ngài bị lay động, không có cái buồn nào làm cho Ngài phải ray rứt. Chuyện vui - buồn là chuyện của thế gian, chuyện của nhục nhãn, chuyện của thiên nhãn. Đối với tuệ nhãn cần có vui, có buồn, vì biết rằng ngũ dục là nguy hiểm, mà may quá mình vượt qua ngũ dục cho nên cảm thấy vui.

Pháp nhãn thì còn thấy các pháp không có tự tính, cho nên còn có trạch pháp, còn có những phần vui buồn vi tế. Vì vậy, còn có đối tượng để bước tới và còn có cái để đoạn và chướng.

Phật nhãn thì không còn có cái gì để hướng tới, không còn



cái gì để đoạn trừ, không còn cái gì để chấp nhận và không còn cái gì để từ chối. Ngay đó mà thấy rõ và thể nhập pháp thân. Ngay đó là đi, ngay đó là về, chứ không có đi hay về ở đâu nữa. Cho nên, dưới cái nhìn của bậc giác ngộ, mọi sự đều viên mãn, đều trọn vẹn, không có tỳ vết, cái nhìn không còn sứt mẻ.

Từ cái nhìn đó mà chất liệu thanh thoát, yên lặng và trọn vẹn của Phật tỏa ra một cách tự nhiên. Cho nên, đức Phật đã hiển tạng cho thế gian nụ cười đẹp nhất là nụ cười mỉm. Hiển tạng cho thế gian những bước đi đẹp nhất là bước đi thanh thoát, và đã hiển tạng cho cuộc đời cái nhìn đẹp nhất là cái nhìn bao dung, thương yêu và sâu lắng. Còn mình vui thì mình cười toạc ra, buồn thì nhăn mặt lại. Chính vì vậy mà mình chạy theo với khổ đau. Khổ với cái vui và vui với cái khổ, khổ vui trong cái thường tình như vậy. Cho nên, nụ cười viên mãn nhất, trọn vẹn nhất, cứu cánh nhất, toàn hảo nhất đó là nụ cười mỉm; nụ cười mỉm có gốc rễ từ nơi một cái tâm an tịnh hoàn toàn, từ nơi tâm của một vị tự chủ, một bậc giác ngộ hoàn toàn.

## **Báu vật đầy nhà tha hồ sử dụng**

Như vậy, đại chúng thấy, khi mà mình khéo sử dụng phương tiện của đôi mắt để mà tu tập, để mà đối diện với cuộc đời, để mà chuyển hóa, thì những gì đã đi qua trong đời sống của mình, hay những gì mình đang tiếp xúc và sẽ tiếp xúc bằng ý thức chánh niệm tỉnh giác, thì mình có thể thăng tiến được cái nhìn của mình, từ nhục nhãn cho đến Phật nhãn.

Khi mình biết sử dụng nhục nhãn để tu tập, thì nhục nhãn cũng là điều kiện để tạo ra phước đức cho ta.

Nhục nhãn mà còn là điều kiện để tạo ra phước đức cho mình hướng chi là thiên nhãn, hướng chi là tuệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn.

Cho nên, chúng ta hãy cố gắng thực tập chánh niệm trong đôi mắt bình thường của chúng ta, khi nhìn các sự vật, thì chắc chắn rằng, chúng ta sẽ có rất nhiều hạnh phúc và an lạc và chúng ta sẽ khám phá ra những điều kỳ diệu ngay nơi bản thân của mọi sự hiện hữu.

Lỗ tai của chúng ta cũng vậy, cũng là một phương tiện đặc biệt, nếu chúng ta khéo sử dụng, chúng cũng sẽ giúp ta tạo ra vô lượng phước đức.

Lỗ tai của mình là lỗ tai của kẻ phàm tục, gọi là nhục nhĩ, nhưng cũng có thể là lỗ tai của chư thiên, gọi là thiên nhĩ. Mình nghe một cách phàm tục là mình vừa nghe lỗ tai, nó lại liền ra ở lỗ miệng, nghe mà không gạn lọc gì hết, nghe rồi sao nguyên y văn bản chính, nghe như vậy gọi là nghe theo kiểu nhục nhĩ. Như vậy, ngoài ngũ nhãn, ta còn có ngũ nhĩ: nhục nhĩ, thiên nhĩ, Pháp nhĩ, tuệ nhĩ, Phật nhĩ.

Như vậy, chúng ta không những có ngũ nhãn mà còn có ngũ nhĩ. Khi đã có ngũ nhĩ rồi, thì nhất định phải có ngũ tỷ: nhục tỷ, thiên tỷ, tuệ tỷ, Pháp tỷ, Phật tỷ.

Trong kinh đức Phật dạy, có một thế giới gọi là thế giới Hương Tích, chúng sanh ở nơi thế giới đó, họ học đạo là nhờ ngửi mùi thơm mà họ nhận ra được đạo lý và đi tới với Chánh pháp, đi tới với đời sống giác ngộ. Cho nên, có những thế giới tác dụng của chúng sanh thiên về đôi mắt, có những thế giới tác dụng của chúng sanh thiên về đôi tai

hoặc thiên về lỗ mũi hoặc thiên về tâm ý.

Cho nên, chúng ta khéo sử dụng lỗ mũi của chúng ta trong sự tu tập thì chúng cũng có khả năng tạo ra vô lượng phước đức, vô số chất liệu hạnh phúc và an toàn trong đời sống cho chúng ta. Chúng ta không phải chỉ có ngũ tử mà chúng ta còn có ngũ thiệt: nhục thiệt, thiên thiệt, tuệ thiệt, Pháp thiệt và Phật thiệt.

Như vậy, chúng ta ưa hạnh phúc và an lạc cỡ nào trong ngũ thiệt, thì chúng ta có thể sử dụng miệng lưỡi cỡ đó, để tạo ra phước đức cũng như sự an lạc và hạnh phúc cỡ đó cho chúng ta.

Chúng ta cũng có ngũ thân: nhục thân, thiên thân, tuệ thân, Pháp thân và Phật thân.

Dùng thân nào để đi đến cõi nào là tùy chúng ta. Chúng ta ưa sử dụng nhục thân để đi đến cõi sinh tử, thì chúng ta cứ sử dụng để đi. Cho nên, chúng ta có thân này rồi, nếu chúng ta tu tập có chánh niệm tỉnh giác, thì chúng ta muốn sử dụng thân nào trong năm thân để tạo ra phước đức, hạnh phúc và an lạc là quyền của chúng ta. Và ý cũng vậy,

chúng ta cũng có ngũ ý.

Phàm ý là ý của kẻ phàm tục, trong tâm ý của kẻ phàm tục nó đầy đầy tham, sân, si, ích kỷ, ghen tuông. Nếu chúng ta sử dụng tâm ý này mà đi đến với nhau, thì cuộc sống của chúng ta trở nên phàm tục, và ta là phàm tục.

Thiên ý là tâm ý của chư Thiên, là tâm ý ưa chuộng điều thiện và không ưa điều ác. Chính tâm ý ấy tạo ra thiên đàng hạnh phúc. Trong gia đình cha con, mẹ con đi đến với nhau bằng Thiên ý, thì mình có thể tạo ra thiên đàng ngay trong gia đình mình, chứ đâu có phải đợi đến sau khi chết mới lên thiên đàng. Thiên đàng hạnh phúc phải được tạo ra ngay ở trong mỗi giây phút và mỗi không gian mà chúng ta đang sống.

Vậy, Thiên ý là gì? Đó là tâm ý hướng về điều thiện, tâm ý đến với nhau bằng điều thiện và yêu mến điều thiện một cách tự nhiên. Nếu chúng ta biết sử dụng tâm ý đó, để tu tập, để ứng xử với nhau, thì thiên đàng đối với chúng ta không còn là một ước muốn mà là một hiện thực.

Tuệ ý là tâm ý của trí tuệ, tức là tâm ý thấy rõ thế gian là

vô thường, ngũ dục của thế gian là nguy hiểm, cho nên không tham, không mong cầu đối với chúng, cần phải tránh xa chúng. Ta không tranh giành cái lợi trong ngũ dục của thế gian, nên ta không bị trở thành con thiêu thân ở trong thế gian này. Pháp ý là tâm ý của Chánh pháp. Tâm ý ấy có nội dung của tuệ giác, không những chỉ thấy rõ tính chất vô tính của năm uẩn, mà còn thấy rõ tính chất vô tính nơi mỗi uẩn, khiến cho tâm ý vượt ra khỏi sự mắc kẹt đối với những vọng tưởng sai lầm về một bản ngã cố hữu nơi tự thân và một tự tính cố hữu nơi vạn hữu.

Đã có Pháp ý là phải có Phật ý, tức là mình sử dụng hạt giống toàn giác ở nơi tâm thức mình mà thiết lập, bảo toàn tịnh độ, và bảo toàn nhân dân ở nơi cõi tịnh độ trong ý hướng của Bồ đề tâm. Cho nên, Bồ đề tâm tức là tâm ý của Phật. Từ nơi tâm ý này, mà chư Phật thành tựu báo thân và biểu hiện vô số ứng hóa thân để hóa độ vô số, vô biên chúng sanh. Và cũng từ nơi tâm ý này, mà chư Phật đã thiết lập vô số cảnh giới tịnh độ, làm quê hương giác ngộ cho hết thảy chúng sanh.

Thưa đại chúng, có mắt là ta có phương tiện để tu tập.

Giữa thế gian này ai cũng có mất cả, nên ai cũng có thể tu tập được cả. Cho nên, đừng bao giờ nói rằng, chỉ có chị đó mới tu được, còn mình không tu được; hay nói rằng, chỉ có mình tu được, còn người khác không thể tu được. Nói như vậy là nói ầu, nói như vậy là nói không đúng với chân nghĩa. Nói như vậy, kinh Pháp Hoa cho rằng, là nói theo tâm trạng mặc cảm tự ti của kẻ bần cùng, khốn khổ, hay nói theo tâm trạng mặc cảm tự tôn của kẻ đầy kiêu ngạo.

Có mũi, có hơi thở, có không khí là ta có thể tu tập được rồi, đợi chi phải có nhà to, đợi chi phải có chùa lớn, đợi chi phải có tiền bạc nhiều! Ta hiện hữu giữa đời này với sự đầy đủ của thân thể và tâm hồn là một sự hiện hữu hết sức mâu nhiệm rồi, ta không cần phải đi tìm kiếm sự mâu nhiệm nào nữa cả. Thở đã là mâu nhiệm, huống gì thở có chánh niệm và tuệ giác. Thở đã là mâu nhiệm, huống gì thở với cả một tâm hồn rộng lớn, thương yêu và chân thật.

Cho nên, ta có hơi thở là ta có thể tu tập được rồi. Ta có thể sử dụng hơi thở để an tịnh thân thể và tâm ý. Ta có mất là ta có điều kiện để tu tập được rồi. Ta hãy đem mắt thương mà nhìn cuộc đời, như Bồ tát Quán Thế Âm đã

nhìn vậy. Và ta hãy đem mắt tuệ mà thấy tự tánh không sinh diệt nơi tánh thấy của ta và nơi vạn hữu, như Bồ tát Quán Thế Âm đã từng thấy.

Có tai là ta có thể tu tập được rồi. Ta hãy dùng lỗ tai của ta để lắng nghe bao nhiêu âm thanh bất hạnh của chúng sanh giữa cuộc đời, nhằm làm vui đi bao nỗi khổ đau của họ. Và ta hãy sử dụng lỗ tai vốn có của ta để lắng nghe lại tính nghe vốn không sinh diệt ở nơi chính chúng ta. Ngài Quán Thế Âm, tu lỗ tai thôi mà Ngài đã thành tựu không những nhĩ căn viên thông mà còn viên thông luôn cả sáu căn nữa. Nên, mình lạ Ngài mấy cũng không thấy vừa, mình niệm danh hiệu của Ngài mấy cũng không thấy chán. Bao nhiêu hình tượng của Ngài ta tạc ra, bao nhiêu lễ đài, bao nhiêu chùa tháp tôn thờ, bao nhiêu hình ảnh biểu hiện về hạnh từ bi cứu khổ của Ngài mà loài người chúng ta đã biểu hiện một cách cung kính. Chùa Hương cũng là hóa thân của ngài Quán Thế Âm. Công chúa Diệu Thiện cũng là hóa thân của Quán Thế Âm do tu tập thành tựu nhĩ căn mà ứng hiện. Cho nên, ta có lỗ tai là ta có một phương tiện rất màu nhiệm để tu tập.



Vậy, trong chúng ta có ai không có lỗi tai không? Không những một lỗi mà còn có cả hai lỗi nữa. Như vậy, ta giàu to. Tất cả chúng ta đều là giàu. Chúng ta toàn là tử phú hết, thế mà cứ cho rằng mình là nghèo.

Có miệng, có thân, có ý là có điều kiện để tu tập, là ta đã có điều kiện để thực hiện điều thiện, không phải đợi lớn tuổi hay nhỏ tuổi, không đợi phải có cơm ăn áo mặc, không đợi phải có nhà ở sang trọng, hay đợi có bất cứ cái gì nữa! Có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, là ta đã có khả năng thực hiện điều thiện, để thăng hoa bản thân và làm đẹp cuộc đời.

## NIỀM TIN VÀ TRÍ TUỆ

*Pháp thoại Thầy Thích Thái Hòa giảng trong khoá tu  
ngày 7/2 Giáp Thân (26/02/2004) cho các Phật tử  
tại thiền đường Trăng Rằm, Tổ đình Từ Hiếu, Huế.*

### **Chỉ cần Thầy tu thôi**

Quý vị biết không, gần đây có nhiều người đến khuyên tôi thế này: “Thầy ơi, lúc này Thầy cứ tu đi thì mọi việc sẽ tốt đẹp, Thầy đừng làm chi hết, bởi vì Thầy có làm chi thì sẽ đụng tới người ta, chỉ cần Thầy tu thôi là yên hết”.

Tôi cười và nói: “Xin cảm ơn quý vị - đó là một lời khuyên và lời khuyên ấy đã được nói một cách thật lòng, nhưng chưa đúng hoàn toàn”.

Giả như quý vị là tôi thì quý vị sẽ nghĩ như thế nào về lời khuyên đó? Và phải trả lời người đó như thế nào?

Trước hết, mình cũng xin ghi nhận cái tâm của họ rất là tốt. Nhưng, chúng ta phải ghi nhận và phải thực hiện như thế nào?

Chúng ta đưa đôi mắt thiền quán để nhìn vào cuộc đời của đức Phật, trước và sau khi Ngài thành đạo, để chúng ta có thể thấy được giá trị của lời khuyên ấy. Là Phật tử, tất cả chúng ta đều biết rằng, trước khi đức Phật thành đạo, Ngài có làm gì đâu, Ngài chỉ ngồi yên lặng trên núi Tuyết, thế mà thiên ma vẫn hoạt động rất dữ dội, họ tìm mọi cách để quấy phá sự thành đạo của đức Phật. Ngài đã ngồi yên lặng thiền định không phải giữa phố thị mà Ngài ngồi trên núi. Rồi sau khi thành đạo, Ngài cũng chưa định đi chuyển Pháp luân thì thiên ma yêu cầu Ngài nhập Niết bàn.

Đức Phật nói rằng: Trước sau gì Như Lai cũng nhập Niết bàn thôi, nhưng mà để Như Lai giáo hóa cho có chúng Tỳ kheo đã!

Sau khi có chúng Tỳ kheo, thiên ma khuyên Phật nhập Niết bàn, Ngài nói đợi có chúng Tỳ kheo Ni đã. Khi đã có chúng Tỳ kheo Ni, thiên ma yêu cầu Ngài nhập Niết bàn,

Ngài lại nói “trước sau gì rồi ta cũng nhập Niết bàn thôi, để ta giáo hóa cho có chúng Ưu-bà-tắc đã”. Sau khi thấy có chúng Ưu-bà-tắc, thiên ma lại thúc: “xin Ngài nhập Niết bàn!”. Lúc này đức Phật trả lời: để có chúng Ưu-bà-di đã.

Sau khi đức Phật giáo hóa và thành lập được chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di xong, thiên ma lại đến yêu cầu Ngài nhập Niết bàn như đã hứa, vì bây giờ đã có người gánh vác Phật pháp. Quý vị thử đoán xem, đức Phật đã trả lời thế nào với thiên ma? Ngài nói: “chưa gấp, hãy thấy đúng thời là Như Lai nhập Niết bàn thôi”!

Trong suốt 45 năm hoàng hóa, thiên ma luôn luôn đi theo đức Phật và họ tìm mọi cách để khiến đức Phật sớm nhập Niết bàn. Khi Ngài đến xứ Câu-Thi-Na, đức Phật nói với Tôn giả A-nan là Ngài dự định ba tháng nữa sẽ nhập Niết bàn. Bây giờ thiên ma ba tuần đã che khuất sự hiểu biết của ngài A-nan, cho nên ngài A-nan đã không hiểu được ý của Phật, để thỉnh Ngài tiếp tục ở lại giữa cuộc đời. Đức Phật đã ba lần thể hiện ý định nhập Niết bàn của mình, nhưng vì bị ma ba tuần che khuất, nên ngài A-nan không hiểu hết ý của Ngài, và đã không nhận ra được, nên đã không có sự thỉnh

cầu Ngài tiếp tục trụ thế, và cuối cùng đức Thế Tôn tuyên bố buông bỏ thọ mạng. Đến lúc đó ngài A-nan mới nhận ra và vội vã đến thỉnh Phật tiếp tục trụ thế, nhưng đức Phật dạy: “Như Lai đã nói là làm, Như Lai đã tuyên bố buông bỏ thọ mạng. Bây giờ đã có đủ bốn chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, có Giới luật rồi, có Pháp của Như Lai rồi, đã đến lúc Như Lai nhập Niết bàn”.

Quý vị thấy, đức Phật trước khi thành đạo, Ngài không tranh giành chi với ai cả, Ngài chẳng giành uy tín chi của ai hết, Ngài chỉ ngồi im lặng thiên định thôi, thế mà thiên ma đâu có buông bỏ việc quấy phá sự thành đạo và giáo hóa của Ngài. Ngài chỉ ngồi trên núi thôi, chứ có đi giữa đồng bằng, phố thị treo bảng này bảng nọ để quảng cáo gì đâu.

Sau khi thành đạo, Ngài đi giáo hóa đem lại lợi ích cho con người và cho xã hội. Ngài đâu có giành cơm của ai để ăn, giành áo của ai để mặc, giành tiền của ai để xây lầu đài tráng lệ cho riêng mình! Vậy mà, thiên ma vẫn luôn đeo đẳng để yêu cầu Ngài nhập Niết bàn.

Như vậy, quý vị thấy chuyện “mình cứ tu đi thì mọi

chuyện nó yên hết, mình chỉ cần tu thôi thì không ai đụng tới mình cả”, câu nói đó quý vị nghiệm lại thấy có đúng không? “Thầy cứ tu đi, Phật tử cứ tu đi thì không ai đụng tới Thầy, không ai đụng tới Phật tử đâu”.

Đúng là đức Phật chỉ tu thôi, Ngài có đụng tới ai đâu. Giờ đây, mình là đệ tử Phật, mình cũng chỉ tu và làm công việc của nhà tu thôi, chứ mình có làm gì khác đâu!

### **Tu là đụng chạm**

Mình không tu có thể mình sẽ đụng chạm tới thiên hạ, đó là điều dễ hiểu. Nhưng mình có tu, quý vị cũng đừng nghĩ là chúng ta không đụng chạm gì đến ai.

Mình tin Phật thì sẽ đụng chạm đến người tin ma. Mà giữa đời này ma nhiều hơn Phật chứ, cho nên chỉ tin Phật thôi là đã đụng chạm nhiều lắm rồi!

Mình tin Pháp thì sẽ đụng chạm đến các tà thuyết bất chính. Vì thế, mình nói đúng Chánh pháp và hết sức tuyên dương Chánh pháp là đã đụng chạm đến các tà thuyết, tà pháp của thế gian.

Mình tin Tăng thì đừng chạm tới ai? Tới các tà sư ác hữu. Thật sự mình chỉ biết đi chùa, biết tụng kinh, ngồi thiền và niệm Phật thôi, mình đâu có thì giờ để đi nói xấu các tà sư ác hữu, thế mà vẫn đừng chạm tới họ.

Mình tin Giới là đừng tới những sinh hoạt phi đạo đức, phi luân thường đạo lý của xã hội! Mình chỉ tin Giới thôi, thì những người buôn lậu, những người tham nhũng,... họ ghét dữ lắm. Mà sự thật, mình đâu có giành chi của họ, mình cũng chẳng tham nhũng, chẳng hối lộ chi ai. Chính cái phi lương tâm, phi đạo đức của hành động họ, làm cho họ cảm thấy không thích mình, nên cứ như thế mà đừng!

Cho nên, việc mình thực hiện niềm tin đối với Tam Bảo thôi là mình đã đừng tới tất cả những người không có niềm tin đối với Tam Bảo rồi.

Người đời thích giết hại sinh vật để ăn, tranh giành nhau để sống, tàn hại người khác để mưu sinh cho riêng mình. Còn những ai đã tin Phật rồi thì lại không thích tàn hại bất cứ ai, hay giẫm đạp lên bất cứ loài vật nào để tồn sinh. Họ bảo giết người, giết vật, mình không giết thế là mình đừng

họ rồi. Thế thì ai đụng ai? Mình có thích đụng đâu mà! Mình chỉ thích giữ Giới, thích không tàn hại chúng sinh thôi, vậy mà vẫn đụng!

Mình ưa tôn trọng công bằng lẽ phải. Cái gì làm được thì mình hưởng, người khác làm được thì người khác hưởng. Nhân ngang đâu thì quả ngang đó. Bởi mình ưa như vậy nên mình giữ giới thứ hai là giới không trộm cắp. Nhưng giờ đây, giữa thiên hạ, người ta ưa làm ít mà hưởng nhiều, nghĩ cách để chạy mách chạy mung... Thế là đụng nhau thôi à!

Người đệ tử Phật ưa sống tiết hạnh thanh bạch. Vậy những người mua dâm, bán dâm, những người làm phim ảnh đồi trụy không lôi kéo được sự đồng tình của người đệ tử Phật. Chỉ đơn giản vậy thôi thì những người kinh doanh về mặt này trong xã hội đã ghét mình lắm rồi.

Người đệ tử Phật chỉ thích nói lời chân thật, nói đúng lẽ phải. Nhưng hễ nói lời ngay thẳng thì sẽ đụng kẻ xảo quyệt điêu ngoa, hễ nói thật thì sẽ đụng đến người nói láo. Mà giữa đời này có những kẻ làm chuyên gia nói láo, nói láo có truyền thống, nói láo có súng đạn, nói láo có băng



đảng, nói láo có tổ chức từ trên xuống dưới... Là người con Phật ai lại đi nói láo phải không quý vị, chỉ cần mình nói thật thôi, là đã đụng đến người ta rồi, thực ra mình đâu có nói xấu chi họ.

Người ta uống bia uống rượu, mình không uống rượu bia, vậy là họ ghét. Có người ăn chay trường, đi ăn tiệc cưới ngồi chung bàn với bạn bè, chắc chắn người ta sẽ xâm xì: tu làm gì không biết nữa, tu để mau thành Phật à? Mình đâu có giành bia giành thịt của họ mà ăn đâu chứ, thế mà vẫn đụng!

Cho nên quý vị thấy, mình tu thật là đụng tới tâm ý của người phàm, đụng tới tất cả chúng sinh phàm tục, đụng hết. Bởi vậy mà thiên ma ba tuần đã tìm mọi cách làm cho Phật đừng thành Phật chứ! Đến khi thành Phật rồi, thiên ma lại muốn Ngài nhập Niết bàn để cho họ được tự tung tự tác giữa cuộc đời, ưa làm gì thì làm, ưa phỉnh gạt ai thì phỉnh gạt. Đó là ý đồ của thiên ma mà!

Bởi vậy, tu là đụng tới cái tham của chúng sinh. Mình muốn đẩy họ đi lên, lên cao đến vô cùng, thế nhưng chúng sinh đâu

có chịu, họ cứ ưa níu kéo nhau đi xuống chỗ thấp kém thôi!

Quý vị biết, ngay cả sư ông Nhất Hạnh, đi đâu cũng chỉ muốn giáo hóa cho người ta tu học, và trong biến cố tại Mỹ ngày 11 tháng 9 cách đây hai năm, khi xuất hiện tại Mỹ, sư ông đã khuyên họ hãy yêu thương nhau và đừng tạo ra hận thù. Vậy mà đã có một số người tìm cách để làm khó sư ông. Sư ông chỉ khuyên họ những lời từ ái để thương thôi mà họ đâu có chịu nghe, không những không chịu nghe mà còn chống báng nữa!

Cho nên, sống giữa đời, người biết nói lời từ ái với nhau đã khó huống gì người biết lắng nghe lời từ ái để sống!

Không tu thì đụng theo kiểu phạm tục, không tu thì đem cái phạm đụng tới cái phạm, đem cái chúng sinh đụng với cái chúng sinh. Có tu thì cái thánh thiện của người tu sẽ đụng đến cái chất phạm trong chúng sinh. Mình phải biết được điều đó để có sự kham nhẫn trong quá trình tu học. Đừng có nghĩ rằng mình tu rồi thì ai cũng thương, ai cũng kính và ai cũng tạo thuận lợi. Không có đâu! Đừng có ảo tưởng! Càng tu càng bị nhiều người chống đối, vì giữa này

phàm nhiều hơn thánh mà. Đức Phật đã dạy: “Pháp của ta không phải để cho chúng sinh công nhận, mà để cho người trí trong đời công nhận thôi. Giáo pháp ấy được người trí thực tập, người trí tuyên dương”. Thực vậy, nếu chúng sinh có công nhận, có tuyên dương, có ca ngợi thì cũng theo kiểu phàm tục của họ, chứ chẳng có giá trị gì.

Thấy được điều đó, quý vị mới có cơ hội sống và đi trọn vẹn với niềm tin của mình, trọn vẹn với con đường tu tập của mình. Tu tập không phải là phong trào, là ủng hộ, là lấy phiếu, nên quý vị đừng buồn và đừng có cảm giác cô đơn khi thấy rằng người ta đi chùa thì ít mà tới các quán cà phê hay các hý trường lại nhiều.

Lại có người đã thâm thía nhân tình thế thái này lắm, nên họ đã than:

“Đường đời chật hẹp lắm người đi

Cửa đạo thênh thang hiếm kẻ tìm”.

Cũng phải thôi, bởi người đời vốn quen sống theo mùi tục lụy, cho nên hễ rú ai đi uống bia uống rượu, ăn thịt ăn cá,

đánh bạc tẩm hơi, đua tranh danh lợi,... thì dễ kiếm tiền và có nhiều người theo lắm. Còn rửa người ta đi thiền, lạy Phật, ăn chay thì mười người hết chín người lúc lác rồi. Nên, không phải điều gì được nhiều người phàn tục công nhận đều có giá trị cả đâu. Do đó, chúng ta phải có cái nhìn sâu sắc, có tuệ giác lớn và niềm tin kiên định, để nhận diện sự có mặt của mình trong cuộc đời và để chúng ta tránh khỏi những cảm giác cô đơn, lạc loài giữa xã hội.

Đức Phật dạy tu tập là phải biết kham nhẫn. Trong cõi Ta bà này chúng sinh thì kham nhẫn và chịu đựng với sự khổ đau, Bồ tát thì kham nhẫn sự khổ đau của chúng sinh để tuyên dương Chánh pháp; chúng sinh phải kham nhẫn theo nghiệp báo của mình để mà thọ khổ, còn Bồ tát và Phật kham nhẫn với cái nghiệp của chúng sinh để tuyên dương Chánh pháp đem lại niềm tin và trí tuệ cho họ.

## **Niềm tin và trí tuệ**

Niềm tin phát sinh có bốn trường hợp:

## 1. Niềm tin phát khởi do hiện kiến

Hiện kiến là gì? Đức Phật dạy cuộc đời là khổ. Vậy nó khổ như thế nào? Nó khổ mặt nào?

Ngài nói: Già là khổ. Vì sao già lại khổ? Trí năng kém cỏi, thân thể mất chủ quyền, chân tay run rẩy, nói năng điều được điều mất, mất mờ, tai điếc,... Già như vậy có khổ không?

Ngài nói: Bệnh là khổ. Bệnh có khổ không quý vị?

Ngài nói: Bị sống là khổ. Mình sống mà không có chủ quyền chi cả, luôn luôn bị thụ động, ngay cả thụ động chết. Mình sinh ra đây mà chẳng biết vì sao mình lại sinh ra nữa. Khi không nằm trong bụng mẹ và rồi chín tháng mười ngày chui ra, rồi khóc oe oe. Ví dụ bây giờ lớn thế này mà bảo mình chui vào trong bụng mẹ, mình có chịu không? Chắc chắn là mình không chịu, mặc dù mình rất thương mẹ.

Ngài nói: Chết là khổ. Mình ưa sống, nhưng lại bị chết và cái chết đến không biết khi nào, cho nên bị chết là khổ.

Giữa đời này có mấy ai được sinh và có mấy ai được chết. Toàn là sống và chết một cách thụ động, không biết khi nào bị sinh ra và không biết lúc nào bị chết đi. Cuộc sống vì thế luôn ở trong trạng thái lo âu và sợ hãi.

Cho nên mình tin vào lời Phật dạy rằng chúng sinh bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết là đúng. Đức tin này do cái thấy thực tế đem lại.

## **2. Niềm tin có từ sự suy nghiệm**

Có nhiều người nói rất khoa học: “cái gì tôi thấy tôi mới tin, không thấy thì không tin”. Câu nói đó đúng, nhưng chỉ trong giới hạn một chừng mực nào đó mà thôi. Có bệnh nhân nào thấy vi trùng lao không? Ngay cả bác sĩ chữa bệnh có thấy vi trùng lao không? Thực sự chỉ có những nhà nghiên cứu về vi trùng lao mới thấy và biết rõ về vi trùng lao. Bác sĩ có thể chữa lành bệnh lao là do có kinh nghiệm về bệnh ấy, nên bác sĩ nói thì bệnh nhân sẽ tin. Niềm tin này là do sự suy nghiệm mà phát sinh.

Có vị hỏi: “có thể giới Tịnh Độ của đức Phật A Di Đà không?”. Lời Phật dạy: có cái này thì có cái kia, có thể

giới này thì có thể giới kia. Cho nên, có thể giới Ta bà thì có thể giới Tịnh độ, có Phật Thích Ca Mâu Ni thì có Phật A Di Đà, có Phật ở cõi này thì có Phật ở cõi kia, có Nam bán cầu thì có Bắc bán cầu, có Đông thì có Tây, có trên thì có dưới, rõ ràng như vậy thôi, có gì là khó hiểu!

Thực ra, không phải chỉ có thể giới Tịnh độ của đức Phật A Di Đà, mà còn có vô số thể giới Tịnh độ ở phương Tây. Cảnh giới Tịnh độ của đức Phật A Di Đà chỉ là một trong vô số cảnh giới Tịnh độ ở phương Tây mà thôi. Các phương khác cũng vậy. Ngay ở thế giới Ta bà này cũng có vô số thể giới Tịnh độ chứ đâu phải chỉ toàn là khổ đau thôi đâu. Riêng thành phố Huế thôi cũng có vô số thể giới Tịnh độ.

Mỗi người là một cảnh giới Tịnh độ. Có những gia đình nghèo khổ, tan tác, toàn mặc áo rách áo vá, nhưng cũng có những gia đình sống rất hạnh phúc. Có những người đụng đầu khổ đó, đụng đầu bất mãn đó, nhưng cũng có những người rất là an lạc thanh thoi.

Chính vì vậy, niềm tin phải được soi rọi bằng trí tuệ, thì

niềm tin đó mới không bị lung lay. Niềm tin phát sinh bằng sự suy nghiệm, tức là từ sự biết học hỏi và từ sự biết lắng nghe. Biết lắng nghe rồi lại phải biết chiêm nghiệm và sau khi chiêm nghiệm rồi lại phải biết áp dụng vào trong đời sống.

### **3. Niềm tin phát sinh từ sự thực nghiệm**

Nghe, chiêm nghiệm, rồi đem áp dụng vào đời sống của mình. Nhờ sự thực tập trong đời sống mỗi ngày mà niềm tin được lớn mạnh và bản thân mình cũng lớn mạnh theo với niềm tin đó. Ví dụ, người bị bệnh biết bệnh, chẩn đoán đúng bệnh, sắc thuốc uống rồi thì bệnh lành.

Chúng ta phải tu tập hàng ngày để niềm tin của chúng ta ngày mỗi lớn mạnh, trí tuệ ngày mỗi sắc bén và sâu thẳm hơn. Nếu niềm tin không lớn lên từ sự thực tập thì trí tuệ làm sao có. Chúng ta cần có trí tuệ chứ không phải là trí thức quý vị ạ. Trí thức khác trí tuệ một trời một vực. Có trí thức mà không có trí tuệ vẫn khổ đau, và vẫn chưa vượt ra khỏi cái tầm thường của thế tục, dù có cả chục bằng tiến sĩ đi nữa.



Vì vậy, tu tập là để nuôi dưỡng đức tin, để từ đức tin đó, trí tuệ được phát sinh. Vừa rồi quý vị xem tivi có biết trường hợp một ông giáo sư tiến sĩ lại làm tình với một em bé 13 tuổi 4 tháng? Học hành cho đến học vị tiến sĩ. Được xã hội công nhận là trí thức, nhưng có vượt ra khỏi cái dục vọng tầm thường phi luân lý như vậy đâu! Cho nên, trí thức chưa là cái gì cả, trí thức không đủ khả năng chế ngự được dục vọng, mà chỉ có trí tuệ mới có khả năng làm thay đổi cái thấp kém và nâng cái thấp kém đó đi lên.

Người Phật tử không ham cầu trí thức, người Phật tử nếu có mơ ước thì mơ ước có được trí tuệ. Trí tuệ đó có gốc rễ từ niềm tin, phát sinh do sự thực tập Giới và Định. Niềm tin phát xuất từ sự thực nghiệm và trí tuệ, mới là niềm tin đích thực, bởi vì niềm tin đó có khả năng chế ngự dục vọng và thăng hoa cuộc sống.

Một người nữ có thể không học trường lớp nào cả, nhưng họ có niềm tin sâu sắc đối với Phật Pháp Tăng, họ sống cuộc đời rất đẹp, đẹp lắm, và những hành xử của họ rất dễ thương mà một đôi khi người có hai, ba bằng tiến sĩ cũng

không thể so sánh được. Có vị Phật tử sống trong gia đình với người giúp việc, khi dọn cơm lên đưa bé giúp việc bung chén kiêu bị té, và vị đó đã không la đứa bé đó, vị đó chỉ hỏi “con có can gì không? Chén bể không quan trọng, con không can chi là tốt rồi”.

Để có được hành xử như vậy phải là người có trí tuệ, trí tuệ có được từ niềm tin Tam bảo. Trong trường hợp đó, những người có trí thức mấy đi nữa nhưng nếu không có được niềm tin thì sẽ hành xử cách khác, có thể người đó sẽ bước tới tát tai em bé và mắng: “đồ vô ý vô tứ, cái chén người ta quý như thế đó mà để cho bể”. Thực sự cái chén đâu quý bằng con người. Con người đang bị té, đang đau nằm đó không hỏi, lại đi hỏi cái chén đã bể chưa! Hỏi như vậy thuộc về những người tranh danh đoạt lợi tầm thường giữa đời, chứ không thuộc về người có niềm tin. Một người có đức tin trong sáng và từ đức tin trong sáng đó trí tuệ phát sinh, người đó có đời sống rất đẹp, đẹp vô cùng. Người có niềm tin và trí tuệ phát sinh từ sự thực nghiệm, là người biết áp dụng lời Phật, lời Tổ và lời các bậc Thánh hiền vào trong đời sống

hàng ngày của mình. Nhìn vào dáng đi, cách ngồi, cách nói cười, mình có thể biết được người đó có niềm tin và trí tuệ hay không, mà không cần phải hỏi người đó học trường lớp nào, học ngang đâu.

#### **4. Niềm tin phát sinh từ lời nói của các bậc Thánh trí**

Là người phạm tục mình đâu có biết vô thường là gì nên mọi việc mình đều cho là thường hết. Phật dạy: “các pháp vô thường, thế gian vô thường, chế độ chính trị nào cũng dễ sụp đổ”. Cái biết đó là cái biết của Phật, của Tổ, của Thánh hiền. Mình tin vào lời dạy của quý ngài mà ra sức thực tập, khởi tâm buông xả, tâm không bám thủ vào bất cứ cái gì. Nhờ đó mà mình có được hạnh phúc, an lạc.

Đối với phạm tục, ta nhìn cái gì cũng thấy thường cả. Làm ra cái nhà mình nói cái nhà của mình là thường, nhưng thực ra cái nhà đó cũng vô thường, nay chủ này, mai chủ khác, bản thân cái nhà rồi cũng sẽ sụp đổ, bởi vì vô thường là tự tính của vạn hữu. Không ai làm cho mình chết, nhưng rồi tự mình cũng phải chết, vì cái vô thường nó thuộc về ở nơi mỗi chúng ta. Chúng ta biết được như vậy là nhờ Phật,

nhờ Tổ, nhờ các bậc Thánh trí nói lại. Chúng ta tin như vậy, thực tập như vậy, và hành xử đúng như vậy cho nên chúng ta là những người có niềm tin và trí tuệ. Đối với thế gian này có những người đến gần chết rồi mà vẫn còn ôm nhà ôm cửa, ôm bạc ôm tiền. Họ nói không được nữa, mắt họ cũng không còn thấy gì nữa, nhưng tay họ thì cứ mò mẫm nắm bắt. Hạt giống chấp thủ là hạt giống lâu đời, lâu kiếp. Nó tàng trữ trong tâm thức và luôn luôn biểu hiện theo nghiệp chủng vậy.

Ý thức được vô thường và nói ra trên mặt ngôn ngữ chưa quan trọng. Ta phải ý thức được sự vô thường đó bằng chính sự thực tập của mình. Áp dụng sự hiểu biết về vô thường trong đời sống của mình tức là người đó có đời sống vô trú, không bám víu bất cứ đối tượng nào và bất cứ cái gì. Nó đến thì chấp nhận nó đến, nó đi thì chấp nhận nó đi, đón nhận cái đến cái đi rất bình thản. Thực tập được như vậy mới là người có niềm tin và trí tuệ.

Niềm tin và trí tuệ đó do thấy mà phát khởi, do suy nghiệm mà phát sinh, do thực tập mà chứng đạt, do nghe lời dạy của chư Phật, của chư Tổ, của các bậc Thánh hiền,

của các bậc thiện trí thức mà ngộ nhập. Biết như vậy, thấy như vậy, sống như vậy, hành xử như vậy, đó là công trình thực tập niềm tin và trí tuệ.

### **Tin và hiểu sâu rộng**

Niềm tin của người Phật tử là gì? Đó là tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, tin Giới, và sâu thẳm hơn nữa là tin rằng mình có Bồ đề tâm và tin rằng hết thảy chúng sanh đều có khả năng thành Phật. Đó là đức tin của người Phật tử Đại thừa.

Vì tin rằng mình có Bồ đề tâm, có khả năng thành Phật, nên mình phải nuôi dưỡng Bồ đề tâm đó trong sự đi, đứng, nằm, ngồi, nói, cười, thở vào, thở ra, ăn uống, làm việc, ngủ nghỉ,... Sự phát khởi Bồ đề tâm đó ở nơi cái gì? Ở nơi các động tác của thân, ở nơi các cảm thọ, ở nơi các tâm hành và ở nơi nội pháp cũng như ngoại pháp của mình.

Người Phật tử có đức tin Đại thừa thì người đó tin như thế nào? Người đó tin tất cả chúng sinh đều có khả năng thành Phật, cho nên không khinh bất cứ một ai. Người đó tìm cách gần gũi, thân cận mọi người để tạo điều kiện cho họ phát khởi được Bồ đề tâm, nuôi dưỡng được Bồ đề

tâm, làm cho Bồ đề tâm đó lớn mạnh trong gia đình của họ, dòng họ của họ, quê hương xứ sở của họ. Bởi vậy, Phật giáo đi tới quốc gia nào thì gắn liền với quốc gia đó để nuôi lớn quốc gia đó trong chiều hướng tốt đẹp. Đạo Phật có mặt trong làng xóm nào thì làm cho làng xóm đó đẹp lên, lớn mạnh lên và có giá trị lên. Đạo Phật có mặt ở trong gia đình nào, thì gia đình đó thật sự có được chất liệu đạo đức và nuôi dưỡng được Bồ đề tâm ở trong gia đình đó. Cha ra cha, mẹ ra mẹ, con ra con, chồng ra chồng, vợ ra vợ, ai cũng nỗ lực phát triển Bồ đề tâm của mình, phát triển Phật tính của mình và hỗ trợ cho nhau cùng phát triển Bồ đề tâm. Như vậy, gia đình đó là rất đẹp, gia đình đó trở thành gia đình Tịnh độ.

Bởi vậy, trong công cuộc chấn hưng Phật giáo vào thời cận đại, các Thầy Tổ, các Hòa thượng của mình đã đưa ra chương trình gọi là Gia Đình Phật Hóa Phổ. Phật Hóa Gia Đình là tên gọi đầu tiên của GDPT.

Đức tin Đại thừa liên kết lại những con người có Bồ đề tâm hỗ trợ cho nhau và nuôi lớn Bồ đề tâm đó cho nhau, từ đời sống bản thân đến đời sống gia đình. Từ bản thân đẹp,

gia đình đẹp thì xã hội đẹp. Từ đó ta mới xây dựng một quê hương Tịnh độ trên đất nước này, trên dân tộc này, trên thế giới Ta bà này. Ta bà cũng có thể thành Tịnh độ khi mà tất cả chúng ta có đức tin Đại thừa, biết nuôi dưỡng và phát triển đức tin Đại thừa đó.

Đức tin Đại thừa chính là đức tin của trí tuệ, là đức tin biết hiến tặng tình thương rộng lớn và cao cả đến cho hết thảy mọi người, mọi loài.

Có người nông dân giỏi làm ruộng, khi mùa gặt đến ông ta gặt hái được hơn hai trăm thùng lúa, chất đầy cả nhà, nhưng công sức bỏ ra hết sức vất vả và khổ cực. Rồi khi có biến cố lụt lội, người nông dân giàu có ấy phải hì hục chuyển lúa lên cao; hay lỡ như giặc giã đến, người đó cũng vất lúa mà chạy, có giỏi thì gánh đi vài thùng chứ không thể gánh hết được.

Trái lại, cái giàu của người thành phố, họ có một hột xoàn bỏ trong túi thôi. Nhà cửa rộng thênh thang, hột xoàn lại có giá trị gấp trăm nghìn thùng lúa nhưng không ai biết. Khi cần, họ bỏ hột xoàn vào trong ché áo và đi như một

người ăn xin vậy. Đi đâu thì đi, tới đâu an toàn thuận lợi thì bán ra mua nhà cửa.

Cũng vậy, cái giàu có của người có đức tin nhưng đức tin sai lạc với Chánh pháp, không phải đức tin Đại thừa cũng như cái giàu có của người nông dân vậy.

Người giàu có đức tin Đại thừa tức là người biết rằng mình có Phật tính. Đi đâu cũng phát triển và nuôi dưỡng Phật tính đó, thì ở đâu họ cũng có Tịnh độ, ở đâu họ cũng có thân hữu, có bạn bè và ở đâu họ cũng gặp được Phật Pháp Tăng hết.

Đức tin của người Phật tử Đại thừa là đức tin vĩ đại. Trí tuệ của người Phật tử Đại thừa là trí tuệ vĩ đại, trí tuệ có gốc rễ từ niềm tin của Bồ đề tâm. Chúng ta phải tu tập làm sao để đức tin đó luôn có mặt trong đời sống của chúng ta.

### **Con đường thực nghiệm**

Tôi rất thích bài thi kệ thiền tập sau đây:

Ý về muôn vạn nẻo



Thiền lộ tâm an nhiên

Tùng bước gió mát dậy

Tùng bước nở hoa sen.

Ý ta đang dong ruổi từ muôn vạn nẻo, ta đưa nó trở về với tâm duy nhất của mình trong từng giây phút của sự sống, thì bất cứ con đường nào ta đang đi cũng đều là con đường của thiền hành cả. Ta đi với tâm an nhiên, với tâm có chánh niệm tỉnh giác, nên khi ta đi trên vạn nẻo đường của quê hương thì vạn nẻo đường trên quê hương ấy đều là vạn nẻo đường của thiền hành. Ý bị trói buộc trong tam giới, nhưng mình đi với tâm an nhiên, bằng chất liệu của tâm chánh niệm tỉnh giác, thì tất cả nẻo đường trong tam giới cũng đều trở thành đạo tràng và thiền lộ.

Hoa sen nở trong biển lửa là vậy. Mỗi bước đi làm gió mát thổi dậy, mỗi bước đi làm nở hoa sen, tức là sự giác ngộ có mặt trong từng bước chân đi và trong từng hơi thở của sự sống.

Bước chân chỉ là tiêu biểu thôi, chứ mỗi bước chân hay

mỗi thế ngồi, mỗi thế đứng hay mỗi thế nằm, mỗi thế ăn hay mỗi hơi thở ra vào,... tất cả những cái đó, chúng ta đều phải thực tập sao cho tất cả đều nở hoa sen và những động tác đó phải là những động tác của niềm tin trí tuệ.

Vậy, xin quý vị hãy thực tập hết lòng trong mọi lúc, mọi nơi, để lúc nào cũng là lúc của an lạc, niềm tin và trí tuệ; để nơi nào cũng là nơi của niềm tin, an lạc và thanh thoi. Chúng ta thực tập được như vậy thì chắc chắn Tịnh độ không phải là một ước mơ, Niết bàn không còn là một sự hứa hẹn hão huyền và Phật không phải là một cái gì đó không thể đạt tới, mà tất cả đều có thể có mặt trong đời sống của chúng ta và chúng ta có thể đạt tới ngay trong cuộc sống này.

*Học trò Nhuận Hạnh Châu, Nhuận Khánh  
Như kính ghi từ băng giảng.*

## KHÁI QUÁT LỊCH SỬ PHẬT GIÁO VIỆT NAM VÀ HUẾ

*Pháp thoại Thầy Thích Thái Hòa giảng cho các giáo viên  
và sinh viên của Đại Học Vinh tại thiền đường Trăng Rằm,  
chùa Từ Hiếu, ngày 22/04/2004, do các đệ tử Nhuận Từ Nguyên,  
Nhuận Hạnh Châu, Nhuận Tịnh Phương kính phiên tả*

Hôm nay 22/4/2004 tại thiền đường Trăng Rằm chùa Từ Hiếu, tất cả quý vị đã có cơ duyên vào Huế tham quan, nghiên cứu và nay, quý vị lại đến chùa Từ Hiếu để xin tìm hiểu về Phật Giáo Huế. Để đáp ứng yêu cầu của quý Thầy, Cô cũng như nhu cầu học hỏi của các anh, chị em sinh viên, nên chúng tôi có mặt hôm nay để chia sẻ đến quý vị.

### **Các Nhà truyền giáo và những ngôi chùa đầu tiên trên đất Việt**

Thưa quý vị,

Phật Giáo có mặt ở đất nước Việt Nam vào thế kỷ đầu.

Theo các nhà sử học hiện nay, Phật Giáo đến Việt Nam vào khoảng thế kỷ thứ ba trước Tây lịch, tức là thời kỳ của vua A Dục tại Ấn Độ, nhưng tư liệu này chỉ cá biệt chưa được phổ quát. Tư liệu đáng tin cậy nhất nói rằng, Phật Giáo có mặt tại Việt Nam vào thế kỷ đầu, do ngài Phật Quang, một nhà sư Ấn Độ vào Việt Nam bằng cửa Sót, tức cửa biển Nghệ An ngày nay. Cửa Sót là biên giới của nước ta vào thời Hùng Vương. Ngài Phật Quang đã đến và mở đầu cho sự có mặt của Phật Giáo trên đất nước Việt Nam chúng ta. Ngài đã hóa độ cho những người Phật tử Việt Nam đầu tiên là Chử Đồng Tử và Tiên Dung, chuyện này có ở trong Lĩnh Nam Trích Quái, quý vị nếu có cơ duyên, nên tìm đọc. Tiếp đó, vào thế kỷ thứ II, III Tây lịch, có các ngài Ma Ha Kỳ Vực, Mâu Tử, Chi Cương Lương, Khương Tăng Hội,... và các ngôi chùa đầu tiên tại Việt Nam là chùa Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lô, Pháp Điền ở trung tâm Luy Lâu, tức là tỉnh Hà Bắc ngày nay.

Tổ tiên chúng ta lấy tên chùa là Pháp Vân có một ý nghĩa rất là sâu sắc. Pháp Vân là gì? Pháp là Chánh pháp của đức Phật. Vân là mây. Chùa Pháp Vân tức là ngôi chùa vắng

mây của Chánh pháp, vằng mây đó che mát cho đất nước Việt Nam, cho dân tộc Việt Nam và cho cả muôn loài. Và khi vằng mây đó đủ cơ duyên, thì mưa xuống, nó sẽ làm cho dân tộc Việt Nam được tươi mát trở lại, và Phật tính nơi muôn loài thấy đều sinh khởi. Ngôi chùa thứ hai là Pháp Vũ. Vũ là mưa, Pháp vũ là mưa pháp. Mưa của Chánh pháp làm cho dân tộc Việt Nam ngày càng tươi mát, làm cho muôn vật của dân tộc đều được ươm chồi, nảy lộc, đơm hoa và Phật tính nơi hết thấy muôn loài đều trở dậy. Ngôi chùa thứ ba là chùa Pháp Lôi. Lôi là tiếng sấm. Ngôi chùa uy hùng như tiếng sấm. Tiếng sấm của Chánh pháp, khiến cho nhân dân Việt Nam có thể đứng dậy và vượt ra khỏi sự nô lệ, vượt ra khỏi mọi sự thống trị, bước tới ý thức tự chủ. Pháp Lôi là tiếng gầm của Chánh pháp, thúc giục cho cả dân tộc và nhân loại bước tới con đường chí thượng và chí thiện. Ngôi chùa mang tên ấy, biểu tượng rằng, khi đất nước Việt Nam hút được chất liệu của Chánh pháp, thì dân tộc Việt Nam tự mình có sức mạnh tiến về phía trước uy dũng như tiếng sấm gầm. Và Pháp Lôi cũng có nghĩa là tiếng sấm đánh thức Phật tính nơi hết thấy chúng sanh trở dậy ở trong Chánh pháp. Ngôi

chùa thứ tư là chùa Pháp Điện. Điện là điện, tức là ánh sáng của Chánh pháp. Ánh sáng đó sẽ soi đường cho dân tộc Việt Nam đi lên, đi tới. Ánh sáng ấy sẽ soi đường cho mọi người và mọi loài đi tới với Chánh pháp, đi tới đích điểm cứu cánh của sự giác ngộ.

Như vậy, quý vị đã thấy khởi điểm của ngôi chùa Việt Nam là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lô, Pháp Điện. Qua bốn tên đó, chúng ta cũng đủ để thấy được vai trò của ngôi chùa trong sự phát triển dân tộc, phát triển tâm linh của đất nước và con người.

Đạo Phật có mặt và cắm rễ với dân tộc Việt Nam từ đó và trải qua các thời kỳ đã đóng góp cho dân tộc Việt đứng lên giành lại độc lập cho đất nước, quyền sống cho con người. Theo Hán Thư, trong chính biên 40 - 43, khi quân Hán đánh chiếm Giao Chỉ, Trung Trắc, Trung Nhị thất bại, hai bà nhảy xuống sông Hát Giang tự vẫn, một số nữ tướng của hai Bà đã lặn vào chùa tu, trong đó có phu nhân Bát Nàn. Căn cứ vào những sự kiện như vậy, chúng ta cũng có thể thấy rằng, đạo Phật có mặt tại Việt Nam trước thời Trung Trắc, Trung Nhị là điều có thể

hiều được.

Vào thời của Trung Trắc, Trung Nhi, chắc chắn xây dựng một ngôi chùa và ngôi chùa có ảnh hưởng lớn và rộng trong quần chúng hẳn phải mất một thời gian rất dài, chứ không như bây giờ. Bây giờ thông tin bùng vỡ, chúng ta muốn biết điều gì, thì chỉ cần bấm vào mạng Internet là ta đã có được một lượng thông tin rất lớn và phổ cập. Như vậy, Phật Giáo có mặt tại Việt Nam trước kỷ nguyên, điều đó chúng ta có thể tin và chứng minh được.

Phật Giáo đã thấm rất sâu vào trong lòng của quần chúng như thế nào, điều này mang tính chất nghiên cứu, tính chất sử học, nên cần phải có thời gian, chứ không thể nói trong một khoảnh khắc. Khi một sự kiện đã mang tính chất nghiên cứu, tính chất sử học thì nó có tính phê phán, có tính nhận định, cho nên chúng tôi chỉ trình bày cho quý vị với tính cách gợi ý và tôn trọng tri thức của quý vị, chúng tôi không muốn áp đặt trí thức của mình lên quý vị. Bởi vì, khi trình bày một vấn đề mà chúng ta muốn áp đặt tư tưởng của mình lên người nghe, đó là sự tàn nhẫn, là sự giết chết khả năng sáng tạo của người đi sau, chúng tôi

không làm chuyện đó. Chúng tôi chỉ muốn công bố sự kiện và quý vị hãy đem khả năng thông minh của mình để thấy được vấn đề, đó là tính giáo dục, tính trình bày của chúng tôi.

### **Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi và Kinh Tượng Đầu**

Ngôi chùa Pháp Vân đã trở thành một trung tâm tu học lớn tại Giao Châu vào thời Khương Tăng Hội ở thế kỷ thứ III. Vào thế kỷ thứ VI, ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi từ Ấn Độ sang Trung Hoa học đạo với ngài Tăng Xán, sau đó đến Việt Nam và lưu trú tại chùa Pháp Vân, năm 580. Tại đây, ngài Pháp Hiền đang giảng dạy cho hơn 300 Tăng sĩ. Như vậy, quý vị nghĩ xem lúc bấy giờ, dân số Việt Nam được bao nhiêu trăm ngàn người, thế mà tăng sĩ ở chùa Pháp Vân lên đến 300 vị, chưa kể đến những ngôi chùa khác. Khoảng năm thế kỷ sau, đến đời Lý, dân số Việt Nam bấy giờ chỉ có khoảng năm triệu người. Từ đó, chúng ta có thể thấy được vai trò của Phật Giáo ngay buổi đương thời là như thế nào!

Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi đến Việt Nam đã dịch Kinh Tượng



Đầu. Nội dung của Kinh Tượng Đầu là gì? Tư tưởng chủ đạo là gì? Tư tưởng đó đã đáp ứng nhu cầu gì của dân tộc Việt Nam? Và người Việt Nam lúc bấy giờ suy nghĩ về điều gì? Họ đã suy nghĩ gì về nhân sinh quan, vũ trụ quan, về thân phận con người? Chúng tôi chỉ giới thiệu như vậy để quý vị suy nghĩ và tìm hiểu, bởi vì bản kinh mà các Ngài chọn và dịch để truyền bá vào thời đại của Ngài, nó phải có một ý nghĩa nhất định là phải đáp ứng một phần nào khát vọng của người Việt Nam lúc bấy giờ.

Quý vị nghĩ xem, một bản văn xuất hiện vào một thời đại nào đó, khi ta nghiên cứu bản văn ấy là ta có thể biết được những gì suy tư của con người và hoàn cảnh xã hội được chứa đựng ở trong bản văn của thời đại ấy. Cũng vậy, một bản kinh xuất hiện vào thời đại nào, thì khi ta nghiên cứu những nội dung được hàm chứa ở trong bản kinh ấy, là ta có thể biết được những suy tư và khát vọng của con người ở vào thời đại ấy. Nên, khi ta nghiên cứu kinh Tượng Đầu Tinh Xá là bản kinh đã được ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi dịch và lưu truyền tại Việt Nam vào thế kỷ thứ sáu là ta có thể biết được phần nào xu thế tu tập và học hỏi của Tăng Ni

Phật tử Việt Nam nói riêng và tầm mức trí thức và những nhu cầu đạo đức tâm linh của người Việt Nam vào thời đại bây giờ. Nếu quý vị nghiên cứu một bản kinh Phật như là một công trình nghiên cứu mang tính khoa học là quý vị có thể phát hiện được rất nhiều điểm thiết thực và mới lạ, những điểm ấy nó sẽ giúp ích rất lớn cho sự nghiệp nghiên cứu của quý vị và con người. Đây là vấn đề gợi ý cách nghiên cứu của chúng tôi tới quý vị.

### **Khái quát từ Thiên phái Vô Ngôn Thông đến Phật giáo đời Trần**

Đến thế kỷ IX năm 820, thiên phái Vô Ngôn Thông xuất hiện tại Việt Nam. Vô Ngôn Thông nhân câu nói của một vị thầy là ngài Bách Trượng mà Ngài đã ngộ đạo:

“Tâm địa nhược thông

Tuệ nhật tự chiếu”.

Nếu mảnh đất tâm của chúng ta, cõi lòng của chúng ta không bị ngăn ngại bởi tất cả các thứ phiền não, vô minh, thì mặt trời trí tuệ tự nó sẽ tỏa chiếu! Nên cõi lòng của

chúng ta không tỏa sáng được là vì vô minh, phiền não dày đặc trong tâm hồn của chúng ta. Nhân câu nói đó của ngài Bách Trượng mà ngài Vô Ngôn Thông ngộ được đạo lý.

Như vậy, từ thế kỷ đầu đến thế kỷ thứ IX, Việt Nam đã có:

- Thiền phái của ngài Khương Tăng Hội, chủ trương về quán chiếu hơi thở.
- Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi.
- Thiền phái của ngài Vô Ngôn Thông.

Từ đó dẫn đến Phật giáo đời Đinh, Lê, Lý và Trần, bởi vì nếu không có những thiền phái này, thì sẽ không có Phật giáo đời Đinh, Lê, Lý và Trần.

Khi Đinh Tiên Hoàng dẹp được loạn mười hai sứ quân và lên ngôi năm 971, thì Phật Giáo phát triển một cách mạnh mẽ và Thiền sư Ngô Chân Lưu đã được nhà vua thỉnh mời làm Khuông Việt Đại Sư. Khuông Việt Đại Sư, nghĩa là vị thầy vĩ đại giúp đỡ nước Việt. Và Ngô Chân Lưu là vị Tăng Thống đầu tiên của Phật giáo Việt Nam. Những trụ đá được Đinh Khuông Liễn ghi khắc những câu thần chú

Phật Đinh Tôn Thắng vào những năm 973, 979 để cầu nguyện an lành cho triều đại và quốc dân đã được các nhà khảo cổ học Việt Nam phát hiện tại cổ thành Hoa Lư vào những năm thập niên sáu mươi. Đây là những sự kiện giúp cho chúng ta thấy rằng, vào đời Đinh, Phật giáo đã ăn sâu vào trong lòng dân tộc.

Phật giáo đời Lê, khi Lê Đại Hành lên ngôi năm 980 đã hết lòng sùng mộ Phật giáo, các Thiền sư Ngô Chân Lưu và Đỗ Pháp Thuận đã giúp vua Lê Đại Hành không những về mặt ngoại giao mà còn giúp vua giữ gìn nền độc lập dân tộc và những chính sách giữ nước an dân. Và Lê Long Đĩnh lên ngôi, ông đã cho người sang Trung Quốc để thỉnh kinh Đại Tạng, tuy nhiên, chưa thỉnh kinh về đến thì ông đã băng hà. Ngay đời Lê, Đại Tạng Kinh đã được khắc từ đời Tống của Trung Hoa và có mặt tại Đại Cồ Việt tức là nước ta lúc bấy giờ.

Đến đời Lý, ngài Vạn Hạnh đã giúp Lý Công Uẩn lên ngôi, học lịch sử quý vị đã hiểu. Đời Lý, Phật giáo phát triển rất lớn, nhưng không phải vậy mà Phật giáo đời Lý thuận lợi hoàn toàn. Vì trong lịch sử đời Lý có ghi:

“Thiên hạ bán vi Tăng”, nhân dân đời Lý hết một phần nửa là thầy tu. Cái gì nhiều thì phức tạp. Phần nhiều người ta nói Phật giáo đời Lý thịnh, nhưng dưới cái nhìn của chúng tôi, chúng tôi vẫn thấy có cái suy ở trong đó. Bởi vì, khi Phật giáo được triều đình trọng vọng, thì cũng có những người lợi dụng cái trọng vọng đó để mà đi tu. Người đi tu với ý chí cao thượng cũng có, nhưng cũng có những người đi tu với tâm chí tầm thường. Người đi tu với tâm chí cao thượng sẽ làm cho Đạo sáng chói lên, làm cho đời đẹp lên. Còn người đi tu với tâm chí tầm thường sẽ làm cho Đạo mờ và đi xuống, nó làm cho đời lắm chuyện gian nan, phức tạp. Vì vậy, nên chúng ta thấy nhiều người đi tu, cũng đừng vội mừng và thấy ít người đi tu chúng ta cũng đừng vội buồn. Nhiều là nhiều như thế nào, nhiều mà tạp thì không nên, còn ít mà thuần chất, thì ít đó vẫn đáng trân trọng, vì ít mà có tác dụng lớn, có khi nhiều mà chẳng có tác dụng gì cả.

Đến với Phật giáo đời Trần, khi viết lịch sử phát triển Bát Nhã và Bát Nhã Tâm Kinh, chúng tôi không tìm được một bản chú giải và dịch nào của Phật giáo đời Lý đối với bản

kinh này, nên trong tập san Nghiên cứu Phật học Phật Giáo Thừa Thiên Huế, chúng tôi có viết rằng, triều đại nào lên cầm quyền thì cũng muốn xóa triều đại trước và chỉ muốn người đời sau biết triều đại của mình thôi. Điều đó làm cho người nghiên cứu, tìm hiểu những thời đại trước gặp rất nhiều khó khăn. Những con người có tham vọng chính trị, cái nhìn của họ khác hẳn với cái nhìn của con người làm văn hóa. Người làm văn hóa cái nhìn của họ không bị đóng khung như cái nhìn của người làm chính trị. Người làm chính trị là người muốn mọi người chỉ biết đến triều đại của mình và chỉ biết phục vụ cho triều đại của mình, còn các triều đại khác không cần biết đến. Cũng như Trần Thủ Độ nguyên làm quan đời Lý, là người có công lớn trong việc chuyển ngôi từ đời Lý sang Trần, khi ông đi ngang qua ngôi chùa, thấy Lý Huệ Tông, sau khi ông giao ngôi vua cho con là Lý Chiêu Hoàng để xuất gia và đang nhỏ cở ở trong sân chùa, Trần Thủ Độ thấy và nói: “Hoàng Thượng nhỏ cở thì phải nhỏ cho tận gốc”. Lý Huệ Tông nghe câu nói đó mà ngao ngán tình người, ngao ngán tình đời, ngao ngán cho tham vọng của con người, nên ông đã vào phòng kín uống thuốc tự vẫn.

Qua sử sách ghi lại như thế, cũng cho chúng ta thấy với tham vọng của những nhà nắm quyền lực chính trị, chính họ là những người muốn làm lịch sử, nhưng lại là những kẻ phản bội lịch sử, làm cho lịch sử bị khuất lấp đi, nên điều đó đã làm cho chúng ta gặp rất nhiều trở ngại, khi nghiên cứu lịch sử, vì “nhỏ cỏ thì phải nhỏ cho tận gốc” mà! Do đó, các sử gia đời Trần như Lê Văn Hưu khi ăn cơm, uống nước, hưởng bổng lộc đời Trần, thì ông làm sao dám ca ngợi đời Lý và ông phải viết sử theo quan điểm của đời Trần chứ! Vì thế, khi nghiên cứu lịch sử, chúng ta phải sử dụng cái đầu thật thông minh mới khám phá ra được sự thực. Còn nếu chúng ta cứ đi theo vết chân cũ, suy tư theo nếp cũ, nói năng cứ lặp đi, lặp lại theo luận điệu cũ, thì chân lý là một cái gì đó xa vời mà chúng ta không thể với tới.

Đời Lý còn có một Thiền phái đặc biệt, đó là thiền phái Thảo Đường. Vua Lý Thánh Tông là một trong những vị tích cực ủng hộ cho thiền phái này, nhưng đến đời Trần, thì thiền phái này không còn được nhắc nhở nữa. Khi đọc Thánh Đẳng Lục được viết vào đời Trần, chúng tôi thấy

Phật giáo đời Trần có khuynh hướng quý tộc. Tầng lớp trí thức hiểu Phật giáo được ghi lại trong sách sử cũng là từng lớp trí thức quý tộc. Các vị Thiền sư cũng không được đề cập đến nhiều, ngoại trừ một số vị không thể thiếu.

Điều đáng nói và đáng đề cập nhất là Trúc Lâm Tam Tổ của Phật giáo Trúc Lâm.

Phật giáo đời Trần đã đóng góp cho đất nước chúng ta như thế nào? Về phía giữ nước, tinh thần Phật giáo đã giúp cho dân tộc hai lần đánh bại Nguyên Mông. Quân của Thành Cát Tư Hãn, chúng hung hãn vô cùng, nhưng khi đến Việt Nam, thì bị thất bại. Nó thất bại là từ ngay nơi hội nghị Diên Hồng, vì ngay nơi hội nghị này đã nói lên sức mạnh đoàn kết của mọi tầng lớp nhân dân Việt Nam lúc bấy giờ. Cho nên, nếu dân tộc chúng ta thiếu đoàn kết là dân tộc của chúng ta thất bại. Do đó, nhờ yếu tố đoàn kết mà chúng ta giữ vững và phát triển được đất nước. Điều đó đã thể hiện như thế nào trong đời Trần? Trong đời Trần, phía Nam đất nước ta sống hài hòa với Chiêm Thành, sau đó gả công chúa Huyền Trân cho vua Chăm là Chế Mân. Vua Chế Mân đã hiến tặng cho nước Đại Việt hai châu Ô và



Rí. Điều này ngay trong đương triều cũng có nhiều quan điểm phê phán, tuy nhiên chúng ta cũng thấy được đời Trần khôn ngoan, khôn là vì biết sử dụng tình yêu để mở mang đất nước, chứ không dùng bạo lực, súng đạn, nên biên giới phía Nam của đất nước ta vào thời Trần là đã mở rộng đến ở Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam ngày nay, thay vì thời Hùng Vương biên giới của nước ta chỉ ngang Thanh Hóa, Nghệ An.

### **Khởi nguyên Phật giáo Huế và những ảnh hưởng**

Chúng tôi muốn trình bày với quý vị sự kiện trên, là để trả lời câu hỏi “Phật giáo Huế có từ khi nào? Và Phật Giáo Huế đã nằm trong lòng quần chúng như thế nào?”

Chúng tôi trả lời một cách dứt khoát rằng, Phật giáo Huế có mặt từ thời vua Trần Nhân Tông. Vì sao? Vì thời đại Đinh, Lê, Lý, Trần, Phật giáo là quốc đạo. Khi vua Chàm hiến tặng hai châu Ô và Rí cho nhà Trần, thì việc trước tiên là nhà Trần tiếp nhận đất đai, khai hóa đất đai và di dân. Dân đó là ai? Chính là Phật tử đi khai khẩn đất hoang, phát triển đất nước. Họ đi đâu thì họ phải đem theo tôn

giáo, tín ngưỡng của họ đi đến đó. Mỗi khi mà Phật tử đã đi, thì thầy của họ cũng phải đi theo họ. Cho nên, chúng ta có thể xác định chắc chắn rằng, vị tăng xuất hiện đầu tiên tại Thuận Hóa là Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, sau đó các vị tăng khác được cử vào để hướng dẫn tâm linh cho quần chúng Phật tử. Các tư liệu này là theo sự luận chứng của chúng tôi, vậy hôm nay chúng tôi xin chia sẻ đến quý vị luận chứng này. Như vậy, Phật Giáo Huế chịu ảnh hưởng Phật giáo đời Trần. Phật Giáo đời Trần là Phật giáo nhập thế tức là Phật giáo dấn thân vào cuộc đời để cứu khổ. Trong bài Cư Trần Lạc Đạo của Trần Nhân Tông đã nói lên tư tưởng này như sau:

“Cư trần lạc đạo thả tùy duyên

Cơ tắc xan hề khốn tắc miên

Gia trung hữu bửu hư tầm mịch

Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên”.

Nghĩa là:

Sống giữa cuộc đời, thuận theo cuộc đời, duyên theo cuộc

đời mà vui cái niềm vui của đạo. Đói thì ăn, khát thì uống, mệt thì nằm. Trong nhà có cửa báu rồi, không đi tìm kiếm đâu xa nữa. Và trực diện với muôn vàn cảnh vật mà tâm vẫn an nhiên bất động, đó chính là thiên chức hỏi thiên làm chi!

Tinh thần Phật giáo là không phải trốn chạy, không chán đời, ngay giữa cuộc đời mà thăng hoa sự sống. Đó là tinh thần nhập thế, là tư tưởng chủ đạo của Phật giáo đời Lý và đời Trần, đồng thời là tư tưởng đầu tiên được truyền bá ở đất Thuận Hóa thời đó. Phật giáo Huế đã kế thừa và ảnh hưởng Phật giáo đời Trần một cách trực tiếp.

Ai chống lại quy luật tự nhiên của cuộc sống, thì không thể tồn tại lâu dài được, nên đói thì ăn, khát thì uống, mệt thì nghỉ. Đói mà không ăn, khát mà không uống, thì chỉ là chết sớm, mệt mà không nghỉ, mệt cứ rãng mà làm thì tai biến mạch máu não, đó là cách nhìn cuộc sống hết sức thực tiễn của Phật giáo đời Trần và cách nhìn ấy đã ảnh hưởng đến Phật giáo Huế.

Lại nữa, trong nhà có cửa báu rồi thì không đi tìm kiếm đâu xa nữa, của báu đó có rất nhiều ý nghĩa. Đói với tâm

linh, thì trong tâm mình có Phật, có Pháp, có Tăng. Đối với mạch nguồn của dân tộc, mình là dòng giống Tiên Rồng, mình có dòng dõi tâm linh của dân tộc, mình có đạo lý giải thoát, đạo lý giác ngộ. Đối với cuộc sống gia đình, mình có ông bà tổ tiên, cha mẹ. Và đối với loài người, thì trong tự thân của mỗi chúng ta đều có tính người và có khả năng biểu hiện tình người một cách tự nhiên. Tất cả cái đó là của báu mà mình đã có, mình không cần phải đi tìm kiếm và vay mượn những cái bên ngoài.

Khi chúng ta nhận ra được cái gì là kho báu của tâm linh, của giang sơn tổ quốc, của gia đình mình, của chính mình, thì khi đó chúng ta không cần phải tìm kiếm, như trong bản nhạc Một cõi đi về, Trịnh Công Sơn nói:

“... Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi

Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệ.

Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt

Rọi xuống trăm năm một cõi đi về!...”

Trên hai vai ta có cha ta, có mẹ ta, có dòng họ nội ngoại

của ta, có trời đất, có âm dương, có sự sống và sự chết, có sự khổ đau và có sự an lạc, nên ta không còn đi tìm đâu nữa cho mệt. Tuy, Trịnh Công Sơn viết lên những lời nhạc như vậy để cho mình hát, để cho Khánh Ly hát và để cho mọi người hát và nghe, và cùng nhau trở về, nhưng Trịnh Công Sơn vẫn còn thấy có một cõi để đi về, vẫn chưa thấy được như cái thấy của vua Trần Nhân Tông: “Gia trung hữu bửu hưu tâm mịch. Đối cảnh vô tâm, mặc vấn thiên”. Trịnh Công Sơn thấy được một cõi đi về qua đôi vầng nhật nguyệt, vua Trần Nhân Tông không thấy như vậy, vua thấy được là từ cái bên trong rọi ra, nên không cần phải đi hay phải về, chỉ cần dừng lại mọi sự dong ruổi tìm cầu và ngay trong giây phút dừng lại đó, là có thể thấy và tiếp nhận được gia tài quý báu, có thể thấy, tiếp nhận và sống ngay ở trong cõi bình an. Và “Đối cảnh vô tâm”, đó là cái tâm không bị mắc kẹt, khi trực diện với mọi hoàn cảnh thăng hay trầm, thuận ý hay nghịch ý, tâm ấy chính là thiên, chứ thiên ở đâu xa.

Như Nguyễn Công Trứ, khi bị đày làm lính thú, người ta hỏi ông có buồn không, có nhục không? Ông nói rằng, khi

làm quan, ông chẳng thấy nó là vinh, cho nên khi bị đày làm lính thú, ông chẳng thấy nó là nhục. Như vậy, Nguyễn Công Trứ đã chịu ảnh hưởng tư tưởng nào để nói lên được tinh thần tiêu biểu cho sĩ phu Việt Nam một thời, có phải đó là tinh thần Phật giáo đã hun đúc cho Nguyễn Công Trứ, và có phải chẳng, đó là “Đối cảnh vô tâm mặc vấn thiên”?.

Khi đối diện với quan chức, ông không thấy đó là vinh và khi sa cơ lỡ vận bị đày làm lính thú, ông không thấy đó là nhục, bởi lẽ ông ra làm quan là vì cái bản nguyện, cái chí nguyện giúp người, chứ không vì bản thân mình để hối lộ, để làm quan liêu, cưỡng quyền. Làm quan, làm vua là vì đời, vì người mà làm, nên vua quan ấy, không có tham nhũng, hối lộ, không có quan liêu, cưỡng quyền. Như vậy, quý vị đã thấy được phần nào cái ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo đời Trần đối với Phật giáo Huế hay Phật giáo Thuận Hóa.

Rời từ nơi mảnh đất này, Huế trở thành trung tâm duy trì nền văn hóa từ Thăng Long vào đồng thời làm bàn đạp để phát triển văn hóa của dân tộc đi về phương Nam. Cho nên, đến đời chúa Nguyễn Phúc Chu đã mở mang bờ cõi đến

Biên Hoà tức là Sài Gòn bây giờ. Sài Gòn ngày trước gọi là Phiên Thành, Phiên là bức phen tức là biên giới. Biên giới phía Nam của đất Việt. Đến thời vua Minh Mạng lấy luôn sáu tỉnh miền Tây. Nếu không có đất Thuận Hoá lấy đâu làm bàn đạp để phát triển đất nước.

Tại đất Thuận Hoá này, năm 1558, khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ, và ông đã cho trùng tu lại ngôi chùa Thiên Mụ vào năm 1601. Nhiều sử gia cho rằng, chúa Nguyễn Hoàng cho xây dựng chùa Thiên Mụ là không đúng lắm, vì theo sách Ô Châu Cận Lục của Dương văn An được nhuận sắc vào giữa thế kỷ mười sáu, khi chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa thì tại đồi Hà Khê đã có chùa, và chúa Nguyễn Hoàng chỉ cho xây dựng lại ngôi chùa ở đồi Hà Khê tức là chùa Linh Mụ ngày nay. Như vậy, khi chúa Nguyễn Hoàng cho xây dựng lại chùa Thiên Mụ là để làm trung tâm tu học, trung tâm nuôi dưỡng tâm linh cho nhân dân ở Đàng Trong, thì bấy giờ vai trò Phật giáo đối với xứ Huế lại được khẳng định một cách minh bạch. Dù chưa có tư liệu, nhưng ta biết một cách chắc chắn rằng, chùa Linh Mụ không phải là ngôi chùa đầu tiên của Huế và cũng không phải là trung tâm tu học đầu tiên

của Phật giáo Huế, vì rằng năm 1307, sau khi việc công chúa Huyền Trân thực hiện tình yêu lứa đôi với vua Chăm là Chế Mân, hai châu Ô và Rí được vua Chăm hiến dâng cho triều đại nhà Trần, Đoàn Nhữ Hài được cử vào trấn thủ vùng đất mới này, trải qua bao cuộc thăng trầm, hết Trần đến Hồ và Lê, năm 1558, Nguyễn Hoàng lại được vua Lê cử vào trấn thủ vùng đất Thuận Hóa này, như vậy từ Đoàn Nhữ Hài đến Nguyễn Hoàng trải qua 251 năm, suốt trong thời gian ấy, không thể không có chùa chiền và không thể không có những trung tâm tu học của Phật giáo tại vùng đất này. Và biết đâu tại đồi Hà Khê đã có ngôi chùa do các vua Chăm xây dựng đã trải qua các thời đại họ trị vì ở vùng đất này và là trung tâm tu học cũng như tín ngưỡng cho nhân dân của họ, cho đến khi đời Trần tiếp nhận vùng đất này, nó lại được sửa sang để trở thành Trung tâm tu học và tín ngưỡng của Phật giáo Việt Nam? Vào thời hậu Lê các vị Tổ sư từ Trung Hoa đến Thuận Hóa như Giác Phong Lão Tổ ở Chùa Báo Quốc, Hoán Bích - Nguyên Thiệu chùa Quốc Ân, Minh Hoảng - Từ Dung chùa Từ Đàm, ngài Từ Lâm ở chùa Từ Lâm,... tất cả những vị đó đã đi vào miền Trung này để truyền đạo. Thời chúa Nguyễn Phúc Chu, ông đã cho mời ngài Thạch Liêm



từ Trung Hoa đến truyền đạo ở chùa Thiên Lâm. Trong sách sử có ghi lại sự đối đáp giữa chúa Nguyễn Phúc Chu và ngài Thạch Liêm, khi chúa Nguyễn Phúc Chu thọ Bồ tát Giới tại gia, ăn chay trường, chúa hỏi Hòa thượng Thạch Liêm - Thích Đại Sán rằng, với vai trò của chúa, khi thọ Bồ tát Giới, ăn chay trường như vậy có trở ngại cho việc triều chính? Thích Đại Sán trả lời rằng, việc Quốc chủ thọ Bồ tát Giới, ăn chay trường không phải như người bình thường khác là gắp đậu khuôn, rau muống, mà một vị Quốc chủ khi thọ Bồ tát Giới, ăn chay trường có nghĩa là vị đó phải thiết kế một chính sách phù hợp với lòng người, bỏ sưu cao thuế nặng, mở kho ban phát cho dân nghèo, giảm tù tội,... Như vậy, ta biết rằng, vào thời chúa Nguyễn Phúc Chu, trên vùng đất Thuận Hóa, Đại thừa Giới của Phật Giáo đã ảnh đến đời sống của các thành phần quý tộc. Đại thừa Giới là gì? Nếu có điều kiện chúng tôi sẽ trình bày cho quý vị vào một dịp khác. Và cũng ngay ở trên vùng đất Thuận Hóa này vào thời Lê đã sinh khởi Thiên phái Liễu Quán do ngài Thiệt Diệu - Liễu Quán khai sơn Tổ đình Thiên Tôn, Huế là vị Sơ Tổ. Thiên phái này ngày nay không những ảnh hưởng trực tiếp tại Huế mà còn ảnh hưởng khắp cả ba miền đất nước và ngay cả nhiều quốc

gia trên thế giới. Nếu có dịp chúng tôi cũng sẽ trình bày sâu tôn chỉ và những ảnh hưởng của nó trong quá khứ và hiện nay trong đời sống tâm linh của Tăng Ni Phật tử Huế đến quý vị.

### **Những đặc điểm của Phật Giáo Huế**

Quý vị biết, dòng Hương Giang chảy như không chảy, vì vậy quý vị nên tổ chức một buổi đi thuyền trên sông Hương để thưởng thức được một dòng sông chảy mà như không chảy ấy! Từ đó quý vị có thể thấy được cảnh và người ở Huế, là một cái gì đó rất là trầm lắng, sâu thẳm, có mà như không, không mà như có, cái đó mới là hay và cái đó phảng phất chất liệu của thiền. Tư tưởng thiền của Phật giáo đã ảnh hưởng đến dân Huế, đã tạo nên đức tính điềm tĩnh, sâu lắng của người Huế, nên “Huế không nơi nào có được, nét dịu hiền pha lẫn trầm tư”. Đặc điểm của người Huế là trầm tư, nhờ chất liệu trầm tư đó mà giữ được nước, mà gạn lọc được tất cả những gì uế tạp đến với đất nước mình từ bên ngoài. Nếu chúng ta sống thiếu trầm tư, tức là chúng ta sống thiếu khả năng gạn lọc. Nếu chúng ta sống thiếu gạn lọc, thì bất cứ cái gì cũng có thể đổ dồn vào

trong đời sống của chúng ta được và chính cái đó đã làm cho ta bị đánh mất ta. Đức tính trầm tư của người Huế có được là do chịu ảnh hưởng tinh thần thiền học Phật giáo, chính điều đó khiến cho người Huế có một tinh thần gạn lọc rất sâu khi tiếp nhận những cái từ bên ngoài và nó làm nên màu sắc của Phật giáo Huế. Vì vậy, Phật giáo Huế mang màu sắc chiều sâu của tâm linh, nên chỉ những người có chiều sâu tâm linh mới thích Phật giáo Huế. Và những người hời hợt, thì họ thích Phật giáo theo thời đại, Phật giáo thời đại được ví như thương trường, nước lũ!

Không những Thiền ảnh hưởng đến đời sống người dân Huế mà Tịnh độ cũng vậy. Tịnh độ là gì? Tịnh độ không phải chỉ niệm Phật để cầu sanh về cảnh giới ngài A Di Đà, mà sự thâm sâu của Tịnh độ là thiết lập quê hương Tịnh độ ngay ở đây, ngay trên quê hương đất nước của mình, và ngay ở nơi tâm linh của mỗi chúng ta. Ở trong tâm của mỗi chúng ta đều có một quê hương Tịnh độ, ở đó có đức Phật A Di Đà, nên phần nhiều gia đình người Huế đều có bàn thờ Phật, để làm tín ngưỡng tâm linh chung cho gia đình và trong mỗi gia đình ấy, mỗi người lại có mỗi bàn thờ tâm

linh riêng cho chính mình nữa. Nhờ nền tín ngưỡng như vậy, nên con người Huế phần nhiều có khả năng tự tin và chính đức tính tự tin đó đã giúp con người Huế đối phó được với mọi khắc nghiệt. Vì tin vào cái vốn có ở trong mình, nên có khả năng khắc phục được những khó khăn do hoàn cảnh đem lại. Và chính điều đó cũng đã làm cho người Huế có tinh thần thiếu dục tri túc của đạo Phật.

Thiếu dục là ít muốn. Tri túc là biết đủ. Do ảnh hưởng tư tưởng thiếu dục và tri túc của đạo Phật, nên phần nhiều người Huế ít đua đòi, biết vừa đủ. Bởi vậy, khi đến Huế, quý vị có thể thấy người Huế nghèo, nhưng nhà cửa vẫn tươm tất, ăn mặc vẫn lịch sự. Một người bạn từ xa đến Huế, họ thấy cách ăn mặc, nhà cửa, cũng như sự tiếp đãi của người Huế, họ tưởng rằng, nhà bạn mình ở Huế giàu có vật chất lắm, nhưng không phải vậy, họ chỉ giàu có tấm lòng. Người Huế có thể họ không có tiền tích lũy, họ có thể hết gạo, nhưng vẫn tìm cách có gạo để nấu cơm và mời bạn ở lại dùng cơm một cách chân tình. Đó là đặc điểm của người Huế, đặc điểm đó đã ảnh hưởng tinh thần thiếu dục tri túc của Phật Giáo.

Thêm đặc điểm nữa của người Huế là họ sống với nhau bằng tấm lòng. Tấm lòng mới quý chứ không phải tiền bạc. Tại sao như vậy? Bởi vì người Huế đã ảnh hưởng tinh thần Phật giáo rất sâu, Phật dạy: “Tâm làm chủ. Tâm tạo tác tất cả”. Ta đến với người bằng tâm an lạc, thì hạnh phúc luôn luôn có mặt. Nếu ta đến với người với tâm hẹp hòi, ích kỷ, thì khổ đau luôn luôn có mặt trong ta. Bởi vậy, người dân Huế có một câu nói rất là hay: “Tiếng chào cao hơn cổ”. Tiếng chào, tiếng mời nhau cao hơn cả mâm cao cỗ đầy. Tất cả những đặc điểm đó của người Huế đã ảnh hưởng từ giáo lý Nhân thừa, giáo lý Từ bi của Phật giáo.

Tư tưởng Giáo học của Phật giáo cũng ảnh hưởng dân Huế. Người Huế dù sống trong tình cảnh khó khăn nào, cũng cố gắng vươn mình đến với sự học. Họ không học được ở trường, thì họ cũng tự học ở nhà, ở bạn bè, ở môi trường làm việc hay họ tự học từ cuộc sống. Do ảnh hưởng tinh thần Giáo học Phật giáo mà người Huế rất chịu khó học hành. Nên, dù cha mẹ nghèo bao nhiêu đi nữa, họ vẫn bán ruộng vườn, nhà cửa hay đi làm thuê cho con được ăn học, bởi vì họ nghĩ rằng, không học thì không có trí tuệ, mà

không có trí tuệ thì không thể giải mã được những vấn đề trong cuộc sống của con người. Chính vì vậy, nên tinh thần duy tuệ thị nghiệp của Phật Giáo đã ảnh hưởng rất lớn đến người dân ở đây.

Tinh thần Mật Tông cũng đã ảnh hưởng đến dân Huế. Mật Tông là gì? Mật Tông là giáo lý đòi hỏi người thực hành, thực tập phải có một định lực cao và sâu khi đọc lên câu thần chú. Vậy, câu thần chú là gì? Thần chú là ngôn ngữ của thế giới thiền định. Một ngữ ngôn trong câu thần chú có thể tóm thâu mọi tinh yếu của giáo nghĩa, và có khả năng biểu hiện vô lượng nghĩa, nhằm giúp cho hành giả có thể đi sâu vào thiền định và tuệ quán. Trong cuộc sống, có những điều chúng ta không lý giải được bằng kiến thức mà bằng kinh nghiệm, hay bằng chính cuộc sống. Có những người bảo rằng, Mật Tông là giáo lý cậy nhờ tha lực và mang tính quyền năng, nên Phật giáo Mật Tông là Phật giáo quyền năng. Sự nhận định như vậy không có gì chính xác cả. Bởi lẽ, không có hành giả Mật Tông nào tu tập thành công, nếu ba nghiệp của họ không thanh tịnh và nhất như. Nhờ ba nghiệp của hành

giả Mật Tông thanh tịnh và nhất như, nên câu thần chú do họ trì tụng đã tạo nên một năng lực phi thường, có sức mạnh chuyển hóa mọi ước mơ trở thành hiện thực. Nên, Mật Tông không phải hoàn toàn dựa vào tha lực mà chủ yếu là tự lực. Tinh thần Mật Tông như vậy, cũng đã ảnh hưởng rất nhiều đối với quần chúng xứ Huế.

Tinh thần Luật Tạng cũng ảnh hưởng đến người Huế. Luật tạng là gì? Đó là kho tàng giới luật. Luật là những quy định về những điều nên làm và những điều không nên làm, và những quy định cụ thể để xét xử đúng hay sai của một hành vi. Nếu một hành vi mà không có luật, thì không biết dựa vào đâu để phán xét đúng sai. Giới luật đó đã ảnh hưởng ra giữa xã hội và tạo nên một nếp sống đạo đức của người dân Huế. Bởi vì, luật Phật giáo đã nói rằng: “Hiếu danh vi Giới, diệp danh chế chỉ”. Hiếu chính là Giới, là đạo đức. Hiếu là giới luật có khả năng ngăn ngừa những điều ác của thân, ngữ và ý. Vì vậy, ở Huế con cái rất ít khi ngỗ nghịch với cha mẹ và cha mẹ hết lòng thương con cái. Điều đó không phải là tuyệt đối, nhưng nó có một giá trị phổ quát. Đó là một trong những đặc biệt của người Huế

nói riêng và người Việt Nam nói chung. Và tiêu biểu là vị Sơ Tổ của chùa Từ Hiếu đã được vua Minh Mạng cung thỉnh làm Tăng Cang Linh Hựu Quán và chùa Giác Hoàng ở kinh thành. Tăng là Tăng đoàn, tức là đoàn thể tăng sĩ Phật Giáo. Cang là cương lĩnh. Tăng Cang là vị thầy nắm vững cương lĩnh trong Tăng giới, để giữ đạo và giúp đời.

Bởi vậy, thời đại nào mà nền đạo đức bị suy thoái, vì Phật giáo bị băng hoại, nên thời đại đó trước sau gì cũng bị tiêu vong. Cụ thể nhất là hai chế độ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Nguyễn Văn Thiệu, bị sụp đổ cũng chỉ vì một trong những nguyên nhân là chèn ép và nỗ lực phân hóa Phật giáo. Trong lịch sử, vua Lê Long Đĩnh đã róc mía trên đầu các nhà sư, chính vì những hành vi đó đã khiến cho triều đại của ông bị kết thúc sớm. Và thời đại nào Phật giáo hưng thịnh, thì thời đại đó có đạo đức và xã hội hưng thịnh. Thời đại nào biết ủng hộ Phật giáo, biết sử dụng giáo lý của Phật giáo trong cuộc sống, để định hướng chính sách an dân, thì chế độ đó tồn tại lâu dài, vì được dân kính mến. Như trong triều Nguyễn, tuy rằng, họ thiết lập thể chế chính trị trên nền tảng của Nho giáo, nhưng



cuối cùng chúa Nguyễn Phúc Chu đã viết bốn chữ “Cư Nho mộ Thích”, trong bia ký chùa Linh Mục để chỉ đạo cho hệ tư tưởng chính trị của ông. Cư Nho, tức là đối với việc ăn ở, thì dựa vào Nho giáo để ổn định xã hội. Nhưng, về mặt giá trị tinh thần, văn hóa và tâm linh, thì lấy Phật giáo làm nền tảng cho cuộc sống của con người và xã hội. Mộ Thích là ngưỡng mộ Giáo pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nghĩa là giải quyết dân sinh không dừng lại ở nơi Nho giáo, mà phải nâng cao và giải quyết đời sống ấy theo tinh thần Phật giáo và xem đó là một nguồn suối tâm linh của con người, và của cả dân tộc. Khi nguồn suối tâm linh nhân ái, từ bi chảy vào trong đời sống của con người, thì gia đình ổn định, xã hội an hòa. Trong nếp sống gia đình, cha là cha, mẹ là mẹ, con là con và trong xã hội, vua là vua, quan là quan, dân là dân và không có sự lằng lẩn giữa vị trí này với vị trí khác. Từ xưa đến nay, luật pháp của các quốc gia tiến bộ trên thế giới không ra ngoài Năm giới của đạo Phật và mọi hiến pháp, luật pháp đều được thiết lập trên nền tảng của Năm giới ấy. Chúng ta thử nghĩ có luật pháp nào ca ngợi, hay cho phép hành vi giết người không? Nên ngay Giới thứ nhất trong năm giới của đạo Phật là

cấm giết hại con người và chúng sinh. Giới thứ hai là cấm trộm cắp, không có bất cứ luật pháp của quốc gia nào ủng hộ việc trộm cắp cả. Trong Giới luật của Phật giáo, cấm trộm cắp dù dưới bất cứ hình thức nào, để tạo nên sự quân bình giữa cung và cầu, và bảo đảm tính chất công bằng của xã hội. Giới thứ ba là cấm tà dâm, thử hỏi có luật pháp của quốc gia tiên bộ nào ủng hộ sự tà dâm không? Nếu tà dâm, thì sẽ đưa đến những tệ nạn xã hội khác, nên những quốc gia man rợ, kém cỏi mới hỗ trợ cho việc mua dâm và bán dâm. Chính vì thấy được những sự nguy hiểm cho nhân cách con người và xã hội, do tà dâm mang lại, nên Giới luật của Phật giáo đã cấm. Nam và nữ chỉ quan hệ với nhau hợp pháp, hợp pháp ở đây là được sự đồng ý của hai bên và phải được hai gia đình của hai phía đồng tình cũng như được luật pháp quốc gia bảo hộ. Nếu thiếu một trong những yếu tố trên, thì sự quan hệ nam nữ đều là phi pháp. Từ đó chúng ta có thể thấy được luật của Phật cực kỳ văn minh, nó tạo nên những ảnh hưởng tốt cho đời sống của con người, gia đình và xã hội. Giới thứ tư là cấm nói láo. Nói láo là gì? Nói láo là tâm chúng ta nghĩ một đường, mà miệng của chúng ta lại nói một nẻo. Tâm chúng ta nghĩ

một đường, nhưng thân chúng ta lại hành động một nẻo, như vậy gọi là nói láo và làm láo. Chúng ta thấy có quốc gia văn minh nào trên thế giới mà luật pháp của họ lại ca ngợi sự nói láo đâu! Chúng ta, ai lại không mong muốn được nghe sự thật, ai cũng mong muốn tìm hiểu sự thật, cho nên Giới thứ tư của đạo Phật đã nói lên được cái khát vọng của con người. Chúng ta có biết rằng, chính trí tuệ, tri thức, và ý thức là những cái quý báu nhất của loài người. Con người khác con vật chỉ ở ý thức cao cấp, vậy lấy cái gì để bảo vệ cái ý thức, cái trí thức, cái trí tuệ cao cấp đó, phải lấy Giới thứ năm của Phật giáo là cấm uống rượu hay cấm sử dụng các chất men có khả năng làm tê liệt ý thức để bảo vệ. Rượu hay những chất men ấy nếu ta sử dụng, nó có khả năng gây tê liệt ý thức, trí thức và trí tuệ của chúng ta, đẩy chúng ta xuống với đời sống bản năng, thú vật. Chúng ta thấy có quốc gia nào cổ vũ cho việc gây mê con người đâu! Cho nên, bây giờ người ta mới cấm buôn lậu ma túy, thuốc phiện, còn rượu thì chưa cấm nấu và bán. Trong khi đó, đạo Phật đã cấm triệt để nấu, bán và uống rượu. Vì vậy, một xã hội văn minh, công bằng là một xã hội nào? Đó là xã hội con người đến với

con người bằng tình người, biết thương yêu nhau, biết bảo vệ nhau và không tàn hại lẫn nhau. Xã hội công bằng, văn minh là xã hội, trong đó không ai được xâm phạm vào tánh mạng và tài sản của ai. Xã hội công bằng, văn minh là một xã hội mà mọi phẩm giá của con người được tôn trọng và sự thực phải được bảo vệ. Xã hội đó phải không ngừng nâng cao ý thức tự giác, tự trọng và trí tuệ của con người. Những chất liệu văn minh đó đã trở thành nếp sống của người Phật tử Huế nói riêng và người Việt Nam nói chung, chúng đã làm nền tảng cho đạo đức xã hội và dù cho một xã hội văn minh đến đâu cũng không thể vượt qua rào cản đó. Gọi là một xã hội công bằng và văn minh, thì không thể là giết người hàng loạt. Xã hội công bằng văn minh thì không thể làm ít hưởng nhiều và cũng không cần bày đặt ra những lễ lối hành chánh phức tạp để gây khó dễ con người nhằm thủ lợi, nhằm ăn hối lộ. Sống trong một xã hội mà nam nữ hư thân mất nết thì không thể gọi là một xã hội công bằng văn minh. Con người không còn tin tưởng vào phẩm giá và lời nói của nhau, họ xem thường phẩm giá và nói láo với nhau như ăn cơm bữa thì làm sao gọi là một xã hội công bằng văn minh! Trái mướp đắng ngày qua mới

còn nhỏ, hôm nay bơm chất hóa học vào cho nhanh lớn để đem bán lấy tiền, cái đó gọi là văn minh khoa học kỹ thuật, nhưng lại là đại tụt hậu về văn minh nhân bản. Con gà lẽ ra một ngày đẻ một trứng, mình dùng phương pháp khoa học để nó đẻ một ngày hai, ba quả trứng, như vậy là gọi là văn minh sao! Bóc lột con người đã tàn nhẫn, huống chi là phỉn gạt và bóc lột những loài thấp kém hơn mình. Cho nên, giáo lý đạo Phật không những bảo vệ con người, bảo vệ công bằng lẽ phải mà còn tôn trọng và bảo vệ muôn loài, muôn vật và thiên nhiên nữa. Chính vì vậy, trải qua hơn hai ngàn năm lịch sử, Phật giáo đã gắn liền với dân tộc Việt Nam. Dân tộc thịnh thì Phật giáo thịnh; Phật giáo thịnh thì dân tộc thịnh. Phật giáo thịnh thì đạo đức, nề nếp văn hóa được phát triển. Phật giáo suy thì dân tộc suy, vì không còn cơ sở đạo đức để duy trì. Và trong hai ngàn năm suy thịnh ấy của dân tộc và của Phật giáo, thì Phật giáo Huế đã gắn liền với vận mệnh suy thịnh ấy gần ngót bảy trăm năm. Trong thời gian gần ngót bảy trăm năm ấy, Phật giáo Huế vừa bao dung vừa gạn lọc để tạo nên những tinh chất đặc thù của chính mình.

## **Cởi mở những nghi tình**

Thưa quý vị, chúng tôi đã chia sẻ đến quý vị về lịch sử Phật giáo Việt Nam nói chung và Phật giáo Huế nói riêng, bây giờ quý vị có thắc mắc gì không?

### **Sinh viên hỏi:**

- Vì sao đĩa trái cây trên bàn thờ luôn có một quả cao hơn những quả khác?

Đáp:

Quý vị biết không, khi ta cắm một bình hoa, hay đơm một đĩa trái cây, thì luôn có một cái cao hơn để làm chuẩn cho những cái khác. Nó được xem như làm trụ cột cho những cái khác dựa vào để sinh khởi và tồn tại. Cho nên, trong giáo lý Phật giáo đã nói rằng, mọi sự hiện hữu không có gì ngoài Nhân và Quả! Cái giữa mà cao là biểu tượng cho nhân, từ nơi nhân mà sinh khởi quả và ngay nơi quả ấy lại sinh khởi nhân.

Quý vị có thấy chiều sâu tâm linh của tổ tiên ta không, tổ tiên chúng ta làm bất cứ cái gì cũng có một ý nghĩa sâu xa.

Khi cắm một bình hoa, thì bình hoa đó phải nói lên được một ý nghĩa gì? Khi đơm một đĩa trái cây, thì đĩa trái cây ấy phải nói lên được một ý nghĩa gì? Chính từ ý nghĩa đó mà sinh khởi triết lý, văn hóa, nghệ thuật, thẩm mỹ, văn chương... Chiều sâu của văn chương là triết lý, chiều sâu của triết lý là đạo lý và chiều sâu của đạo lý là tâm linh, và phải là con người có chiều sâu tâm linh mới cảm nhận được điều đó. Còn nếu chúng ta sống hời hợt, thì sống suốt đời chỉ lo cơm ăn, áo mặc, chúng ta sinh ra chỉ để lãng xãng với những cái đó, rồi chết đi, cuộc sống của con người chỉ chừng ấy thôi, thì thật là buồn cười và vô duyên!

**Sinh viên hỏi:**

- Tại sao trong chùa lại có nhà sư mặc áo đà, có sư mặc áo vàng, có sư mặc áo lam?

Đáp:

Trong Pháp phục của Phật giáo, có Pháp phục nghi lễ, có Pháp phục thường nhật. Thường phục trong chùa và thường phục đi ra ngoài. Y phục màu vàng dành cho những buổi lễ Tôn giáo. Áo tràng dài màu nâu dành để đi

ra ngoài xã hội và cho những buổi lễ có tính chất hành chánh, giảng dạy. Y phục màu lam, hay đà dành cho những sinh hoạt hàng ngày ở trong chùa. Chiếc áo của vị Tăng sĩ mặc gọi là chiếc áo hoại sắc. Hoại sắc là màu sắc chính bị phá hỏng, nghĩa là người Tăng sĩ Phật giáo không đi theo màu sắc của thế tục, không để bị màu sắc của thế tục cuốn hút, chi phối. Người Tăng sĩ Phật giáo phải đi theo tâm Bồ đề, quay về ôm lấy tâm ấy nơi chính mình và làm cho tâm ấy càng lúc càng lớn mạnh, vững chãi. Bởi vì tâm là gốc rễ của mọi vấn đề dù là Niết bàn hay sinh tử, dù là giác ngộ hay mê lầm, dù là phàm hay thánh. Nên, mặc chiếc áo hoại sắc nó có một ý nghĩa sâu xa như vậy.

### **Sinh viên hỏi:**

- Năm giới cấm là giới căn bản của Phật giáo đồng thời các nước cũng thiết lập luật pháp dựa trên cơ sở đó. Xin thầy chia sẻ thêm ý nghĩa sâu sắc ở trong đó.

Đáp:

Giới luật của Phật giáo sâu sắc lắm! Nếu quý vị xây dựng một ngôi nhà, nhưng nền móng không vững chãi, thì ngôi



nhà đó sẽ như thế nào? Có phải bị sụp đổ ngay không? Cũng vậy, con người muốn tiến lên cao hơn, thì phải thiết lập căn bản đạo đức từ Năm giới. Năm giới cấm là đạo đức căn bản của cuộc sống, là nền tảng đạo đức của con người dù người ở châu Âu hay châu Á, dù là người xưa hay người nay, nếu vượt qua năm điều đó là phi đạo đức, là không còn nhân tính. Nền tảng đạo đức được thiết lập trên nền tảng của Năm giới, trong thuật ngữ chuyên môn của Phật giáo gọi nền tảng đạo đức ấy là đạo đức tự nhiên của con người. Cũng từ Năm giới đó mà con người có thể đi lên cao hơn, để trở thành một bậc Thánh. Nên Năm giới là điểm gặp gỡ giữa con người và thánh nhân. Nếu sự sinh hoạt của con người dưới mức Năm giới, thì điểm đến của con người là thú vật.

Quý vị nghĩ như thế nào là một con người hạnh phúc trong thế giới loài người? Đó là điều mà chúng ta phải đặt ra và đi tìm một giải mã cho nó. Chúng ta đi tìm đạo đức, chúng ta đi tìm hạnh phúc, chúng ta muốn hoàn thành nhân cách đạo đức của mình, nhưng chúng ta không biết chất liệu nào tạo nên nhân cách đạo đức và hạnh phúc cho chúng ta

thì làm sao chúng ta có thể tìm kiếm, tạo ra và sống cùng với chúng? Và thế nào là một mẫu người lý tưởng ở trong thế giới loài người?

Mẫu người lý tưởng ở trong thế giới loài người phải là mẫu người có được năm chất liệu sau đây:

- Thứ nhất là người sống lâu: Ai trong chúng ta lại không muốn mình sống lâu, từ người nghèo cho đến người giàu, người trí cũng như người ngu, từ con vật trong rừng sâu đến con vật ở dưới nước, có ai muốn mình chết sớm đâu! Tất cả đều muốn sống lâu. Sống lâu là khát vọng muôn thuở của con người, vậy thì con người phải giữ giới không giết hại sự sống. Nếu chúng ta không tôn trọng sự sống của mọi người và mọi loài, thì mọi người và mọi loài cũng chẳng tôn trọng sự sống của chúng ta. Chúng ta có tôn trọng sự sống, thì chúng ta mới sống lâu được. Nên, giữ giới không giết hại sự sống sẽ tạo ra chất liệu sống lâu cho chính chúng ta.

- Thứ hai là sống giàu có: Sống lâu mà nghèo khổ, đói không có cơm ăn, lạnh không có áo mặc, sống lâu mà phải

đi xin ăn, như vậy có khổ không? Vậy, ước vọng thứ hai của con người là giàu có! Muốn giàu có thì chúng ta phải làm gì? Chúng ta phải tôn trọng tài sản của người khác. Cái làm cho chúng ta nghèo đi là ăn trộm. Ăn trộm là do tham. Tham làm cho chúng ta nghèo. Ở trong đời có người nào tham mà giàu đâu! Dù cho họ ở nhà lầu, tiền bạc đầy kho, nhưng mà tham thì họ vẫn nghèo, vẫn lo lắng, sợ hãi và khổ đau thôi! Vì tham nên đi ăn trộm, không ai tham mà giàu cả. Nên chúng ta muốn giàu có thì phải giữ giới không trộm cắp. Giữ giới không trộm cắp có khả năng chế tác ra chất liệu giàu có.

- Thứ ba sống đẹp đẽ cả thân thể lẫn tâm hồn: Sống lâu, giàu có nhưng xấu xí, như vậy có hạnh phúc không? Ai cũng thích sống lâu, giàu có, thân thể đẹp đẽ. Muốn vậy, chúng ta phải giữ giới không được tà dâm. Giữ giới này có khả năng chế tác ra sắc đẹp của thân thể và tâm hồn .

- Thứ tư sống có uy tín và danh thơm: Sống lâu, giàu có và đẹp đẽ, nhưng cái đẹp như cái đẹp của hoa nhựa thì có ai muốn không? Đẹp, nhưng phải có danh thơm, phải có uy tín, cái đẹp đó phải không bị người khinh, đẹp phải có

hương vị, để được như vậy chúng ta phải giữ giới không nói láo. Một đứa con nít, nhưng nó biết nói thật, nói đúng, thì nó vẫn có được uy tín. Còn người lớn mà nói láo, nói xuyên tạc, thì vẫn bị người ta khinh. Người ta chỉ nói láo một, hai lần, đến lần thứ ba mà nói láo, thì chẳng còn ai tin nữa. Nên ở đời có những người sống lâu, giàu có, đẹp đẽ nhưng hay đi lừa bịp người khác, nên họ chẳng có uy tín gì, họ đi đến đâu cũng như đem hoa nhựa đi theo vậy và cuộc sống của họ như loại hoa nhựa vậy. Giữ giới không nói láo có khả năng chế tác ra những chất liệu uy tín và danh thơm trong cuộc sống.

- Thứ năm sống có hiểu biết và thông minh: Con người sống lâu, giàu có, đẹp đẽ, có uy tín, nhưng lại thiếu sự hiểu biết chuẩn xác, thiếu trí tuệ để quyết trách mọi vấn đề thì cũng không thể gọi là người sống có hạnh phúc được. Vậy, muốn có trí thức, có trí tuệ và muốn có uy tín để quyết đoán mọi vấn đề một cách chính xác thì phải giữ giới không được uống rượu, hay không được sử dụng những chất làm tê liệt ý thức. Giữ giới không uống rượu và không sử dụng những chất làm tê liệt ý thức, không những chúng

có khả năng bảo toàn cho sự sống lâu, giàu có, thân thể đẹp đẽ, và sống có uy tín, danh thơm mà còn có khả năng chế tác ra sự hiểu biết và thông minh nữa.

Như vậy, theo Phật giáo một mẫu người lý tưởng, sống hạnh phúc giữa thế giới loài người phải là người hội đủ năm chất liệu: sống lâu, giàu có, đẹp đẽ, uy tín và có trí tuệ. Con người đầy đủ năm chất liệu trên là một con người hạnh phúc. Muốn được vậy, chúng ta phải thực hành những điều Phật dạy. Chính nhờ giữ Năm giới đó mà chế tác ra phẩm chất hạnh phúc của con người và từ đó đời sống con người mỗi ngày mỗi đi lên.

Trong gia đình, từ một người giữ Năm giới, hai người giữ Năm giới, đến năm, bảy người ai cũng giữ gìn Năm giới như vậy, chắc chắn sẽ chế tác ra chất liệu hạnh phúc cho gia đình. Nhiều gia đình biết giữ gìn Năm giới quý báu ấy, sẽ chế tác ra chất liệu bình an cho xã hội. Trong một quốc gia từ vị nguyên thủ cho đến muôn dân, ai cũng biết giữ gìn Năm giới quý báu này, thì quốc gia ấy sẽ chế tác chất liệu thanh bình thịnh trị, chứ còn chạy đi tìm kiếm sự thanh bình thịnh trị ở nơi nào!

Ở Việt Nam, chùa Một Cột tại Hà Nội được xây dựng từ đời Lý là có ý nghĩa gì? Tại sao lại là một cột? Vào đời Lý, Phật giáo là tư tưởng chủ đạo để xây dựng và phát triển đất nước, là cột trụ duy nhất để chống đỡ đất nước từ bốn phía và phát triển ra cả bốn phía. Tất cả những làn văn hóa những tư tưởng bên ngoài đi vào Đại Việt đều thẩm thấu và gạn lọc bởi tư tưởng trụ cột của đất nước và từ tư tưởng trụ cột đó phát triển ra khắp cả bốn phương, đó là ý nghĩa chùa Một Cột. Nó tiêu biểu cho cột trụ của đất nước là chống đỡ và phát triển đất nước này ra khắp cả bốn phương.

Như vậy, quý vị đã thấy được sự ảnh hưởng rất lớn của Phật giáo trên đất nước Việt Nam cũng như trên xứ Huế, và giáo lý Phật giáo đã đi vào lòng người như thế nào rồi! Con người ta khi đã no cơm, ấm áo rồi, thì con người phải là người kia! Tức là phải có sự thăng hoa, chứ không dừng lại ở cơm ăn, áo mặc. Nếu chỉ có cơm ăn, áo mặc, thì con người đâu đến nổi vất vả và đau khổ đến như thế, và các loài vật khác đâu có phải đau khổ đến như thế tại bởi sự tàn hại của con người!

Những gì tôi đã chia sẻ đến quý vị thật quá ít ỏi, so với những gì mà Phật giáo đã đóng góp vô cùng lớn lao cho thế giới con người nói chung và cho đất nước Việt Nam nói riêng. Sau cùng tôi xin cảm ơn quý thầy, cô giáo và các sinh viên, đã vì sự nghiệp trí thức mà đã nỗ lực học hỏi và biết lắng nghe những gì chúng tôi đã chia sẻ. Kính chúc quý vị có nhiều hạnh phúc và an lạc để học hỏi, thăng hoa và phụng sự.

Cuối cùng, vị giáo viên hướng dẫn đoàn đứng dậy cảm ơn Thầy đã cho họ cơ hội nghe Phật Pháp, điều vô cùng hữu ích cho đời, mà tuổi trẻ hiện nay rất cần thiết để áp dụng vào cuộc sống.

Sau buổi giảng đạo pháp đầy ý nghĩa, quý thầy, cô giáo viên cùng các em sinh viên trường đại học Vinh có thêm được nhiều sự hiểu biết mới và cảm thấy rất là hạnh phúc khi đến Huế tìm hiểu và nghiên cứu Phật Giáo./.

## BẦU TRỜI VẼN XANH TRONG

*Đây là bài pháp thoại được nói tại Thất Lăng Nghe ở chùa Từ Hiếu – Huế vào ngày 01.08.2004 của Thầy Thích Thái Hòa cho các giáo sư và sinh viên đến từ các trường đại học Mỹ và Anh trong chuyến viếng thăm Việt Nam.*

“Xin chào tất cả các bạn,

Để đáp ứng yêu cầu của các bạn, chúng tôi xin chia sẻ một phần nào những ước muốn của các bạn. Bây giờ, tôi xin mời các bạn đi vào nội dung của vấn đề. Tôi muốn hỏi các bạn rằng, tại sao các bạn quan tâm đến Phật giáo trong đời sống của các bạn? Xin các bạn hãy trả lời.”

- Các sinh viên: “Tại vì chúng cháu muốn hiểu về sống và chết!”

### **Sống và chết**

Tất cả quý vị vì muốn hiểu rõ về sự sống và chết, cho nên



muốn tìm hiểu Phật giáo đã giải quyết vấn đề đó như thế nào, có phải vậy không? Tôi muốn trả lời với tất cả các bạn rằng: Ta sống như thế nào thì ta sẽ chết như thế đó. Xin các bạn cùng chúng tôi nghe tiếng chuông để thấy rõ sự sống và chết của một tiếng chuông. (Thình chuông, tiếng chuông bắt đầu ngân lên, và sau đó tiếng chuông từ từ đi vào sự yên lặng).

Các bạn đã cảm nhận được gì, khi nghe tiếng chuông?

Các bạn có thấy không, tiếng chuông ngân lên là nhờ có điều kiện. Khi có điều kiện tay tôi đánh vào chuông, thì tiếng chuông ngân lên. Và như vậy là sự sống của tiếng chuông có mặt. Khi không có điều kiện để tiếng chuông ngân lên, thì tiếng chuông lắng yên. Tiếng chuông lắng yên là sự chết của tiếng chuông có mặt. Nhưng, sự sống và chết của tiếng chuông không bao giờ hết. Nếu tiếp tục có điều kiện thì tiếng chuông tiếp tục sống; nếu thiếu điều kiện thì tiếng chuông tiếp tục chết. Sống và chết của một tiếng chuông tùy thuộc vào sự có mặt của các điều kiện hay không có mặt của các điều kiện. Nếu có điều kiện thì cái chết của tiếng chuông tiếp tục sống trở lại. Cũng vậy,

khi có đủ điều kiện thì sự sống của chúng ta có mặt và khi không đủ điều kiện thì sự sống của chúng ta ẩn tàng hay chết đi. Cho nên, tôi muốn nói với các bạn rằng, không có cái gọi là sống thật, tuy chúng ta đang có mặt đây, chúng ta đang sống đây, nhưng chỉ là sống giả tạm. Và tôi cũng muốn nói với các bạn rằng, chúng ta đã không có cái sống thật, thì chúng ta cũng không có cái chết thật. Sống đã giả, thì chết cũng chỉ là giả mà thôi. Nên, chết là để tiếp tục sống và sống là để tiếp tục chết. Nhưng, hiện nay tất cả chúng ta là những người đang sống cả, nên trong chúng ta chưa ai có kinh nghiệm về cái chết hết.

Bây giờ các bạn muốn biết mình sẽ chết như thế nào, thì các bạn hãy nhìn sâu vào để thấy mình đang sống như thế nào. Nếu chúng ta sống có hạnh phúc, thì chúng ta chết cũng sẽ có hạnh phúc. Nếu chúng ta đang sống có nhiều đau khổ, thì chúng ta chết cũng sẽ có nhiều đau khổ. Chúng ta sống có quá nhiều sự bận rộn, thì chúng ta chết cũng có nhiều sự bận rộn. Do đó, đạo Phật giúp cho chúng ta sống có hạnh phúc ngay trong cuộc đời này. Nếu trong cuộc sống này, ta sống có hạnh phúc, ta sống có an lạc, thì khi ta chết,

ta cũng chết trong an lạc. Nhưng, tôi muốn nói với các bạn rằng, chính mình phải chịu trách nhiệm về hành vi sống chết của mình, mà không phải một ai khác hay từ một thế lực nào khác chịu trách nhiệm về hành vi ấy. Bây giờ tôi muốn hỏi các bạn, các bạn đã thực sự sống chưa hay các bạn là những người đang chuẩn bị cho sự sống?

- Các sinh viên hỏi: Làm sao mà cháu biết là mình đang thực sự sống hay là mình đang chuẩn bị cho sự sống?

- Các bạn đang chuẩn bị sống, có nghĩa là các bạn đang học đại học, các bạn sẽ có mảnh bằng, rồi sau cái mảnh bằng đó, các bạn sẽ có công ăn việc làm; các bạn sẽ có chồng, có vợ, có con và có sự nghiệp trong cuộc đời này. Tất cả những cái đó đều là những cái chuẩn bị sống. Các bạn có hiểu không?

Và ta sống bằng sự chuẩn bị như vậy, thì chúng ta đã chết. Bởi vì sao? Bởi vì chết là chuẩn bị cho cái sống. Tất cả chúng ta chuẩn bị cho sự sống, cho nên trong sự chuẩn bị đó thì chúng ta chưa sống, chưa sống nghĩa là chúng ta đã chết. Do đó, đạo Phật giúp cho chúng ta không phải để

chuẩn bị sống mà phải thực sự sống; sống hết lòng và hết mình trong từng giây phút của sự sống.

Các bạn phải hiểu rằng, sống là thở; chết là ngưng thở và chuẩn bị sống tức là chưa chịu thở. Như vậy, tất cả chúng ta đều là những người chuẩn bị thở cả, chứ chưa ai chịu thở hết. Nên, đó là một định nghĩa sống và chết rất chuẩn xác trong đạo Phật.

Sống là gì? Sống là thở. Chết là gì? Chết là không còn thở. Và chuẩn bị cho đời sống trong tương lai, nghĩa là chuẩn bị thở. Bây giờ đây xin quý vị nghe tiếng chuông và hãy tiếp xúc với sự sống trong từng khoảnh khắc này qua hơi thở. (Tiếng chuông được Thầy Thái Hòa thỉnh lên và tất cả mọi người đều ngồi yên lắng để theo dõi hơi thở).

Cho nên, chúng ta tiếp xúc với sự sống là tiếp xúc với hơi thở trong từng giây phút. Thấy rõ được sự sống là thấy rõ được hơi thở của chúng ta trong từng giây phút.

Xin các bạn cùng chúng tôi nghe thêm một tiếng chuông nữa, để chúng ta tiếp tục theo dõi hơi thở và để chúng ta thực sự sống và thực sự tiếp xúc với sự sống. (tiếng

chuông ngân lên).

## **Có một người yêu**

Nói chuyện với các bạn đến đây, bây giờ, tôi muốn hỏi các bạn rằng, các bạn đã có người yêu chưa? (Các sinh viên, một số vị trả lời đã có và một số vị trả lời chưa có).

Quý vị nào đã có người yêu rồi, thì đúng là quý vị có sự sống và quý vị nào chưa có người yêu là người đó chưa có sự sống.

Nhưng, dù các bạn đã có người yêu hay chưa có người yêu, thì chắc chắn rằng, các bạn cũng chưa thể nhận diện được người yêu đích thực của các bạn là gì. Các bạn biết rằng, sống trong đời này, tôi cũng có một người yêu, thầy Từ Niệm cũng có một người yêu, thầy Thanh Tâm cũng có một người yêu và thầy Thanh Hương cũng có một người yêu; nhưng người yêu của chúng tôi không phải là một người đàn bà và cũng không phải là người đàn ông. Người yêu của chúng tôi là hơi thở của chúng tôi. Người yêu đó luôn luôn có mặt với chúng tôi một trăm phần trăm. Ngay cả những khi mà chúng tôi làm việc, ngồi thiền, ăn cơm,

ngủ, đi chơi, người yêu đó có mặt với chúng tôi và âm thầm giúp chúng tôi. Và tôi nghĩ rằng, tất cả các bạn cũng có người yêu như thế. Hơi thở là người yêu trung thành và thủy chung với chúng ta nhất. Người yêu ấy trung thành với chúng ta một trăm phần trăm. Còn bất cứ người yêu nào cũng có thể trung thành với chúng ta mười phần trăm, hai mươi phần trăm, năm mươi phần trăm là tối đa mà thôi.

Bởi vậy, chúng ta không trở về tiếp xúc với người yêu của chúng ta là hơi thở, mà chúng ta đi tìm kiếm người yêu bên ngoài, thì chắc chắn chúng ta có rất nhiều niềm vui và sau đó chúng ta cũng có rất nhiều nỗi buồn, khổ đau và sự lo lắng.

Vậy, tôi trả lời lại câu hỏi quý vị sống là gì? – Sống là thở, và chết là gì? Chết nghĩa là không biết mình thở và không còn thở. Sống vui, sống mạnh và sống hạnh phúc là gì? Có nghĩa là ta ý thức được ta đang thở trong từng giây phút của sự sống; và ta trở về với hơi thở của chúng ta là ta ôm lấy hơi thở của chúng ta, là ta ôm lấy người yêu của chúng ta vào trong trái tim, vào trong sự sống của chúng ta; và

mỗi giây phút như thế thì ta thực sự có an lạc và hạnh phúc đầy người. Ta không bao giờ có cảm giác cô đơn để đi kiếm tìm. Chúng ta ưa tìm kiếm bởi vì trong ta có cả một sự trống vắng. Như vậy, hơi thở là sự sống. Yêu hơi thở là ta yêu sự sống; vắng hơi thở là chết, không yêu hơi thở là ta chưa thực sự sống và chưa hề tiếp xúc được với mặt mũi của sự sống là gì. Nên, ta sống như một kẻ đã chết.

### **Cái chết không bao giờ có thực**

Để trở lại với ý nghĩa sống chết. Tôi muốn hỏi, giữa ban ngày, các bạn có thấy mặt trăng không?

- Các sinh viên trả lời: Dạ, không thấy, vì mặt trăng đang ở phía khác của địa cầu.

Như vậy, ban ngày ta không nhìn thấy mặt trăng, chứ không phải là không có mặt trăng trong không gian. Và ban đêm ta không thấy mặt trời, chứ không phải là không có mặt trời trong không gian. Cũng vậy, ta chết có nghĩa là ta ẩn khuất ở mặt này mà ta tồn tại ở mặt kia. Ta chết, nghĩa là ta đang vắng mặt ở nơi này, mà ta đang có mặt ở

nơi kia. Nhưng, sự có mặt của ta ở nơi kia, hạnh phúc hay khổ đau tùy thuộc vào hành động của chúng ta khi ta đang có mặt ở nơi này. Cho nên, những người tu theo Phật giáo không sợ sống - chết mà chỉ sợ rằng, mình sống không đẹp, không hết lòng trong từng khoảnh khắc của sự sống, và không có những hành động cao thượng trong từng khoảnh khắc của sự sống ấy.

Ta hãy thanh thản để sống và sống cho hết lòng, vì cái chết không bao giờ có thực. Chết là để tiếp tục sống mà thôi. Ban ngày các bạn hãy nhìn lên bầu trời, các bạn không tìm đâu ra dấu vết của mặt trăng, nhưng mặt trăng vẫn có mặt trong không gian và hiện đang tỏa chiếu ở bên kia bán cầu. Vậy, các bạn nhìn thấy sự sống chết của mặt trăng như thế nào, thì các bạn cũng có thể hình dung ra được sự sống và chết của các bạn!

### **Nguyên cơ của cơn giận**

Các bạn có khi nào giận không?

- Dạ có.



- Tại sao các bạn giận hờn?
- Bởi vì cháu không làm được một việc gì đấy vì có người lớn hơn ngăn cản cháu.
- Như vậy trong đời sống các bạn giận ai?
- Giận chính phủ - Mathew Miller trả lời.
- Giận cha mẹ - Andrew Kalaris đáp.
- Giận anh chị - Có sinh viên nói.
- Giáo sư Maya Whiteley: tôi giận chính mình.
- Giận bạn bè, giận con người - Có sinh viên nói.
- Giận gia đình – Có sinh viên nói.
- Khi nào cháu giận thì cháu giận tất cả – Có sinh viên nói.
- Các bạn biết không, sống mà có sự giận dữ ở trong con người mình, thì chính mình tự đánh mất hạnh phúc. Và con giận của chúng ta tự tiêu diệt sự sống của chúng ta. Tại sao các bạn lại giận chính phủ, tại sao các bạn lại giận

cha mẹ của các bạn? Tại sao các bạn lại giận chính bạn bè của các bạn? Tại sao các bạn lại giận con người, tại sao các bạn lại giận chính mình?

- Các sinh viên: Tại vì những người ấy làm cho cháu đau khổ.

- Thế thì có khi nào các bạn giận người yêu của mình chưa?

- Giáo sư Maya Whiteley: Dạ có.

- Chúng ta sống với một tâm hồn bất mãn, thì chúng ta hết bất mãn cái này, chúng ta lại bất mãn cái khác. Nhưng mà các bạn đã có phương pháp để chuyển hóa cơn giận của mình chưa?

- Các sinh viên: Dạ chưa.

- Các bạn chưa có phương pháp phải không? Còn giáo sư Bob Lesser có chưa?

- Bob Leser: Dạ, có rồi.

- Thế thì khi bạn giận, bạn làm thế nào, có thể chia sẻ cho

những người xung quanh.

- Bob Leser: Tôi ngồi thiền.

- Còn giáo sư Maya Whiteley thì sao?

- Maya whiteley: Tôi không ngồi thiền mà tôi tự tìm đến một nơi thật yên tĩnh, trong khu rừng chẳng hạn.

“Các bạn thấy không, hạt giống giận dữ luôn luôn có mặt trong đời sống của mỗi chúng ta và cướp mất đi hạnh phúc của chúng ta, thế nhưng không có trường đại học nào dạy cho chúng ta những phương pháp chuyển hóa cơn giận cả. Người ta chỉ dạy cho các bạn cách làm ra tiền, người ta biến các bạn trở thành chuyên viên, chuyên gia, người ta có thể biến các bạn trở thành nhà bác học, nhà khoa học, nhưng mà sự tích lũy kiến thức càng nhiều chừng nào, thì cơn giận của chúng ta càng sắc bén và tinh tế chừng đó.

Các bạn thử nghĩ, khi một ông vua giận dữ thì muôn dân của ông như thế nào? Một vị tổng thống của một quốc gia nổi giận thì quốc dân của ông thế nào và những người thuộc cấp đang phụ tá ông sẽ như thế nào? Và các bạn là những

giáo sư và các sinh viên, các bạn sẽ thấy, khi hiệu trưởng trong trường của mình nổi giận hoặc giáo sư, giáo viên nổi giận thì học sinh và sinh viên như thế nào? Và, trong đời sống gia đình, cha mẹ của chúng ta nổi giận thì con cái như thế nào? Và khi một cặp tình nhân thương nhau, rồi bất chợt nổi giận, thì tình yêu của họ sẽ như thế nào?

Mọi sự khổ đau trong cuộc sống của chúng ta đều là nạn nhân của sự giận hờn. Như vậy, tuổi trẻ của chúng ta phải đặt lại vấn đề: tại sao trong chúng ta đều có cơn giận, đều có sự bực bội, trách móc, nhưng tại sao trong các học đường không đưa phương pháp chuyển hóa cơn giận, chế ngự cơn giận vào học đường để giáo dục mà ổn định đời sống con người!. Phật giáo sẽ giúp cho các bạn chuyển hóa cơn giận bằng những phương pháp sau đây.

Khi mình nhìn một đối tượng mà hình sắc của đối tượng đó làm cho mình không bằng lòng thì cơn giận của mình nổi lên. Khi mình nghe một âm thanh, mà âm thanh đó không đáp ứng được nhu cầu ở trong lòng mình, thì mình nổi giận lên. Có khi mình có nhu cầu nơi đối tượng một điều gì đó, mà đối tượng không đáp ứng đúng nhu cầu của

mình, thì cơn giận của mình sẽ nổi lên. Có khi mình uống một ly nước hoặc ăn một thực phẩm nào đó, mà ly nước hay thực phẩm đó không đáp ứng được sự khát khao của chính mình, thì cơn giận trong mình nổi lên. Có khi mình nhu cầu tình cảm từ một người, mà không được người ấy đáp ứng, thì cơn giận trong mình nổi lên. Có phải cơn giận của các bạn khởi lên từ những điểm như vậy không?

- Các sinh viên: Dạ, đúng vậy.

### **Nhìn sâu để chuyển hóa**

Khi nào cơn giận của các bạn nổi lên từ những nguyên do như vậy, thì xin các bạn hãy uốn lưỡi ẩn lên nóc họng, rồi tập trung tâm ý theo dõi hơi thở. Các bạn thở vào thật sâu và thở ra từ từ. Các bạn thở như vậy đến hai hoặc ba mươi lần, cơn giận của các bạn sẽ từ từ lắng xuống, các bạn có thể làm chủ được tâm ý của các bạn trong những giây phút ấy.

Sau khi cơn giận đã hoàn toàn lắng xuống, nếu các bạn là người giận chính phủ, các bạn sẽ quán chiếu như thế này: “Chính phủ là ai, có phải đó là những người đang giữ gìn

và nắm giữ quyền lực quốc gia không? Nếu quả thực họ là như vậy, thì đó là những người mà trong đời sống của họ gặp khá nhiều khó khăn, họ phải đối đầu nhiều mặt phức tạp của xã hội, họ không có thì giờ để nhìn lại chính họ, họ thực sự không có tự do, đi đâu cũng sợ hãi và đề phòng, nên họ là những người đáng thương hơn là đáng trách”. Chúng ta nhìn nhận vấn đề vừa thực tiễn và vừa sâu sắc như vậy, thì cơn giận của chúng ta đối với những người làm chính phủ sẽ được chuyển hóa.

Nếu các bạn là những người có sự giận hờn và trách móc cha mẹ, thì xin các bạn hãy ngồi thật yên lặng, theo dõi hơi thở vào thật sâu và thở từ từ khoảng hai hoặc ba mươi lần, sau đó các bạn sẽ quán chiếu như thế này: “Cha mẹ của chúng ta là ai, có phải là những người đã từng sinh ra ta và nuôi dưỡng ta, tạo mọi điều kiện cho ta ăn học và tác thành mọi sự nghiệp cho ta không, nếu cha mẹ ta không phải như vậy, thì làm sao có ta ngày nay? Trong quá trình sinh ra ta, nuôi dưỡng ta, tác thành cho ta thành người khôn lớn, cha mẹ ta cũng đã có nhiều lo lắng và sợ hãi, và quý vị cũng đã gặp nhiều khó khăn, từ chính bản thân của

mỗi người, từ sự phối hợp giữa hai người, từ gia đình, dòng họ và từ nhiều mặt khác của xã hội,... nên có khi cha mẹ của chúng ta lại phải gay gắt với chúng ta, hẳn đó cũng là chuyện đương nhiên thôi”. Nên, chúng ta phải nhìn nhận vấn đề vừa thực tế và vừa sâu sắc như vậy, thì những sự giận hờn, trách móc của ta đối với cha mẹ ta dần dần sẽ được chuyển hóa.

Nếu các bạn giận bạn bè hoặc con người, thì xin các bạn hãy ngồi yên lắng để theo dõi hơi thở, sau đó tâm của các bạn sẽ được định tĩnh, rồi các bạn sẽ chiêm nghiệm như sau: “Bạn bè của ta là những người đã từng đồng sự với ta, đã cùng với ta chia sẻ những nỗi vui buồn, tuy nhiên họ vẫn có những nỗi khó khăn riêng của họ từ bản thân, gia đình, dòng họ và xã hội, nên họ cũng không thể nào đáp ứng được hoàn toàn những nhu cầu của ta, cũng có khi họ phải nói dối với ta. Và chính ta cũng vậy, ta cũng có những khó khăn của chính ta, như bạn bè của ta đã từng khó khăn, và ta cũng đã nhiều lần nói dối với bạn bè ta hoặc cũng đã nhiều lần làm cho bạn bè ta nổi giận”. Khi ta nhìn sâu vào đời sống của bạn ta và ta hiểu như vậy, thì sự

giận hờn và trách móc của ta đối với bạn ta từ từ được chuyển hóa.

Và nếu các bạn giận hờn con người, thì các bạn hãy nhìn sâu vào đời sống của con người để thấy những điểm tích cực cũng như những điểm khó khăn của chính nó, để cho cơn giận của bạn đối với họ cũng từ từ được chuyển hóa.

Nếu bạn nào có sự giận hờn đối với người yêu của mình, thì các bạn cũng hãy ngồi yên lặng, theo dõi hơi thở để cho tâm tư lắng yên, sau đó các bạn hãy quán chiếu như thế này: “a đến với người yêu, bằng những nhu yếu vật chất, bằng những nhu yếu của bản năng, bằng những nhu yếu của tình cảm, hay bằng những nhu yếu của tri thức,... Và dù ta đến với người yêu bằng bất cứ những nhu yếu nào, thì người yêu của ta cũng chỉ có thể đáp ứng được phần nào trong những nhu yếu của ta mà thôi. Người yêu của ta cũng có những khó khăn từ bản thân, gia đình, dòng họ, bạn bè và xã hội”. Khi quán chiếu thâm sâu như vậy, các bạn từ từ sẽ chuyển hóa được cơn giận của các bạn đối với người yêu.



Và, giáo sư Maya Whiteley lại nói là giận chính mình, vậy xin giáo sư hãy nhìn sâu vào chính mình để thấy và biết như sau: “Hình sắc này không phải là tôi, tôi không phải là hình sắc này, nên tôi không bị buộc ràng bởi chúng, tôi là sự sống vô tận trong mọi không gian và dòng sống vô tận trong mọi thời gian; các cảm giác này không phải là tôi, tôi không phải là những cảm giác này, nên tôi không bị buộc ràng bởi chúng, tôi là sự sống vô tận trong mọi không gian và dòng sống vô tận trong mọi thời gian; những tri giác này không phải là tôi, tôi không phải là những tri giác này, nên tôi không bị buộc ràng bởi chúng, tôi là sự sống vô tận trong mọi không gian và dòng sống vô tận trong mọi thời gian; những hạt giống đang hiện khởi và vận hành trong tâm thức này không phải là tôi, tôi không phải là những hạt giống đang hiện khởi và vận hành trong tâm thức này, nên tôi không bị ràng buộc bởi chúng, tôi là sự sống vô tận trong mọi không gian và dòng sống vô tận trong mọi thời gian; các nhận thức này không phải là tôi, tôi không phải là các nhận thức này, nên tôi không bị ràng buộc bởi chúng, tôi là sự sống vô tận trong mọi không gian và là dòng sống

vô tận trong mọi thời gian”. Các bạn hãy quán chiếu thường trực và sâu xa như vậy, thì các bạn sẽ chế ngự và chuyển hóa được những cơn giận khởi lên ở nơi chính bạn do những hình sắc, do những cảm giác, do những tri giác, do những chủng tử hiện khởi và vận hành trong tâm thức và do những nhận thức sai lạc ở nơi chính bạn đem lại.

### **Thiên đàng và hạnh phúc**

Như vậy, bây giờ chúng tôi muốn nói với quý vị rằng, ta sống có hạnh phúc, khi trong tâm ta không còn có sự giận hờn ai cả, mà chỉ có tình thương thôi. Ta sống như vậy thì ở đâu và bất cứ lúc nào ta cũng có hạnh phúc. Còn nếu ta sống với tâm tư đầy giận hờn, trách móc, thì ở đâu chúng ta cũng đau khổ cả. Các bạn nên nhớ, chúng ta sống với tâm tư đầy giận hờn và trách móc, thì ta không bao giờ lên được thiên đàng; bởi vì thiên đàng, nơi đó vắng mặt sự giận hờn và trách móc. Như vậy, ta muốn lên thiên đàng thì ta phải đi bằng con đường nào? Ta không thể đi bằng con đường van xin và quy lụy, mà ta hãy đi bằng con đường chuyển hóa cơn giận của chúng ta và phát triển sự

thương yêu rộng lớn.

Như vậy, thiên đàng là gì? Thiên đàng là một cõi mà nơi đó chỉ có tình thương, sự hiểu biết, sự bao dung mà không bao giờ có mặt của sự giận hờn, trách móc và khổ đau. Vậy, các bạn có gì thắc mắc không?

- Các sinh viên: Trong Phật giáo có thiên đàng không?

- Phật giáo có cõi cực lạc. Thiên đàng là cõi của các tôn giáo bạn.

- Các sinh viên: Niết bàn có phải là Thiên đàng không?

- Các bạn không nên hiểu Niết bàn theo nghĩa Thiên đàng trong ý nghĩa của các tôn giáo bạn. Niết bàn là thế giới của tâm hồn vắng mặt hoàn toàn những hạt giống gây ra khổ đau và hậu quả của nó. Cho nên, chúng ta không phải đợi đến khi chết đi mới đến Niết bàn. Ta đến với Niết bàn ngay trong đời sống này, bằng một tâm hồn vắng bật hoàn toàn những hạt giống sầu muộn và khổ đau. Bởi vậy, các bạn phải hiểu rằng, Niết bàn không phải là một sự hứa hẹn ở thế giới bên kia, mà nó ở ngay nơi thân tâm này và bây

giờ. Đó là điểm khác biệt giữa Phật giáo và các tôn giáo khác. Các tôn giáo khác đều hứa hẹn với tín đồ của họ là phải làm những điều tốt đẹp trong hiện tại, để tương lai sau khi chết, họ sẽ được lên Thiên đàng, hay đi về với thế giới bên kia có nhiều hạnh phúc và an lạc.

Nhưng, đối với đạo Phật không hứa hẹn như vậy. Đạo Phật nói với chúng ta rằng, chúng ta làm những gì tốt đẹp trong đời sống hiện tại này, thì chúng ta cũng có thể gặt hái kết quả tốt đẹp đó ngay ở đây, hoặc chúng ta cũng có thể đi tới Niết bàn ngay trong đời sống hiện tại này, chứ không phải đợi đến sau khi chết. Vậy, các bạn có hiểu không?”

### **Cái chuông bị đánh**

- Các sinh viên: Thưa Thầy, thế thì khi nước Pháp xâm chiếm Việt Nam, người Việt Nam phản ứng lại, dưới con mắt của tu sĩ Phật giáo Thầy nghĩ như thế nào?

- Trước khi trả lời câu hỏi này, xin các bạn hãy cùng chúng tôi nghe tiếng chuông (tiếng chuông ngân lên).

Sau khi ngồi yên lắng nghe tiếng chuông xong, các bạn đã nhận ra được điều gì ở nơi tiếng chuông ấy? (Không có một ai lên tiếng).

Các bạn thấy không? Nếu cái chuông không bị đánh, thì tiếng chuông sẽ không ngân lên. Như vậy, có tiếng chuông ngân lên là do cái chuông bị người khác đánh. Bị đánh mà ngân lên, hay bị áp bức mà phản ứng, đó là quy luật tự nhiên của mọi sự sinh tồn.

Do đó, dân tộc Việt Nam bị dân tộc Pháp xâm chiếm, nên đã phản ứng lại, đó chỉ là quy luật sinh tồn rất tự nhiên của một dân tộc. Và trên thế giới không có một dân tộc nào bị xâm lăng bởi một dân tộc khác, mà dân tộc ấy không phản ứng, dưới hình thức này hoặc hình thức khác. Trong quá khứ nước Ấn Độ đã từng bị Anh quốc xâm lăng, thánh Gandhi đã lãnh đạo dân Ấn phản ứng bất bạo động đối với chính phủ Anh, buộc chính phủ Anh quốc phải trả lại sự độc lập cho quốc dân Ấn. Và trong quá khứ Anh quốc cũng đã từng xâm chiếm Hoa Kỳ, và cũng đã bị nhân dân Hoa Kỳ phản ứng, nên sau đó, Anh quốc cũng phải trả lại sự độc lập cho Hoa Kỳ,...

Với ý thức tự tôn dân tộc, nên đất nước này đi xâm lăng đất nước kia và chiến thắng đất nước kia, để đem lại vinh quang cho đất nước mình, điều đó dưới cái nhìn của Phật giáo đều là vô minh cả; đều là những việc làm không có gì gọi là thông minh hết.

Mình đem lại vinh quang cho dân tộc mình bằng chiến thắng bạo lực, vũ lực, thì đó không phải là vinh quang đích thực. Chiến thắng đó, dưới cái nhìn Phật giáo là một sự thất bại. Bởi vì mình đã hy sinh bao nhiêu công sức, tài nguyên và nhân mạng để làm chuyện đó, trước hết là thiệt cho chính đất nước đi xâm lăng. Bạn tự nghĩ, bạn chuẩn bị đánh ai, người bị bạn đánh, người ấy bị khổ đau ít; còn bạn chuẩn bị đi đánh người khác, thì bạn luôn nom nớp lo sợ, vì tính toán, nên thời gian khổ đau của bạn nhiều hơn. Khi bạn đánh thắng người kia, thì bạn vui một chốc lát thôi, còn sau đó bạn hoàn toàn đề phòng và lo lắng người kia sẽ trả thù. Cho nên, sự chiến thắng giữa quốc gia này với quốc gia khác bằng bạo lực, đó là một sự chiến thắng ngu muội, một sự chiến thắng ở trong sự thất bại. Do đó, dưới cái nhìn của Phật giáo, kẻ thắng hay người bại đều là

con người. Tất cả chúng ta đều là con người, chúng ta phải đi tới ôm nhau để tạo ra sự sống với nhau. Bởi vậy, sự giáo dục của Phật giáo không đòi hỏi giáo dục sự đấu tranh bằng bạo lực. Sự giáo dục của Phật giáo khi nào cũng đề cao sự thương yêu, sự thông cảm và bao dung; và con người phải nhìn nhau bằng đôi mắt nhân ái. Chúng ta phải thấy trong trái tim của giáo sư Bob Lesser có nhà sư Thái Hòa, trong trái tim của nhà sư Thái Hòa có mặt của Bob Lesser, trong trái tim của giáo sư Maya Whiteley có nhà sư Thái Hòa và trong trái tim của nhà sư Thái Hòa có chất liệu của giáo sư Maya Whiteley ở trong. Cho nên, chúng ta nghĩ rằng, làm cho người khác đau khổ để mình có hạnh phúc, đó là suy nghĩ sai lầm; và mình nghĩ rằng, mình sẽ đi chiếm một quốc gia khác để làm cho quốc gia mình vinh quang; đó là một quan niệm sai lầm của người lãnh đạo đất nước. Có thể trong thế kỷ 21 này, chúng ta làm thế nào đó để con người khắp mọi quê hương trên trái đất này đều nhìn nhận ra rằng, chúng ta là con người, chúng ta rất cần sự có mặt của nhau và rất cần nhìn nhận sự tích cực của nhau.

Trong con người chúng ta, ai cũng có nước mắt cùng mặn và máu cũng đỏ. Ai cũng ham sống và sợ chết. Ai cũng muốn hạnh phúc và an lạc. Chúng ta cần phải nói với nhau như vậy, chúng ta cần phải giáo dục cho nhau biết như vậy. Chúng ta cần phải hướng dẫn cho nhau như vậy. Chúng ta sẽ xây dựng ngôi nhà cho cả thế giới loài người sống trong hòa bình.

### **Nuôi dưỡng hòa bình**

Để nuôi dưỡng điều ấy, trong Phật giáo chủ trương ăn chay. Ăn chay có khả năng chuyên hóa cơn giận và dục vọng của chúng ta tận gốc rễ. Vì thịt của loài vật chứa đầy những sinh hoạt theo bản năng, dục vọng của thú tính và giận dữ. Loài người chỉ có văn minh thật sự, khi nào con người biết ăn chay. Và thế giới của loài người có hòa bình thật sự, khi nào con người biết ăn chay. Là những người trẻ, các bạn thử nghĩ, mình có thể chấp nhận một người lớn ăn hiếp một trẻ thơ; một người có sức mạnh đánh một đứa trẻ được không? Công lý của sự sống không ai chấp nhận như thế cả. Chúng ta có thể chấp nhận một người đàn ông vạm vỡ đánh một người phụ nữ yếu đuối không?



Người lớn mạnh đánh một đứa trẻ nhỏ, hay đánh một người yếu đuối, đó là một sự tàn nhẫn. Đó là một hành động phi đạo đức. Thế thì các bạn nghĩ như thế nào, khi con người có trí năng cao như thế này, với khoa học hiện đại như thế này, mà chúng ta lại đánh vào bầy gà, đánh vào con chó, đánh vào những loài súc vật nhỏ bé với trí năng của chúng rất thấp và sự bảo vệ của chúng không có là bao, để chúng ta giết chúng mà ăn thịt. Và các bạn biết, khi một người lớn đánh người nhỏ, hay con người đánh loài súc vật, giết loài vật để ăn, thì sự giận dữ của người nhỏ như thế nào, sự giận dữ của loài vật đó như thế nào đối với chúng ta? Do đó, ăn chay là nuôi dưỡng đức tính thương yêu trong chúng ta, đem lại sự an lạc và che chở cho muôn loài. Nên, ăn chay là một nét văn hóa, một vẻ đẹp trong đời sống con người.

Như vậy, trong đời sống, các tu sĩ Phật giáo Đại thừa Bắc tông ăn chay, không những để chuyển hóa cơn giận giữa mình và mọi loài mà còn là để phát triển tình thương, bảo vệ và tôn trọng sự sống, ban bố sự không sợ hãi đến cho muôn loài.

Chiến tranh và hòa bình đều có mặt ngay trong mỗi bữa ăn của chúng ta. Thiên đàng hay địa ngục cũng có mặt ngay trong mỗi bữa ăn của chúng ta. Nên, ăn chay trong Phật Giáo là một sự lựa chọn, một sự tự nguyện có ý thức cấp cao mà những loài sinh hoạt theo bản năng hoặc những người sinh hoạt theo nghiệp chướng không thể thực hiện nổi. Các loài vật ăn cỏ không phải là ăn chay, vì chúng ăn theo bản năng hoặc ăn theo nghiệp mà không phải ăn bằng ý thức tự nguyện. Ăn chay bằng ý thức tự giác và tự nguyện mới gọi là ăn chay đích thực.

Như vậy, các bạn thấy, chúng ta có sức mạnh, chúng ta có trí tuệ, chúng ta có trí năng mà dùng sức mạnh, dùng trí năng cao cấp đó để ức hiếp những người yếu đuối hơn mình, những loài vật nhỏ bé hơn mình, thì quý vị nên biết rằng, chính sức mạnh đó là sức mạnh tàn ác, trí năng đó là trí năng mang chất liệu không lành mạnh. Và các bạn thấy, trên trái đất này một quốc gia mạnh về bạo lực, vũ khí, khoa học kỹ thuật tấn công vào một quốc gia yếu về khoa học kỹ thuật là hành động phi nhân bản, phi đạo đức. Nhưng mà các bạn thấy, không có sức mạnh nào có thể

mạnh hơn sức mạnh vô thường, chính sức mạnh vô thường này đưa tất cả chúng ta đi đến sự hủy diệt mà không có một sức mạnh nào có thể cản nổi. Sự hủy diệt không cần chúng ta mời gọi, chúng không đến với tất cả chúng ta từ bên ngoài, chúng đã có mặt một cách tự nhiên trong đời sống của mỗi chúng ta, chúng ta cần phải ý thức cho được điều đó, để chúng ta sống cho thật có ý nghĩa và cho có nét đẹp của con người.

### **Tôi cần sự hiểu biết về hơi thở**

Trong thế kỷ 21 này, chúng ta làm thế nào đó để tạo ra sự quân bình cho thế giới con người, bằng cách chúng ta trao đổi những nhận thức, trao đổi văn hóa, trao đổi tôn giáo, trao đổi khoa học kỹ thuật, trao đổi thương mại để tất cả các quốc gia trên thế giới đều có sự quân bình như nhau. Đất nước này phải giúp đỡ đất nước kia, đất nước kia phải giúp đỡ đất nước này. Đó là tình thương yêu mà giới trẻ của chúng ta ở thế kỷ này phải làm cho bằng được. Tất cả chúng ta đều là sứ giả của tình thương. Các bạn có thấy không, hai người thương nhau, mà giận nhau thôi, đã làm cho mình khổ đau rồi, kéo theo thêm đau khổ

cho bạn bè của mình, cha mẹ của mình cả hai phía. Mới chỉ hai người thôi, mà đã là như thế, huống chi là sự giận hờn giữa hai quốc gia, thì sẽ kéo thêm rất nhiều khổ đau của hàng trăm triệu người. Và không những hàng trăm triệu người trong một thế hệ, mà còn nhiều thế hệ về sau nữa.

Do đó, đạo Phật nói cho tất cả chúng ta rằng, mọi người trên trái đất này đều là anh em. Tất cả chúng ta đều là người con của đức Phật. Bởi vì trong mỗi chúng ta đều có Phật tánh. Chúng ta phải phát triển Phật tánh ở trong mỗi chúng ta, để nuôi dưỡng con người của chúng ta, khiến cho tất cả chúng ta, cùng đi tới với nhau không có gì ngăn ngại nữa cả. Và để cho chúng ta có điều kiện chăm sóc các loài thú vật thấp kém hơn chúng ta. Và chúng ta có thì giờ để bảo vệ sự an toàn vô nhiễm của dòng sông, của biển cả, của núi rừng,... Chúng ta có khả năng để chăm sóc luôn bầu khí quyển mà chúng ta đang thở. Chúng ta cần một không khí lành mạnh để thở và sống. Chúng ta không thể sống hạnh phúc, nếu ta không có hơi thở và không khí. Tôi cần hơi thở và không khí lành

manh hơn cần chủ nghĩa. Tôi cần hơi thở và không khí lành manh hơn cần cái gọi là vinh danh chủ nghĩa dân tộc. Có chủ nghĩa dân tộc, có chủ nghĩa tôn giáo mà không có hơi thở và không khí, thì mọi chủ nghĩa kia đều trở thành vô nghĩa với tôi, với tất cả mọi người, phải không các bạn? Hơi thở đối với tôi là Thượng đế. Vì hơi thở là khởi điểm của sự sống và là căn bản để phát triển sự sống. Không có hơi thở các bạn không tài nào có được sự sống. Vậy, các bạn hãy tiếp xúc với hơi thở mỗi ngày thì mỗi ngày các bạn đều tiếp xúc được với Thượng đế. Không có một nhà Thần học nào định nghĩa Thượng đế là hơi thở cả, mà đó chỉ là định nghĩa của nhà sư Thái Hòa thôi. Và Phật là gì? Phật là người đã đạt đến sự tự tại đối với mọi hơi thở. Và Ngài biết một cách tường tận tác nhân, tác duyên, bản chất, hình loại, tác dụng, kết quả cũng như ngọn ngành và gốc rễ của mọi hơi thở. Như vậy, các bạn thấy không, hơi thở hết sức hệ trọng và thân thiết với chúng ta mà chúng ta không biết, thử hỏi chúng ta biết cái gì?

Cho nên, đạo Phật giúp cho chúng ta thấy rõ hiện thực mà

chúng ta đang sống là cái gì. Nên, trước đó chúng tôi đã nói với các bạn, phần nhiều chúng ta chuẩn bị để sống mà không có ai chịu sống cả. Cho nên, chúng ta sống như một bóng ma trên trái đất. Chúng ta thờ có ý thức thì sự sống của chúng ta thật có ý nghĩa và trên đầu của chúng ta bầu trời vẫn mãi còn xanh!

Xin cảm ơn các bạn đã lắng nghe và đã có những câu hỏi thật thú vị, xin chào các bạn và hẹn có dịp sẽ gặp lại”.

Các Giáo Sư , các sinh viên Hoa Kỳ và Anh quốc đã cảm ơn T.T Thái Hòa một cách chân thành và sung sướng, sau hơn hai tiếng rưỡi đồng hồ ngồi yên lặng trao đổi và lắng nghe, họ chào tạm biệt và hẹn sẽ gặp lại trong một dịp khác.

*Tặng sinh Từ Niệm phiên tả.*

## PHẬT GIÁO HUẾ VÀ AM TRANH GIỮA LÒNG ĐỒI

*Pháp thoại của Thầy Thích Thái Hòa nói tại thiền đường Trăng Rằm  
ở chùa Từ Hiếu-Huế, vào ngày 16/08/2004 cho các giáo sư  
và gần 200 sinh viên đến từ đại học Hồng Đức - Thanh Hóa.*

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Thưa quý thầy, cô giáo cùng tất cả anh chị em sinh viên  
khoa văn trường đại học Hồng Đức – Thanh Hóa quý mến,

Hôm nay là ngày 16/8/2004, tại Thiền đường Trăng Rằm  
Từ Hiếu, tôi đáp ứng lời yêu cầu học hỏi và nghiên cứu  
của quý vị, nên xin chia sẻ đến quý vị bài pháp thoại ngắn  
gọn sau đây.

Thưa quý vị!

Người ta có thể đặt ra những đề tài nghiên cứu như: Phật

giáo Huế có từ khi nào? Ai là vị Tăng sĩ đầu tiên có mặt tại Huế? Phật giáo Huế đã ảnh hưởng đến dân Huế như thế nào và đã đóng góp cho Phật giáo Việt Nam và đất nước như thế nào? Đó là những câu hỏi rất lớn, những đề tài nghiên cứu rất lớn. Nó không chỉ mang tầm cỡ quốc gia mà còn mang tầm cỡ quốc tế. Sinh viên các nước đã về Huế để nghiên cứu những đề tài như vậy. Chúng tôi đã giúp cho họ, chia sẻ cho họ. Các nhà nghiên cứu Anh và Mỹ và các nước trên thế giới cũng đã đến Huế, và đến đây đặt những câu hỏi như thế. Chúng tôi cũng đã chia sẻ cho họ để họ làm luận án tiến sĩ về Phật học Đông Phương. Bây giờ, quý vị đến ở đây để học hỏi và nghiên cứu, trong thời gian ngắn ngủi này, chúng tôi xin chia sẻ những điểm then chốt như sau.

Phật giáo Huế có mặt từ khi công chúa Huyền Trân được vua Trần Nhân Tông gả cho vua Chăm. Vua Chăm nhường lại cho hai châu Ô và Rí cho đất nước chúng ta lúc bấy giờ. Như vậy, Phật giáo Huế có mặt ở thế kỷ 14. Vị Tăng sĩ đầu tiên có mặt trên đất Huế này chính là vua Trần Nhân Tông, tức Điều Ngự Giác Hoàng. Giáo lý ảnh hưởng



đến Phật giáo Huế nhiều nhất, là giáo lý nhập thế đời Trần. Nói theo cách nói của các nhà sử học là “hòa quang đồng trần”. Hòa quang đồng trần tức là đem ánh sáng của Chánh pháp hòa nhập vào cõi đời bụi bặm này, để thăng hoa cõi đời bụi bặm này theo chiều hướng thánh thiện và tốt đẹp.

Đó là một trong những nét mà Phật giáo Huế đã ảnh hưởng. Cho nên, Phật giáo Huế mang nội dung của Phật giáo Đại thừa. Và vì mang nội dung Đại thừa, nên Phật giáo Huế mang tính tổ chức rất giỏi. Tổ chức từ trung ương cho tới hạ tầng cơ sở. Đơn vị thấp nhất của Phật giáo Huế, theo ngày trước là đơn vị Chúng, tương đương với đơn vị hành chánh ở đời là Tổ. Sinh hoạt Chúng, ngoài đời gọi là sinh hoạt Tổ. Vực tương đương với Khu vực. Khuôn hội tương đương với Làng. Trong một xã có nhiều khuôn hội, nhiều Niệm Phật đường, nhiều đơn vị ở trong nhiều vùng sinh hoạt Phật giáo liên kết nhiều xã như thế, nên Phật giáo trở thành Phật giáo cấp huyện. Và nhiều cấp huyện, trở thành Phật giáo cấp tỉnh; nhiều cấp tỉnh trở thành Phật giáo toàn quốc hay trung ương. Tất cả những điều đó bắt nguồn từ Phật giáo Huế này, bởi vì Phật giáo

Huế đứng đầu trong các tổ chức. Từ đó ảnh hưởng ra phía Bắc và vào phía Nam.

Phật giáo Huế là một tập hợp của các phái Thiên, Tịnh độ, Mật tông, Luật tông và Giáo học tông.

Thiên tông tức là tông phái nhắm tới làm chủ thân tâm để đạt đến kiến tánh mà thành Phật, nên Thiên tông phát huy tối đa nguồn năng lực ý thức tự chủ, tự giác và tự lập.

Tịnh độ tông là tông phái mang hai nội dung vừa tự lực và tha lực. Tự lực tức là tự biết rằng, mình có Phật tính và tâm mình có khả năng thiết lập Tịnh độ. Tha lực tức là tin tưởng ngoài thế giới này còn có vô số thế giới khác, ngoài cảnh giới này còn có vô số cảnh giới của chư Phật khác. Thí dụ, thế giới Tịnh độ ở phương Đông của đức Phật Bất Động; thế giới Tịnh độ ở phương Tây của đức Phật A Di Đà.... Theo kinh A Di Đà, thì cõi Tịnh độ Phương Tây, cách cõi chúng ta ở đây mười muôn ức cõi Phật. Con đường để đi vào Tịnh độ có hai **phương pháp** niệm Phật: Niệm Phật bằng cách trì danh hoặc niệm Phật bằng cách quán chiếu, mà mục đích của nó là đạt đến nhất tâm. Khi

mình đạt đến tâm thuần nhất rồi, thì không cần sanh về Tịnh độ ở đâu cả, mà Tịnh độ đang có ngay nơi tâm mình và Tịnh độ cũng tùy theo Tịnh độ ở tự tâm mà biểu hiện. Nên, sinh Tịnh độ mà không rời đương xứ. Tuy, không rời đương xứ mà vẫn thường sinh Tịnh độ. Tự lực và tha lực ở mức độ nhất tâm này, nó không phải là hai, không phải là một, bởi lẽ trong tự lực có tha lực và trong tha lực có tự lực. Đó là điểm tích cực của Phật giáo Tịnh độ. Khi thấy được điểm tích cực đó, thì người tu Tịnh độ phải phát khởi hạnh nguyện rộng lớn để cứu giúp đời và xây dựng quê hương Tịnh độ, tùy theo hoàn cảnh thực tế của mình. Đó là những điểm tích cực và then chốt của Phật giáo Tịnh độ.

Khi chúng tôi trình bày cho quý vị như vậy, nếu quý vị có cơ hội học hỏi thêm, thì quý vị phải hỏi là Tịnh độ thiết lập dựa trên nền tảng của các kinh điển nào và các luận nào của Phật giáo? Và ai là người đứng ra thiết lập Tịnh độ đầu tiên từ Ấn Độ, Trung Hoa và Việt Nam? Giáo lý đó ảnh hưởng như thế nào về mặt xây dựng tín ngưỡng cho quần chúng và mặt chính trị của xã hội? Giáo lý đó giúp gì cho xã hội về mặt phát triển kinh tế? Giáo lý ấy có giúp

được gì cho nền văn minh tin học hiện nay và sự khủng hoảng tâm lý của con người trong thời đại của chúng ta không? Đó là những đề tài cần được đặt ra để nghiên cứu. Vì chúng ta chỉ gặp nhau trong vòng ba mươi phút, nên không đủ thời gian để nói một cách chi tiết. Do đó, chúng tôi chỉ giới thiệu và gợi ý như thế để quý vị có được khái niệm và suy nghĩ.

Mật tông là giáo lý ảnh hưởng tại Việt Nam rất sớm. Quý vị là những sinh viên khoa văn và cũng có học qua khoa sử, thì quý vị thấy, ở Việt Nam, Mật giáo đã ảnh hưởng rất lớn vào thời Đinh Tiên Hoàng, tiếp sau đó là Đinh Vương Liễn. Vào thập niên 60, các nhà khoa học khảo cổ tại Hà Nội đã khám phá những trụ đồng, những trụ đá mà trên đó có khắc những câu thần chú của kinh Phật ở thành Cổ Loa. Nói như vậy, để quý vị biết rằng, Mật tông đã ảnh hưởng đến Việt Nam rất sớm, có thể là vào những thế kỷ đầu. Ngôi chùa Pháp Vân ở Thuận Thành, Hà Bắc là một trong những ngôi chùa có mật sớm nhất tại Việt Nam vào những thế kỷ đầu. Ngôi chùa đó gắn liền với những huyền thoại Mật tông liên hệ đến các ngài Ma Ha Kỳ Vực, và Khâu Đà

La với câu chuyện Man Nương vào cuối thế kỷ hai Tây lịch. Cho nên, quý vị cố gắng quan tâm đến lịch sử một chút để nghiên cứu. Chúng tôi chỉ giới thiệu như thế. Mật tông đã ảnh hưởng suốt chiều dài lịch sử cho đến đời Đinh, đời Lý. Ở đời Lý có thiền sư Từ Đạo Hạnh liên hệ với vua Lý Thần Tông. Đến đời Trần thì Mật tông cũng phát triển rất mạnh, nhất là vào thời ngài Huyền Quang đệ tam tổ Trúc Lâm Yên Tử, cho nên Phật giáo Huệ cũng ảnh hưởng Mật tông từ đời Trần. Và hiện nay, Mật tông vẫn còn ảnh hưởng trong nếp sinh hoạt của Phật Giáo Huệ.

Giáo lý Mật tông là gì? Mật tông chủ trương thực tập nhìn toàn thể vũ trụ bằng mantra (mandala). Nhân sinh quan và vũ trụ quan của Mật tông rất cụ thể, nếu quý vị có cơ hội thì có thể nghiên cứu về vũ trụ quan và nhân sinh quan của Mật tông. Cách giải quyết nhân sinh quan của Mật tông như thế nào? Đó là một câu hỏi cần đặt ra để tiếp tục nghiên cứu. Mật tông không chỉ đơn giản như người ta hiểu là những câu chú và những ấn chú. Thường thường trong các khóa lễ đặc biệt, quý thầy bắt ấn chú và chúng ta cho đó là ảnh hưởng Mật tông. Đó chỉ là một khía cạnh biểu hiện của Mật

tông mà thôi; hoặc những câu chú như “Án ma ni bát di hồng”, khi đọc lên như vậy mình gọi là thần chú Mật tông, nhưng thực ra không đơn thuần như vậy. Nó có triết lý sâu thẳm ở bên trong mà mình cần phải đặt vấn đề để nghiên cứu. Phật giáo Huế ảnh hưởng rất nhiều về giáo lý Mật tông, và không có chùa Huế nào là không hành trì thần chú Lăng Nghiêm vào thời công phu khuya.

Giáo tông tức là giáo lý có hệ thống, ví dụ như chú tiểu thì học giáo lý ở trình độ nào, chú sa di thì học giáo lý ở trình độ nào, thầy thì học giáo lý ở trình độ nào; cấp tiểu học học Phật như thế nào, cấp trung học học Phật như thế nào, cấp đại học thì học Phật như thế nào. Tất cả đều có chương trình học tập được phân khoa rõ ràng. Thí dụ đại học Phật giáo thì học cái gì, học tiến sĩ Phật học thì học cái gì và chương trình hậu tiến sĩ là gì. Tất cả đó đều có hệ thống và mang tính khoa giáo. Các Phật học đường và Phật học viện đã có mặt rất sớm tại Huế. Và các danh tăng Việt Nam cận đại và hiện đại phần nhiều là xuất thân từ các chùa viện tại Huế.

Và cuối cùng là Luật học của Phật giáo. Ở Huế cũng ảnh

hưởng tinh thần Luật học Phật giáo. Luật học Phật giáo có mặt trên đất nước Việt Nam có thể vào những thế kỷ đầu của kỷ nguyên và muộn lắm là vào những thế kỷ thứ 2 đầu thế kỷ thứ 3. Hễ có Tăng sĩ là có luật học. Trong kinh Tứ Thập Nhị Chương là bản kinh được hai ngài Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan dịch sang Hán văn vào thế kỷ đầu, đã được lưu hành tại Việt Nam vào những thế kỷ đầu, trong đó đã có đề cập đến giới luật cần phải hành trì của cư sĩ và tăng sĩ. Chúng ta có rất nhiều tư liệu nói về luật học, như chuyện thọ giới của ngài Khương Tăng Hội ở thế kỷ thứ ba Tây lịch.

Luật học là gì? Là nêu lên những vấn đề đạo đức của Phật giáo. Trong đạo đức đó, luật nêu rõ thế nào là đạo đức, thế nào là phi đạo đức. Giới luật là nêu lên đạo đức của Phật giáo, khuyến khích người ta thực tập, quy định thế nào là thiện, thế nào là không phải thiện, thế nào là ác, thế nào là không phải ác, thế nào là làm đúng, thế nào là làm sai, những điều như vậy, luật đều quy định rõ ràng. Khi một người thường được gọi là một Phật tử, họ phải thọ Tam quy Ngũ giới, và phải tuân thủ vào những điều

Giới luật quy định, đề khẳng định họ là Phật tử. Giới là căn bản đạo đức, luật là sự phân định thế nào là giữ Giới đúng và thế nào là giữ Giới không đúng. Sau này luật học Phật giáo ảnh hưởng đến trong đời sống xã hội Việt Nam. Ví dụ, hiếu kính thuộc về đạo đức Phật giáo. Nó có gốc rễ từ Giới luật của Phật giáo Đại thừa. Hiếu kính là giới, là đạo đức tự nhiên của con người, là đạo lý của con người và nó trở thành nếp sống của con người và nếp sống ấy đã ảnh hưởng đến con người Việt Nam nói chung và người Huế nói riêng.

Chúng tôi đã giới thiệu cho quý vị về sự ảnh hưởng của Thiền tông, Tịnh độ tông, Mật tông, Giáo học và Luật học là như thế nào rồi. Bây giờ chúng tôi trả lời câu hỏi mà quý vị đã hỏi: Tổ đình Từ Hiếu có từ khi nào, do ai thiết lập và sự có mặt của nó ảnh hưởng như thế nào trong quá khứ cũng như hiện tại.

Tổ đình Từ Hiếu được xây dựng đầu tiên vào năm 1843 Tây lịch. Bước đầu chỉ là một cái am tranh, An Dưỡng am, do thiền sư Nhất Định xây dựng, tức là vị quốc sư thời vua Minh Mạng, Thiệu Trị. Thiền sư Nhất Định là



một người nổi tiếng về trí đức, được vua Minh Mạng mời về làm Tăng cang Linh Hựu Quán (ở Đại Nội), và sau đó làm Tăng cang ở Giác Hoàng Quốc Tự (ở Đại Nội).

Chùa Giác Hoàng là gì? Sao gọi là Giác Hoàng Quốc Tự? Hoàng là vua, giác là giác ngộ. Chùa là nơi vua và triều đình của nhà vua đến đó học tập và tu luyện theo giáo pháp của đấng Giác Ngộ, nên gọi là chùa Giác Hoàng. Chùa đó được lập vào thời Minh Mạng. Chính vua Minh Mạng mời thiền sư Nhất Định về làm Tăng cang, mà thiền sư trước đó đã là trú trì chùa Báo Quốc (Thiên Thọ Tự) ở Núi Hàm Long, Huế.

Tăng cang là gì? Tăng là chúng tăng, cang là cương, sợi dây, cương lĩnh. Cho nên, Tăng cang là vị Tăng sĩ nắm giữ cương lĩnh trong hàng ngũ Tăng sĩ Phật giáo và có khả năng giúp cho triều chính bình ổn và phát triển xã hội. Quý vị có khi nào nghe chữ Tăng cang chưa?

- Dạ, chưa ạ!

Nếu chưa, thì quý vị hãy để tâm nghiên cứu lịch sử rồi cũng sẽ hiểu. Thiền sư Nhất Định được mời làm Tăng

cang, làm quốc sư để dạy giáo lý giác ngộ cho triều đình. Khi hơn sáu mươi tuổi, ngài muốn tịnh tu và không muốn làm quốc sư nữa. Cho nên, Ngài viết đơn để xin vua nghỉ và đồng thời giao lại công việc trú trì chùa Báo Quốc cho sư đệ của mình là Nhất Niệm để lên đây, tức là chùa Từ Hiếu hiện nay, để lập thảo am tịnh tu và nuôi dưỡng mẹ già. Ngài rất có hiếu với mẹ. Mẹ của ngài rất khó tính. Ngài thì tu, nhưng mẹ của ngài thì không chịu tu. Mẹ của ngài đòi ăn cá, ngài phải đi bộ xuống chợ để mua cá về nấu cho mẹ ăn.

Nơi đây, trước kia là rừng núi hoang vu, có nhiều loài thú dữ như cọp, beo... Bây giờ, quý vị tới đây thấy khác nhiều có phải không? Đường sá được mở ra rất rộng rãi, thoáng đãng.

Khi ngài Nhất Định (1784 – 1847) mua cá về nấu cho mẹ thì triều đình nghĩ rằng, ông thầy tu này hư hỏng quá và thắc mắc tại sao ông thầy tu này lại làm như thế. Người dân cũng xôn xao bàn tán. Triều đình cho người đi dò thám để xem sự thật hư thế nào. Người dân cũng theo dõi Ngài. Cuối cùng triều đình và người dân vỡ lẽ khi khám

phá ra rằng, Ngài chỉ nấu cho mẹ ăn thôi, chứ chính Ngài vẫn sống nghiêm túc, ăn chay và ở trong một am tranh giữa núi rừng để nuôi mẹ. Và từ đó gương hiếu hạnh của ngài được cả triều đình và người dân biết đến và kính phục.

Đến thời Tự Đức, vua nghe được câu chuyện thiền sư Nhất Định nuôi mẹ liền cảm động. Đến đời Thiền sư Cương Kỷ (1810 – 1898), đệ tử của thiền sư Nhất Định làm trú trì, thì chùa mới được xây dựng quy mô như thế này. Vua Tự Đức cảm phục câu chuyện hiếu thuận đó, cho nên vua mới sắc phong chùa là Từ Hiếu. Từ Hiếu tức là người con có hiếu với từ mẫu. Vua Tự Đức có viết rằng, ở đời này không có gì quý hơn hiếu. Từ là hạnh của Phật và Thánh; hiếu là hạnh căn bản của con người. Cho nên, con người có hiếu hạnh thì con người đó học theo hạnh của Thánh. Bởi vì chỉ có bậc Thánh mới rải lòng từ xuống cho mọi người mọi loài. Ở trong đời, người con có hiếu thì luôn nghĩ đến ân đức của cha mẹ, của những người lớn. Do đó, ý nghĩa Từ Hiếu bắt đầu từ đó, chính Từ Hiếu như vậy, mới ảnh hưởng đến mọi tầng lớp trong

xã hội. Ngài Cương Kỳ đã cho khắc những bản kinh trên gỗ như Báo Phụ Mẫu Trọng Ân kinh, Vô Lượng Thọ kinh, Pháp Bảo Đàn kinh,... để phát huy tinh thần hiếu nghĩa và hiếu kính cho con người, cho xã hội. Những bản khắc gỗ ấy, hiện vẫn còn lưu giữ tại chùa như là những bảo vật.

Quý vị thử nghĩ, ở giữa đời này cái đẹp nhất, cái dễ thương nhất, đó chính là hiếu; cái dễ ghét nhất, cái xấu nhất là bất hiếu, có phải không quý vị?

- Dạ phải.

Không thể nói rằng, mình là nhà đạo đức mà chính mình lại bất hiếu với cha mẹ của mình được. Bởi vì mình có đạo đức hay không, thì xã hội sẽ nhìn vào bản thân mình, nhìn vào cách đối xử của mình ở trong gia đình mình. Nếu mình là một người con bất hiếu với cha mẹ, thì mình không thể hiếu với ai giữa cuộc đời này được hết và mình cũng chẳng có đạo đức gì với ai được hết, có phải không quý vị?

Cho nên, hiếu là căn bản đạo đức của con người. Nó phải

được thiết lập cụ thể ở trong đời sống gia đình, đối với cha mẹ mình. Bởi vì trong xã hội, cha mẹ là tiếng gọi cao quý nhất, thân thương nhất, quý báu nhất của con người. Vì vậy mà Từ Hiếu ảnh hưởng về mặt hiếu nghĩa, nhân nghĩa ở trong xã hội. Cụ Nhiếp chính Đại thần Tôn Thất Hân, vào thời vua Khải Định và Bảo Đại, đã thường lui tới chùa Từ Hiếu để học đạo và đã cảm mến đức độ của hòa thượng Chơn Thiệt (1884 – 1968), nên ông đến đây xin quy y làm đệ tử của Ngài, và làm con cháu của Tổ đình Từ Hiếu. Sau đó chính cụ Tôn Thất Hân đã lập ra chùa Phò Quang ở thôn Ngũ Tây, huyện Hương Thủy - Huế để phụng thờ cha mẹ và dòng dõi của mình. Lăng của cụ hiện đang ở trong khuôn viên chùa Phò Quang. Cho nên, ca dao Việt Nam mới có câu “xây lăng thờ mẹ, dựng chùa thờ cha”.

Chữ hiếu nghĩa đi từ nơi đó. Từ đó về sau có cụ Đặng Huy Trứ, Nguyễn Đăng Giai, Phan Bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền..., tất cả những nhà chí sĩ như thế một thời đã lui tới chùa Từ Hiếu để học đạo, học cách xây dựng đất nước và nhất là làm cách nào để giành lại độc lập cho đất nước. Trong quá khứ Tổ Đình Từ Hiếu là nơi phát xuất nhiều

đanh Tăng cho Phật Giáo Việt Nam, và Tổ đình Từ Hiếu hiện nay như thế nào?

Hiện nay Tổ Đình Từ Hiếu có hơn 80 vị tăng sĩ đang tu học tại đây. Ở đây kết hợp giữa thiền và Tịnh độ tông một cách uyển chuyển và linh hoạt, đi đầu trong các thời khóa tụng kinh điển bằng Việt hóa hằng ngày và vẫn tiếp tục nông thiền, tạo ra nguồn lương thực chủ động.

Vị trú trì chùa Từ Hiếu hiện nay là thiền sư Nhất Hạnh đang lưu trú tại làng Mai, Pháp quốc. Ngài có ảnh hưởng rất lớn trong tầng lớp trí thức của xã hội phương Tây. Ngài đã giúp cho thanh niên nam nữ phương Tây ổn định lại gia đình, ổn định lại giữa mình với xã hội. Đó là những nét mà chúng tôi giới thiệu một cách tổng quát để cho quý vị có thể có khái niệm.

Hy vọng vấn đề mà chúng tôi đặt ra, quý vị sẽ xem đó là những đề tài nghiên cứu của mình, dù quý vị là sinh viên khoa văn hay là sinh viên khoa sử. Mong tất cả quý vị có suy nghĩ đúng đắn về Phật giáo, suy nghĩ về sự đóng góp của Phật giáo trong quá trình xây dựng đất nước Việt Nam

cũng như hiện nay.

Sau sự chia sẻ của Thầy Thái Hòa, vị giáo sư, đại diện các sinh viên Hồng Đức ở Thanh Hóa, tiếp lời:

“Thưa các thầy cô giáo, các anh chị em sinh viên thân mến!

Trong khoảng thời gian ba mươi phút, Sư thầy Thái Hòa đã giới thiệu cho chúng ta lịch sử hình thành Phật giáo Việt Nam, Phật giáo xứ Huế, đặc biệt là chùa Từ Hiếu cho chúng ta hôm nay, ngồi tại đây, xin thay mặt cho các thầy cô giáo và các sinh viên xin cảm ơn nhà chùa, sư thầy Thái Hòa!

Các em biết rằng, trong các tôn giáo, đạo Phật là đạo rất gần gũi trong đời sống hàng ngày của chúng ta và có trong mỗi chúng ta những câu triết lý như là: ở hiền gặp lành, cứu nhân độ thế, từ bi bác ái... đó là triết lý của nhà Phật. Là những sinh viên khoa học xã hội, các em đã được sư thầy bổ túc thêm những kiến thức về đạo Phật. Các em biết rằng, trong những thời kỳ chống ngoại xâm, Phật giáo Việt Nam nói chung, và Phật giáo xứ Huế nói riêng, và

chắc cả chùa Từ Hiếu của chúng ta đây, cũng đã đóng góp một phần trong sự nghiệp bảo vệ đất nước, qua báo chí và những thông tin, chúng tôi được biết như thế. Một lần nữa, chúng tôi xin cảm ơn và chúc nhà chùa, chúc sư thầy khoẻ mạnh”.

- Thầy Thái Hòa: “Thưa quý thầy quý cô cùng các anh chị em sinh viên, hôm nay chúng ta rất may mắn sống trong một đất nước không còn chiến tranh và đang từng bước đổi mới để phát triển. Sự giao lưu quốc tế ngày càng đơn giản hóa và cụ thể hóa, nhất là nền văn minh tin học. Cho nên, mình là người Việt Nam, mình không biết gốc rễ của người Việt Nam, không biết được tôn giáo của Việt Nam, không biết nền đạo lý Việt Nam là một thiệt hại. Vì sao? Vì cách đây hai tuần, tôi đã nói chuyện với những giáo sư và sinh viên đến từ các trường đại học ở Mỹ và Anh. Họ đã đến đây để nghiên cứu Phật giáo, về văn hóa, tín ngưỡng Việt Nam. Giới trẻ của chúng ta trong tương lai cũng sẽ đi giao lưu với quốc tế như thế, hoặc như giao lưu ở Hội Khoẻ Phù Đổng vừa qua chẳng hạn.



Nếu ta không biết văn hóa của Việt Nam, tôn giáo của Việt Nam, nền đạo đức Việt Nam thì đó là một thiệt thòi về mặt trí thức của chúng ta và chúng ta không làm vinh danh cho đất nước của chúng ta được. Cho nên, quý vị phải học tập một cách khách quan và thông minh, để chúng ta có thể đóng góp cho đất nước chúng ta vào thế kỷ 21 này. Ngày trước chúng ta cầm súng để ra chiến trường đánh giặc, nhưng bây giờ súng vút cả rồi, không cần thiết nữa đâu. Chúng ta cần cầm tư tưởng và đạo đức để đi vinh danh cho đất nước chúng ta, đó là điều các bạn cần phải lưu ý.

Chắc chắn các bạn đã thấy rồi, làm kinh tế bây giờ không ai đi đưa lưng cho trời, cúi mặt cho đất nữa đâu, mà làm kinh tế bằng chất xám, bằng kinh tế vĩ mô. Cho nên quý vị phải lưu ý điều đó. Chúng tôi tin tưởng vào sự nỗ lực dạy dỗ của các thầy, các cô ở đại học Hồng Đức - Thanh Hóa đối với các thế hệ trẻ. Chúng tôi tin tưởng vào tinh thần hiếu học của các anh chị em sinh viên. Chúng ta học tập không mỏi mệt, học không nhàm chán. Đừng bao giờ thỏa mãn với sở học của mình, như người xưa nói “học hải vô

nhai”, biến học không có ngăn mé. Càng học càng thấy mình kém cỏi đi. Người nào càng học mà thấy mình ngu đi thì người đó có cơ hội tiến bộ. Người nào học mà thấy mình thông minh ra, giỏi ra thì người đó đi gần đến chỗ ngu muội, bảo thủ và tự tiêu hủy khả năng.

Một lần nữa, xin cầu chúc quý thầy cô và các anh chị em sinh viên thành công trong mọi lĩnh vực của sự học tập để phụng sự con người và đất nước”.

*Tăng sinh Từ Niệm phiên tả*

## **GẬY THIỀN DỤNG NƯỚC NON**

*Đạo Từ của Thầy Thích Thái Hòa Cố vấn giáo hạnh GDPTVN  
nói trong buổi lễ cấp chứng chỉ cho hai mươi một trại sinh  
huynh trưởng trúng cách khóa học Huynh trưởng Vạn Hạnh  
của GDPTVN, vào ngày 14/7/Giáp Thân, tức ngày 29/8/2004,  
tại Chùa Thuyền Lâm, Huế*

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính bạch chư tôn đức,

Kính thưa liệt quý vị,

Trại sinh trại Vạn Hạnh đã trải dài mười một năm kể từ năm 1993 và nay là 2004.

Trải qua mười một năm nay, quý vị đã học tập và rèn luyện tâm chí của mình và như lời tác bạch của anh Nguyên Ngô - Nguyễn Sĩ Thiệu - trại phó Vạn Hạnh: “là trại sinh Vạn Hạnh đến năm mươi huynh trưởng, nhưng hôm nay, chỉ còn lại hai mươi hai huynh trưởng trại sinh

Vạn Hạnh và trong đó có một huynh trưởng đã bị con đường công danh sự nghiệp của thế gian lôi kéo, nên đã xa rời tổ chức, quay lưng lại với lý tưởng Gia Đình Phật Tử Việt Nam, hiện nay chỉ còn lại hai mươi một vị”.

Hiện nay, chúng ta còn lại hai mươi một vị huynh trưởng trại sinh Vạn Hạnh. Hai mươi một trại sinh Vạn Hạnh này, suốt thời gian mười một năm đã tu học, đã tinh tiến, đã khẳng định lại chính mình trong ngôi nhà Phật giáo, trong ngôi nhà Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Thay mặt chư Tôn đức hiện tiền, tôi xin tán dương Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Trung Ương, cũng như Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Thừa Thiên, đã khắc phục mọi khó khăn, duy trì truyền thống Gia Đình Phật Tử Việt Nam cho đến ngày nay, để đóng góp vào việc hoằng dương Chánh pháp và phát triển đạo Phật trong mọi thời gian, khắp mọi không gian và đã vượt qua mọi khó khăn, vận dụng mọi phương tiện thiện xảo để có thể tạo thành được hoa trái của Vạn Hạnh ngày hôm nay. Đó là một việc làm mà như anh Nguyễn Ngô - Nguyễn Sĩ Thiều đã nói: “Trái tim nhiều khi thổn thức, nhiều khi co bóp không đều và có khi rướm máu, đêm ngày

đều khó an lành. Cho nên, qua bao khó khăn đó, ngày nay chúng ta đã có được sự chứng minh của chư Tôn đức hiện tiền và Tam Bảo gia hộ”.

Thưa quý vị!

Thành quả đã có rồi, nhưng mà giữ được thành quả đó là cả một công trình, là cả một nghệ thuật cũng là cả một chiến lược.

Thành quả có trong tay, nhưng mà đôi khi vô ý, thiếu chánh niệm sẽ bị đánh rơi.

Có những thành quả đã bị đánh rơi trên lề đường vỡ toang từng mảnh; có những thành quả đã bị đánh rơi xuống đáy biển, không biết đâu để tìm kiếm; có thành quả đã bị đánh rơi và lún sâu vào bùn lầy; và tệ hơn nữa, là có những thành quả bị đánh rơi vào những hỗn tạp, ô nhiễm của thế gian.

Tôi mong rằng, thành quả các anh chị đang có được, hãy giữ lấy. Hãy giữ lấy, như người vượt biển giữ phao, hãy giữ lấy và trân quý như người mù, mà có lại đôi mắt sáng, hãy giữ lấy như người què mà có lại sự phục hồi của đôi

bàn chân lạnh lặn để trở về.

“Dù bao nhiêu gian khổ, dù gặp nhiều nguy khó, lý tưởng chúng ta vẫn tôn thờ...”

Thưa quý vị!

Lý tưởng của Vạn Hạnh là gì?

Lý tưởng của Vạn Hạnh có gốc rễ từ Bồ đề tâm, do Bồ đề tâm mà có thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh và từ nơi Bồ đề tâm mà ta biểu hiện nhất hạnh và từ nơi nhất hạnh mà ta thành tựu vạn hạnh.

Vạn hạnh mà thiếu nhất hạnh thì vạn hạnh không thành.

Nhất hạnh mà không có Bồ đề tâm thì nhất hạnh đó trở thành tà ma ngoại đạo.

Do đó, trại sinh Vạn Hạnh phải có một hạnh để mà hành trì. Trong một hạnh để hành trì đó, nó sẽ có đầy đủ cả vạn hạnh. Và ngay trong một hạnh để hành trì đó, quý vị phải thiết lập trên nền tảng của Bồ đề tâm, và luôn luôn nhớ Bồ đề tâm của mình. Nếu trại sinh Vạn Hạnh mà chưa phát

khởi được Bồ đề tâm, thì vạn hạnh chưa thành. Do đó, dù cuộc đời có gian khổ, thế giới có đảo điên, thì người trại sinh Vạn Hạnh phải luôn luôn nhớ lấy Bồ đề tâm của mình.

Đối với đời dù gian khổ bao nhiêu, thì người trại sinh Vạn Hạnh phải bước vào trước hết để chịu đựng, để hóa độ, mà không được thối lui. Nếu ta thối lui, tức là ta mất vạn hạnh, mất nhất hạnh và ta mất luôn Bồ đề tâm của mỗi chúng ta.

Nhân đây, tôi xin nhắc nhở trại sinh Vạn Hạnh rằng, nếu quý vị nào chưa phát tâm thọ trì Thập thiện giới và Bồ tát giới, thì quý vị hãy phát tâm thọ trì các Giới pháp ấy. Nếu quý vị là trại sinh Vạn Hạnh mà chưa phát khởi Bồ đề tâm để lãnh thọ Giới pháp có nội dung vạn hạnh, thì làm sao gọi là trại sinh Vạn Hạnh được.

Vạn hạnh, như vua Lý Nhân Tông đã từng nói:

"Vạn hạnh dung tam tế

Chân phù cổ sấm cơ

Hương quan danh cổ pháp

Trụ tích trấn vương kỳ".

Như vậy, vạn hạnh đối với không gian là phải biết xuyên suốt ba cõi, đến và đi thông dong, tự tại trong ba cõi. Đối với thời gian, vạn hạnh không những là thấy việc trước mắt, mà còn thấy cả việc của quá khứ, và của tương lai nữa. Thấy việc quá khứ trong hiện tại, thấy việc tương lai trong hiện tại. Và phải biết ứng dụng cái thấy ấy, vào trong đời sống thực tế, chứ không phải cái thấy mơ hồ, không phải cái hiểu biết mơ hồ, mà phải là cái thấy, cái hiểu thực tế.

Thấy thực tế là gì? Đó là cái thấy của “Trụ tích trần vương kỹ”, tức là sử dụng gậy thiền để trấn giữ non sông. Giữ gìn non sông là giữ gìn lẽ phải; giữ gìn lẽ phải là giữ gìn Đạo pháp. Đạo pháp với non sông là một; non sông với Đạo pháp là một. Ta làm cho Đạo pháp vinh quang, chính là ta làm cho non sông phồn thịnh, ta làm cho non sông phồn thịnh là ta làm cho Đạo pháp vinh quang. Tinh thần ấy chính là tinh thần Vạn hạnh.

Ta làm với tinh thần tự nguyện, tự giác, vô cầu, vô tướng, vô trú. Vì ta làm với tinh thần như vậy, nên ta không cần ai khen mà cũng chẳng sợ ai chê. Thấy đúng với Đạo là ta làm, thấy đúng với lý tưởng thì ta thề nguyện bước vào



trước hết và thấy có lợi ích cho nhân quần xã hội, thì dù khó khăn đến mấy cũng chẳng từ nan. Đó là tất cả những gì mà trại sinh Vạn Hạnh phải biết và phải tiếp tục thực tập, tiếp tục thực hiện lý tưởng Vạn Hạnh trong đời sống thực tế của mình. Làm được như vậy, thì quý vị mới xứng đáng là con của Phật, là con của Tổ, xứng đáng mang vào trong đời sống của mình, trong lý tưởng của mình, trong lịch sử đời mình là trại sinh Vạn Hạnh và tốt nghiệp khóa học Vạn Hạnh là khóa cao nhất của Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Quý vị làm được như thế, thì quý vị sẽ cống hiến sự cao quý của mình lên Tam Bảo và quý vị sẽ duy trì được tổ chức của Gia Đình Phật Tử Việt Nam, báo đáp công ơn của Tam Bảo, báo đáp công ơn của Thầy Tổ, của các bậc tiền bối hữu công, của giang sơn tổ quốc, của chư anh linh Thánh tử Đạo và nhất là chúng ta đã không hổ thẹn, với cha mẹ ta, đã sinh ra ta và đã nuôi lớn ta, tác thành sự nghiệp cho ta, dìu dắt ta đi trên con đường Thánh để học đạo, tu đạo và hành đạo.

Quý vị làm được như thế, là quý vị đã xứng đáng cho sự có mặt của Chư tôn đức đang hiện diện chứng minh cho

quý vị hôm nay.

Quý vị làm được như thế, tức là quý vị đã làm vui lòng các anh Nguyên Tín – Nguyễn Châu, anh Nguyên Ngô - Nguyễn Sĩ Thiệu, các anh đều đã trên dưới tám mươi tuổi, thân thể có nhiều bệnh hoạn, hoàn cảnh có nhiều khó khăn, nhưng tâm trí vẫn còn sáng suốt, vẫn sẵn sàng chia đấng sẻ cay với anh em.

Tôi xin nhắc lại, tất cả trại sinh Vạn Hạnh, không nên sống với nhau bằng cái đầu, mà nên sống với nhau bằng trái tim. Đã sống với nhau bằng trái tim, thì tất cả những gì sai lầm của nhau, hãy gạt qua một bên, những gì tốt đẹp của nhau, thì cùng nhau trân trọng và tuyên dương. Làm được như vậy, tức là chúng ta xứng đáng con cháu của Vạn Hạnh.

Nam mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát Ma Ha Tát.

*Nhuận Hạnh Châu và Mãn Tuệ phiên tả.*

**Vi tính: Quảng Huệ**

**Chính tả: Tâm Dung**

**Bìa: Bảo An**

**Công ản: Hai anh chị Phật tử Mỹ và Hương của  
Luật viện Huệ Nghiêm, Sài Gòn cúng dường.**